

BÁCH KHOA

17

15 THÁNG CHÍN 1957

Trong số này :

- PHẠM-NGỌC-THẢO Quan-niệm quân sự hiện đại.
VŨ-KÝ Giữ vững chính nghĩa.
VŨ-THỪA-CHI Vụ Ti-Tô.
SƠN-VŨ Chiến tranh tâm lý và vấn đề chiến lược đạt quy mô.
NGUYỄN-NGỌC-NÊ Những gạch nối, nối liền những tiếng kếp trong văn tự Việt-Nam.
TRẦN-VĂN-KHÊ Nhạc phương Đông, nhạc phương Tây.
MINH-ANH Hoạt động và tự do phát triển nhân tính của trẻ em.
THUẦN-PHONG Đất nước trong ca dao.
TỪ-QUYÊN
ĐẶNG-VĂN-NHÂM Những huy chương cổ điển Việt-Nam : Tiền, Bội, Khánh, Bội.
TÂN-FONG-HIỆP Hai nhà nho chí-sĩ Ngô-dức-Kế và Phan-bội-Châu đối với truyện Kiều.
VĂN-QUANG Thơ.
MẶC-THU Người luyện kiếm.
TỪ-VŨ
(bản dịch của Vi-Huyền-Đắc) Nhật gia.



Đi **PARIS** hoặc **HONGKONG**

bằng phi-cơ « **SUPER G** »



SAIGON - PARIS

(chuyến bay « **THANH-LONG** »)

cát cánh 20g20 mỗi thứ tư



SAIGON - HONGKONG

(chung với **AIR FRANCE**)

*cát cánh 9g30 mỗi thứ ba
thứ năm
thứ sáu*



Xin hỏi: **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. 22.446 - 47, 21.624 - 25 - 26

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



TẠP CHÍ BÁCH KHOA

Trong những số tới:

HOÀNG-MINH-TUYNH : *Chế độ dân chủ cổ điển : nước Anh (tiếp theo).*

HU-CHU : *Vấn đề lập ý trong lối thơ Đường luật.*

HOÀNG-THÁI-LINH : *Tự tử.*

PHÙNG-BÁ-KHANH : *Vấn tự tượng hình.*

CÔ-LIÊU : *Nhân đạo Nhập Thiên Thai của Vũ Khắc Khoan.*

Á-Nam

TRẦN-TUẤN-KHẢI : *Đường thi dịch giải.*

THUẦN-PHONG : *Đất nước trong ca dao (tiếp theo).*



THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90\$00** — 1 năm 24 số : **180\$**

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN : 412 414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Hộp thư 339 — SAIGON

QUAN NIỆM QUÂN SỰ HIỆN ĐẠI

PHẠM-NGỌC-THẢO



À N đây, ở Đông Phương cũng như Tây Phương, người ta đã tìm ra được một vài thứ vũ khí và dụng cụ trang bị quân sự tối tân.

Với vũ khí mới đó, một quân đội có thể oanh tạc và tiêu diệt vật lẫn người tại một địa điểm cách xa họ một hai ngàn cây số. Sức phá hoại của vũ khí ấy theo sự tuyên truyền trắng trợn của họ, có thể ngoài sự tưởng tượng của người thường. Theo họ, sau khi một trái bom loại đó nổ rồi, thì chẳng những người và vật trong vòng 4, 5 cây số hóa ra tro tàn, mà hơi và bụi trong chất nổ có thể bay đi hàng trăm cây số, làm cho cơ thể người và súc vật có nhiều biến đổi lạ lùng

và tai hại, lưu truyền tới hai ba thế hệ : đàn bà không sanh đẻ, trẻ nít bết thông minh, nhiều bệnh tật mới lạ sẽ xuất hiện, như bệnh lở da, bệnh tựa như cùi v.v... Tuy họ chủ trương lối tuyên truyền xảo quyệt, nhưng có khi chính bản thân các nước đó lại mắc kẹt vào mưu kế của họ. Họ định làm cho các nước khác sợ vũ khí mới đề rồi sợ luôn những nước nào có vũ khí mới đó, nhưng kết quả là chính bản thân nước họ cũng sợ vậy. Càng sợ họ càng điên cuồng đồ người và của để tìm cách chế vũ khí mạnh thêm lên. Nhưng cuộc chạy đua đó không có lần mức. Chạy mãi mà không khi nào đến nơi... Bình tĩnh mà xét, phải chăng, quân sự hiện đại chỉ có điểm mới mẻ ở phương diện vũ khí

hay sao ? Còn đối với các nước chưa có nguyên tử lực, quân đội có phải bó tay chịu thua, hay đóng vai trò gác kho đạn, hay giữ sân bay, hay làm quân đội chư hầu hoàn toàn phụ thuộc hay sao ?

Cách đây không lâu, người ta quan niệm rằng khi đại bác thần công đã nổ thì chánh trị phải dẹp qua một bên, quân sự là tối hậu quyết định, là độc quyền quyết định. Tư tưởng đó đã đưa tới chủ nghĩa quân phiệt, lấy sức mạnh làm căn bản luật lệ, lấy thắng lợi bằng mọi phương pháp làm nền tảng cho một việc được gọi là « chánh nghĩa ». Theo quan niệm này, chỉ cần xây dựng một quân đội có kỹ thuật thật cao, có vũ khí thật đầy đủ và tối tân, là có đủ điều kiện để bình vực quyền lợi của nước mình, và xâm chiếm quyền lợi các nước yếu hơn. Định đoạt sự thắng hay bại của một cuộc chiến tranh chỉ có quân đội. Vai trò của nhân dân kể như hết sức phụ.

Nhưng cũng may cho nhân loại, mặc dù có những giai đoạn ngắn mà chủ nghĩa quân phiệt được thắng lợi, lịch sử quân sự đã chứng minh rằng yếu tố định đoạt cuối cùng không phải là võ lực. Cách đây hai chục năm, Đức-Quốc-xã của Hít-Le đã xây dựng được một quân đội có thể nói mạnh nhất thế giới và vũ khí, quân cụ của họ cũng cực nhứt. Cùng lúc ấy, nước Nhật với một đà tiến bộ vượt mức, cũng đã nắm độc quyền về vài thứ vũ khí và kỹ thuật đặc biệt, và đã làm chấn động dư luận thế giới. Nước Ý của Mussolini cũng ráng noi gương mà theo hai nước bạn đồng chí hướng. Họ tưởng rằng với sức của

quân đội và vũ khí tối tân, họ có thể cùng chia nhau tung hoành trên thế giới. Trong lúc họ đang mạnh, trong lúc mà các đài phát thanh của họ khai trương một lối tuyên truyền mới, gọi là « Chiến tranh tâm lý », nhân dân của nhiều nước yếu đã phải lo sợ, và một số chánh phủ chưa gì đã đầu hàng non. Nhưng lịch sử cho biết những nước quân phiệt có cai trị được thế giới bao lâu đâu, và các lãnh tụ chủ nghĩa quân phiệt đã kết thúc cuộc đời tai hại của họ một cách thảm thương.



Không, lịch sử thế giới không có chứng minh vũ khí định đoạt tất cả. Phần mới mẻ và tiến bộ trong tư tưởng quân sự hiện đại không phải là một điểm vật chất dựa con người đầu hàng trước vài phát minh quý quýt của loài người. Tuy trái bom nguyên tử nổ tại Hiroshima đã giúp một phần khá quyết định để chấm dứt chiến tranh thế giới thứ hai, song không phải chỉ vì trái bom đó mà phe phát xít phải thất bại. Nguyên nhân sâu sắc trong việc thắng lợi của các bộ đội Đồng minh là vì họ chiến đấu cho quyền tự do của các dân tộc bị phe phát xít xâm chiếm, do đó họ đi đúng với nguyện vọng các dân tộc nên họ được ủng hộ. Dù trái bom nguyên tử không nổ đi nữa, ta có thể tin chắc rằng chậm hơn một chút, phe Đồng Minh nhất định cũng sẽ thắng. Vậy trong các yếu tố mới mẻ xuất hiện trong tư tưởng quân sự hiện đại, cần nói trước hết đến yếu tố nhân dân. Trong tư tưởng quân sự cũ, người ta ít chú trọng đến sự liên hệ giữa quân đội và nhân dân. Có khi người ta còn đặt vai trò của nhân dân rất phụ thuộc đối

với quân đội. Nhưng gần đây, kinh nghiệm đã chấn chỉnh điều sai lầm đó, và quân đội nào không được lòng dân và sự ủng hộ của dân đều không thể chiến thắng. Nhu cầu của quân đội hiện đại về người cũng như về vật chất quá lớn lao, nên không thể nào xây dựng và bồi dưỡng một quân đội, nếu nhân dân không chịu đóng góp, hay đóng góp miễn cưỡng. Do đó, định đoạt thắng bại của một cuộc chiến tranh, chính là do nhân dân chứ không phải quân đội. Vì mặc dù quân đội có thể bị đánh tan, nếu ý chí chiến đấu của nhân dân vẫn còn, thì nhân dân phải gây dựng lại một quân đội khác và tiếp tục chiến tranh. Tiêu diệt được một quân đội không còn ý nghĩa nhất thiết là giải quyết một cuộc chiến tranh.

Một yếu tố khác của tư tưởng quân sự hiện đại là vấn đề chính trị lãnh đạo chiến tranh. Hiện giờ trong hầu hết các nước, ngay trong giai đoạn chiến tranh, tổ chức quân sự tối cao vẫn phụ thuộc và chịu sự chỉ đạo của tổ chức chánh trị tối cao. Do đó, vấn đề chiến đấu của quân đội có khi chỉ là một vấn đề bất đắc dĩ. Người ta chỉ dùng đến biện pháp quân đội khi không còn dùng được biện pháp gì khác. Hình thái chiến tranh giờ đây đã biến đổi rất nhiều. Nó không còn đơn giản là nỏ súng, tước gươm, thả bom, nhảy dù. Trái lại, nó đòi thiên hình vạn trạng. Có khi muốn chinh phục một vùng, người ta không cần quân đội phải nỏ súng, mà chỉ yêu cầu quân đội lấy công tác xã hội và công tác giải thích làm chánh. Một quân đội đã từng phải chiến đấu với một đạo binh có tánh chất đạo giáo chẳng hạn, có lẽ sẽ

thông cảm niềm này rất rõ rệt. Chiến đấu bằng súng đạn để chống một quân đội dựa vào một tôn giáo là một việc rất khó thành công, trái lại kinh nghiệm cho biết thường thường chỉ đào sâu thêm hố hận thù, và không sao tiêu diệt được quân đội ấy, vì nó có thể dựa vào óc mê tín của giáo dân để bổ xung mãi hàng ngũ.

Một yếu tố đáng kể nữa là tại một số nước càng ngày càng lớn, người ta không còn quan niệm quân đội như một đơn vị chỉ có khả năng xử dụng gươm và súng để chiến đấu với địch, và chỉ có thể dùng để đánh giặc ngoài mặt trận mà thôi. Quân đội hiện giờ, cách bổ sung của nó được coi là bộ phận tinh túy nhứt của dân tộc gồm những thành phần đầy sinh lực và được sống trong một hoàn cảnh đặc biệt thuận tiện để học tập cũng như để hoạt động. Chính vì quan niệm quân đội có khả năng rất dồi dào nên trong thời chiến, quân đội là bộ phận chủ lực để đuổi giặc, và trong thời bình, quân đội có thể là động cơ chánh để kiến thiết. Ngay trong thời bình, có lẽ cũng không có tập thể nào hơn quân đội để xây dựng một nông trường kiểu mẫu, thí nghiệm những phương pháp làm việc tiến bộ nhất tại một xưởng kỹ nghệ mới, tiên phong kiến thiết những đường giao thông huyết mạch, tiếp tay với ngành đang đuổi sức. Trong địa hạt văn hóa, thể thao, quân đội cũng đủ khả năng giữ vai trò tiên phong. Như vậy, quân đội là một tổ chức lúc nào cũng đem lại một ích lợi quyết định trong nước, dù trong thời hòa bình hay thời chiến tranh. Nó không còn như thời phong kiến, là một tổ chức ô hợp gồm những phần tử

lưu manh, chỉ biết đánh nhau khi có giặc và ăn hại trong thời bình.



Mặc cho các đài phát thanh tuyên truyền về sức phá hoại rùng rợn của loại bom này hay loại bom kia, mặc cho ai lầm tưởng rằng, với vài thứ vũ khí mới, họ có thể đô hộ, dù dưới nhiều hình thức khéo léo, các nước nhỏ, bất chấp đến quyền sống độc lập và tự do của mỗi dân tộc, người quân sự quan niệm đúng đắn khả năng và vai trò của quân đội trong hiện đại không thể bị lay chuyển. Hơn nữa, tuy hằng ngày cố gắng học tập những chiến thuật và kỹ thuật chiến đấu quy mô, song cũng nên nhớ rằng đối với một quân đội đang ở trong một thế yếu, lối chiến đấu du kích, chặt chẽ nương tựa vào nhân dân, có thể tiêu trừ các ưu thế vật chất của một kẻ địch phi nghĩa mạnh gấp mười. Chiến đấu du kích không có nghĩa là có tư tưởng quân sự lạc hậu đâu, vì chiến tranh du kích cũng như chiến tranh chánh quy, có thể dùng phương tiện lạc hậu hay tối tân, áp dụng phương pháp cũ hay rất khoa học. Hình thức chiến tranh sẽ được lựa chọn, tùy theo tương quan lực lượng giữa ta và địch trong một tình hình chung cụ thể. Nếu quân đội ta được lòng dân, ta sẽ buộc địch phải chiến đấu dưới một hình thức thuận lợi cho ta và không cho

địch tận dụng được ưu thế vật chất của họ. Ta không chủ quan khinh thường các phát minh vũ khí tối tân, nhưng một quân đội được xây dựng trong một tư tưởng quân sự đúng đắn, có thể bình vực thành công quyền lợi chánh đáng của dân tộc mình, dù kẻ địch có nắm ưu thế về vật chất.

Có người cho rằng lịch sử là một sự lặp đi lặp lại các sự việc đã xảy ra. Trên một phương diện nào đó, điều này cũng có phần đúng. Nhớ lại thời kỳ phe quân phiệt hung hăng hăm dọa ở Phương Đông và Phương Tây rồi cũng bị tiêu tan, ta có thể yên tâm xây dựng quân đội ta theo một phương hướng chánh đáng ; không vì có xuất hiện ra vài thứ vũ khí có thể giết người quy mô mà quá nặng về kỹ thuật để mất nguồn sức mạnh căn bản của quân đội là lòng dân, hay quá e ngại về chiến tranh tương lai mà không đề quân đội làm tròn nhiệm vụ động cơ kiến thiết trong thời hòa bình.

Lẽ tức nhiên, kẻ nào đang nắm những thứ vũ khí ưu thế, thì muốn xây dựng mọi việc theo tiêu chuẩn đó, song nếu tưởng rằng có vài yếu tố vũ khí mà có thể định đoạt mọi việc trên thế gian, thì thiệt ra kẻ đó đã coi rẻ con người quá và chắc chắn kẻ đó sai.

PHẠM-NGỌC-THẢO



Giới thiệu sách mới :



Đã từ lâu nay, người ta ít được đọc những tác-phẩm văn-ngệ có giá-trị. Hiện tình trong vườn văn-ngệ, hoa thơm cũng có mà cỏ dại cũng nhiều, khiến

người đọc cũng băn-khoăn.

Tình-trạng xã - hội Việt - Nam đã có nhiều thay đổi dồn-dập, cuộc sống con người bị dồn-nén, luôn-luôn muốn tìm một lối thoát cho tư - tưởng, âm-thầm chứa đựng đầy gió bão của thời đại.

Trong khi ấy TÌM VỀ SINH-LỘ đã đến với chúng ta. KỶ-VĂN-NGUYỄN tuy lâu nay ít viết nhưng tác-giả của « Những kẻ sống sót » hẳn không còn có gì lạ-lùng đối với chúng ta cả.

TÌM VỀ SINH-LỘ là một câu chuyện thời đại.

Trần-Vũ, một con người kháng-chiến đã tỉnh-ngộ sau khi bị Việt - Cộng lừa dối, trở về vùng hồi đó mệnh danh là « Quốc-gia » đầy rẫy những bắt - công

và thối - nát. Anh gặp một người bạn và cũng là kẻ thù cũ : Phùng-Anh. Cuộc đời Trần-Vũ bị nhiều áp-bức khi ở vùng Việt - Cộng và cũng bị nhiều chìm nổi ở vùng « Quốc-gia ».

Nhưng ở Trần-Vũ còn có hy - vọng để xây-dựng lý - tưởng của mình, vun-dắp một xã-hội công - bình và bác - ái. Anh đã là một chiến-sĩ cầm bút xây-dựng lý - tưởng.

« Sau khi đã phá cái gì thối - nát phải xây-dựng một căn-bản lành-mạnh. Dân chúng đã thức tỉnh một phần nào về quyền - lợi và sức mạnh của mình, đã vững tin ở Công-lý, đã hướng về một ngày mai tươi sáng » (trang 191).

Tác-giả lại cố vạch những sự thối - tha của cái thời vàng thau lẫn-lộn đó.

« Họ như những ông vua con ở một vùng xa-lạ. Quyền sinh-sát dân - chúng ở trong tay. Có kẻ cho những người thân-tín làm tay chân ra đục khoét.

Mưu thần chúc quý họ mang ra dùng hết để cố làm giàu trong một thời-gian ngắn ».

Tác-giả đã phơi bày cái cảnh thối-nát của Quân-đội thời đó. Trần - Vũ, người chiến-sĩ quốc - gia sau khi được ra khỏi trường sĩ-quan, đã thấy rõ cái cảnh thối-nát ấy.

« Sự thật là chiến trận cam go không làm xúc-cảm nổi Trần-Vũ, nhưng chính những sự thối - nát trong quân - đội lúc bấy giờ làm chàng đau lòng và té-tái nhất. Người ta muốn bóc-lột xương máu anh em binh-sĩ một lần nữa ngoài dã-tâm của bọn thực-dân Pháp... »

« Trần-Vũ vốn biết vị Đại - úy, Tiểu đoàn Trưởng là một người tham những Hãn không từ một việc gì hèn mọn có thể ăn chặn tiền của anh em binh - sĩ. Đã một lần hãn bảo các sĩ - quan ký-nhận một số tiền thưởng cho anh em binh-sĩ trên giấy tờ còn tiền thì vào túi hãn » (234-235).

Và Trần-Vũ, người sĩ-quan trẻ tuổi ấy, đã đau khổ khi nghĩ đến công việc mình những hình ảnh đó bây giờ chỉ là một hình bóng đã qua của dĩ-vãng.

« Hãy chiến-đấu, rút lấy những kinh-nghiệm chiến-đấu. Chàng không ngờ vào nhà binh mà còn phải chống lại cái thối-nát ghê-gớm đến như vậy. Đến bao giờ quân-đội mới được lành-mạnh xứng-đáng với danh-từ cao-cả của quân-đội » (238)

Tác-giả đã nhìn - nhận được những bệnh trạng của xã-hội và của những nhà cầm-quyền đương - thời một cách xác-

thực và thấm-thiết. Tâm-trạng của Trần-Vũ chính là tâm-trạng của nhân-dân hồi đó khi sống trong tình-trạng một cò hai ba tròng.

Lý-tưởng của Trần - Vũ, cũng là của tác-giả, là xây-dựng một đời sống an-ninh, một xã-hội mới, một đời sống mới.

« Tất cả mọi người đều bừng lên phong trào quyết sống. Chúng ta phải quyết sống, sống mạnh, sống vui, sống oai-hùng, sống tự-do mà cá - nhân ta được cởi - mở. Chúng ta phải quyết sống, sống để chiến-thắng, sống để mở rộng tình yêu-thương lẫn nhau, sống một đời sống nhân-vị, đầy đủ rộng-rãi » (trang 336).

Tác-giả đã khéo tạo nên những nhân-vật điển - hình cho một thời-dại nhàu-nát đã qua. Ý-chí tranh - đấu cho sự sống còn của con người và của dân-tộc đã được KỶ-VĂN-NGUYỄN gói-ghém ở từ lời nói, cử-chỉ của một nhân-vật. Ý-chí sống còn không vị-ký mà đầy lòng vị-tha và tình thương-yêu xã-hội.

Lẽ dĩ-nhiên trong một cuốn truyện dài hơn 300 trang, chúng ta không khỏi nhận xét thấy những khuyết - điểm. Một vài đoạn, nhân-vật đã có nhiều lời nói hoặc hành-động quá máy-móc. Nhân-vật chính Trần-Vũ, thường có những hành - động quá lý-tưởng làm mất bản-tính thật - sự của con người.

Tuy nhiên KỶ-VĂN-NGUYỄN quả đã có nhiều cố-gắng nên ngoại-trừ vài khuyết-diểm trên. TÌM VỀ SINH-LỘ vẫn phản-ảnh được một giai-đoạn lịch-sử đã qua, và giúp một phần nào trong công cuộc xây-dựng đất-nước hiện tại...

THẾ-VĂN

GIỮ VỮNG CHÍNH NGHĨA

VŨ KÝ

« Mặc dù chiến loạn, tương tàn, hãy đào sâu luống cày

để giữ vững hạt giống chính nghĩa ngày sau »



RUỐC bao nhiêu bấp bênh vô định của ngày mai sắp đến, trước những biến cố lớn lao của thời đại, nhiều bạn trong chúng ta vẫn nặng trĩu những ý

tưởng đen tối và chán nản rằng : « Thực không còn cái gì dùng được vào việc gì nữa cả ». Các bạn ấy thường tự hỏi : « Nếu nền tảng xã hội sắp đương đầu với một sự sụp đổ khó bề tránh khỏi thì con người hiện sống đây còn có ích lợi gì mà ôm-ấp bao nhiêu dự định, mộng tưởng cao siêu để cải thiện số phận mình, tranh đấu cho chính nghĩa và gây hạnh phúc cho cuộc sống bản thân và cho bao người quanh mình nữa. Nếu chúng ta biết chắc sẽ ngụp lặn trong một sự rối loạn toàn diện tất

nhiên phải đến, thì điều tốt hơn hết là ngay từ bây giờ mình phải tự mình xoay xở để thoát cơn đại nạn trước đã, hoặc bằng cách này hay cách khác ».

Nếu cái quan niệm định mệnh yếu hèn đầy bệnh hoạn kia, nếu cái thất bại chủ nghĩa nói trên được bành trướng thì khốc hại thay ! sẽ tiêu - tan thành mây khói bao nhiêu ước - mơ, hy vọng của con người : để xây dựng cho nhân sinh một lý tưởng, một chính nghĩa đủ đầy và cao quý.

Những thực hiện vô cùng vĩ đại của loài người thường xuất hiện trong những thời đại đen tối nhất của lịch sử. Những cuộc chiến-đấu ác liệt nhất vì chính nghĩa thường tranh thủ sự thắng

lợi trong những giai đoạn mà dã man và bạo lực đến chỗ cùng. Và có khó, chính nghĩa mới có vinh.

Mùa gặt của chính nghĩa trưởng thành tiềm tàng trong bản thân hạt giống của tin tưởng hiện tại.

Lịch sử đã chứng minh rõ ở mỗi giai đoạn hắc ám nhất của dân tộc, nhân loại đều mang sẵn theo mình một tia sáng nhiệm mầu và tia lửa thiêng ấy đem lại ánh sáng và nguồn sống cho thế hệ hậu sinh. Ánh sáng quét sạch u tối, chính nghĩa quét sạch tà thuyết và nhân đạo quét sạch bạo tàn và cường lực.

Hãy nhớ Thánh Sử, bàn chuyện xa xưa. Thánh Jérôme, trong một tu viện thành Bethléem đầu thế kỷ thứ V, đang hoàn thành công trình phiên dịch, san định Thánh Kinh thì Ngài bỗng được tin La-Mã, thủ đô bất diệt của Thánh giáo bị loạn quân Alarics và Goths xâm chiếm. Nói đến quân Alarics, phải nói đến phá hoại, sụp đổ, phải nghĩ « họa đồ » ngày nay.

Công trình Ngài từ đó trở thành vô ích và thánh Jérôme thất vọng đã viết nên dòng chữ đau thương đầy uất hận :

« Sẽ còn lại những gì, nếu La-Mã yêu quý của muôn đời bị tiêu diệt ? »

Bạn thử nghĩ cái gì còn sót lại, sau đó ? Bảy trăm năm u tối, man rợ, điên loạn tiếp liền. Nhân loại bị chà xát. Thành trì đổ vỡ, suy sụp tận gốc. Tuy thế, vẫn sống mãi một cái gì. Cái gì đó bất diệt và vĩnh cửu, chính là bản dịch Thánh Kinh của Thánh Jérôme mà nhân loại đều biết dưới danh hiệu bản dịch phổ thông Vulgate. Các trang sách Thánh

Kinh ấy đã phát sinh bao nhiêu công trình hùng tráng ca ngợi thời tất thắng vinh quang của Thiên Chúa giáo : đó là các nhà thờ ở Âu-châu, tác phẩm Thánh kịch của thi hào Ý Dante, những bức danh họa của thiên tài Michel-Ange, và vô số tác phẩm khác.

Cả một nền văn hóa vô cùng kỳ diệu ấy đều bắt nguồn trong ý chí dũng cảm của một nhà tu sĩ, trước đó bao nhiêu thời đại.

Mặc dù có lúc chán nản, e chề vì thời cuộc, Thánh Jérôme đã quyết đeo đuổi sự nghiệp mình và vững tin ở CHÍNH NGHĨA và THIÊN ĐẠO.

Ngài đã sáng tạo cho Thiên-Chúa giáo rất nhiều đề trung hoà sự phá hủy bạo tàn của loạn Alarics bất lương.

Hãy nhớ kỹ sự việc của lịch sử để nhận thức một bài học vô cùng quý giá.

Nhất là trong giai đoạn hiện tại, giữa thế kỷ XX này mà chúng ta đang an lành sinh sống, sự bạo tàn và man rợ, cũng giống như ở thế kỷ thứ V, đang chuẩn bị tấn công nền văn minh nhân loại. Loạn quân Alarics thời nay, đang lăm le chà đạp các giá trị tinh thần cao quý, xáo trộn tấm bảng trật tự đạo đức cũ mà nhân loại đã mua bằng bao nhiêu máu xương và nước mắt để làm gì ? Để giả tạo một tà thuyết, một quái hóa, mưu đồ thống trị quả đất bằng cường bạo, dã tâm, dối trá.

Có biết bao nhiêu tuyệt tác của loài người thường được xây dựng trong bao thời kỳ chiến loạn và rối ren nhất. Giữa lòng sự tàn bạo của các thế kỷ XII và XIII, đã xuất hiện bao nhiêu đền

thờ vĩ đại nhất ca ngợi sự thắng lợi huy hoàng của nền tôn giáo thời Trung cổ. Đại thi hào Milton sáng tạo « áng văn « Thiên Đường bị mất » (Paradis perdu) trong khi toàn thể Anh quốc bị xâu xé bởi cảnh tương tàn khủng khiếp.

Goethe và Beethoven chinh phục sự tàn thương của nhân loại vì thiên tài bất-tử giữa lúc Âu-châu bị xâm chiếm, đang vang dội gót dày đầm máu của mười vạn hùng quân Nã-phá-luân.

Làm việc là một phương thuốc tiên thần hiệu nhất. Làm việc vì chính nghĩa, vì tự do, vì nhân loại lại là công trình của những bậc ân nhân hữu danh và vô danh của đất nước, của nhân loại, trong cái vô cùng cực của thời gian và đất trời. Một nhà triết gia kiêm toán học Anh Whitehead đã nói :

« Vai trò của tương lai là mãi mãi đặt trước mắt chúng ta nhiều vấn đề để ta lo nghĩ ».

Chúng ta thêm : « Vai trò của chính nghĩa là luôn luôn đặt trong ý chí chúng ta nhiều cuộc giao tranh mới ác liệt ». Có giao chiến mới thí nghiệm được bầu tâm huyết bùng sôi của những con người quyết hiến mình cho đại nghĩa.

Lịch sử của toàn thể các dân tộc trên thế giới còn sờ sờ trước mắt, đầy đầy bao nhiêu gương anh dũng sáng ngời trước địch thù tàn bạo nguy hiểm, đầy đầy những hiện thân của quyết chiến, quyết thắng vinh quang.

Con người, con người của tinh thần thiện nguyên thủy, phục-vụ cho VĂN MINH, CHÍNH NGHĨA, ĐẠO-LÝ không bao giờ chịu khuất phục trước TÀ THUYẾT, QUÁI HÓA và ÁP BỨC cũng

như không bao giờ dòn hèn đành chịu bất lực để phó mặc thời cơ.

Họ đã CHIẾN THẮNG.

Một ý thức hệ mới, than ôi ! đã nảy nở giữa thời đại chúng ta. Đó là cái ý thức rõ đại luôn luôn nghĩ đến sự tiêu diệt bao nhiêu truyền thống cao quý, tốt đẹp của con người, bất kỳ ở đâu và lúc nào mà bọn bạo tàn ấy có thể xâm nhập, để hủy hoại nền văn minh và văn hóa, để thay thế bằng áp-bức và độc-tài.

Muốn đương đầu với ý thức hệ dã man ấy, muốn duy trì nền nhân bản, tốt đẹp từ ngàn xưa, muốn chiến thắng với thứ loạn quân Alarics mới hiện đại, hung hăng và hiếu chiến ấy, hãy lôi họ trở về với người, thời là cầm thú đi, và chúng ta — tất cả chúng ta — không trừ một ai, nếu nhận chân sứ mệnh của những con người vì CHÍNH NGHĨA vì ĐẠO LÝ, chúng ta nên thừa can đảm nhận trọng trách bảo vệ, tranh thủ những kho tàng đầy bảo vật tinh thần mà bao thế kỷ qua đã di tặng chúng ta.

Không có cái gì làm gián đoạn cuộc chạy đua hỏa tốc của nền văn minh nhân loại được. Trong quá khứ, nhân loại đã thành công vì Chính nghĩa, vì Đạo lý. Đó cũng là bí quyết nhiệm màu trong sự tất thắng đầy vinh quang của các bậc tiền bối chúng ta, qua cuộc hành trình lịch sử. Hãy luôn luôn nuôi dưỡng và tiếp nối Ngọn Lửa Thần bùng cháy Ánh Đạo rực hào quang, làm cho các giá trị tinh thần được duy trì nguyên vẹn qua cơn đại nạn ngặt nghèo và làm phong phú mãi kho bảo vật lưu lại ngàn đời sau. Giữ vững Chính nghĩa và Chính nghĩa tất thắng ! Hãy đào sâu luống cày để giữ vững hạt giống Chính nghĩa ngày sau.

Phóng tác của VŨ-KÝ

VẾT NÚT RẠN ĐẦU TIÊN
CỦA CỘNG SẢN QUỐC TẾ :

VỤ TI-TÔ

(Biển cổ trọng đại nhất của C. S. thời hậu chiến)

VŨ - THỪA - CHI

CHƯƠNG THỨ BA

ĐÂY SỰ THẬT LỊCH SỬ hay là BIỂN CỔ TRỌNG ĐẠI NHẤT CỦA CỘNG SẢN QUỐC TẾ THỜI HẬU CHIẾN



N GÀY 18 tháng 3 năm 1948, tướng Barskov thông báo cho thống chế Ti-Tô biết quyết định của chính phủ Nga triệt hồi tất cả cố vấn và huấn luyện viên quân sự Nga-sô tại Nam-Tur.

Lý-do ? Theo Mạc-tư-Khoa, các nhân viên này không được đối xử thân thiện ở Nam-Tur.

Qua ngày sau, viên xử lý ngoại giao Nga-sô Armininov, yết kiến Ti-Tô, trao

một thông điệp khác của chính phủ Nga báo tin gọi về tất cả chuyên viên dân sự Nga tại Nam-Tur.

Armininov nói rõ rằng chính phủ Nga rất bất mãn vì một cái lệnh mới đây của Ti-Tô cấm công chức Nam-Tur không được cung cấp cho bất cứ ai « những tin tức quan trọng về kinh tế ». Một đại diện thương mại Nga đến hỏi thăm một nhân viên cao cấp Nam-Tur về vài điều cơ mật, đã được trả lời : « Phải trực tiếp hỏi Trung ương Đảng hay ông Tổng trưởng hữu trách ».

Chính phủ Nga cho như vậy làm thương tổn đến uy tín của mình.

Ti-Tô liền gửi thư kháng nghị với Molotov. Theo thống chế Nam-Tur, người Nam-Tur đối xử với các chuyên viên quân sự Nga « không những chỉ tốt, còn thật sự thân hữu và hết sức hậu đãi ».

Còn cái lệnh cấm công chức cung cấp tin tức cho người ngoài, mà chính phủ không hay biết, Ti-Tô thấy rất đúng, vì đó là biện pháp ngăn ngừa, không cho những điều bí mật kinh tế và quốc gia lọt vào tay kẻ địch.

Ti-Tô còn thêm : « ... giữa hai nước chúng ta, không có một thỏa ước đặc biệt nào nói rằng những người của chúng tôi có quyền cung cấp tin tức về kinh tế cho những nhân viên hoạt động kinh tế của Nga-sô, mà không được phép của Trung ương Đảng... Chúng tôi hết sức ngạc nhiên thấy chính phủ Nga lại không đồng ý với thái độ của chúng tôi như vậy, xét về phương diện quyền lợi quốc gia... ».

Người lãnh đạo Nam-Tur biết rằng có một cái gì đây mà Nga-sô không muốn nói, chứ những lý do mà chính phủ Nga viện ra để triệt hồi chuyên viên đâu phải đủ để giải thích hành động ấy.

Cho nên Ti-Tô nhấn mạnh : « ... chúng tôi mong muốn rằng chính phủ Nga-sô thành thực cho chúng tôi biết có vấn đề gì, trong trường hợp này, nêu lên tất cả điều gì mà chính phủ Nga-sô cho là không phù hợp với sự giao hảo giữa hai nước chúng ta... ».

Đó là những lời lẽ đòi trao giữa Mạc-tur-khoa và Belgrade, cuộc đối thoại kết thúc bằng quyết nghị 28 tháng 6 của Phòng Thông Tin Đệ Tam Quốc tế.



Ngay từ đầu, hai bên đã biểu lộ những quan điểm khác nhau.

Nga-sô trách cứ về mặt tư tưởng, tình cảm. Ti-Tô bênh vực thái độ, hành động của Nam-Tur, dựa vào quyền lợi quốc gia.

Thư văn của Nga do Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Nga ký gửi.

Trái lại, Ti-Tô trả lời thẳng cho Staline, Molotov, nghĩa là cho chủ tịch chánh phủ và Ngoại trưởng Nga-sô.

Điều thấy rõ là Ti-Tô hướng sự tranh luận vào địa hạt bang giao giữa quốc gia Nam-Tur và quốc gia Nga-sô.

Trong khi đó, người Nga muốn nói chuyện với đồng chí Ti-Tô, đảng viên Cộng sản, nhân viên của Phòng Thông Tin Đệ Tam Quốc tế.

Theo chiến thuật này, các bản sao những bức thư Nga-sô gửi cho Nam-Tur, được phổ biến cho các đảng Cộng sản trong hệ thống Phòng Thông Tin.

Sau đó, Nam-Tur lần lượt tiếp được những thư phản đối « các đồng chí Nam-Tur » của các đảng Cộng sản huynh đệ.

Nga-sô trách Nam-Tur chủ trương cho các cơ quan an ninh theo dõi, kiểm soát hành động của những chuyên viên dân sự Nga-sô và theo dõi, kiểm soát đến cả vị đại diện Đảng Cộng sản Nga-sô tại Phòng Thông Tin Đệ Tam quốc tế là Youdine.

Dưới mắt diện Cẩm-linh, sự trạng này đặc biệt nghiêm trọng, có tính cách xúc phạm, lăng mạ Nga-sô.

Không thừa nhận những điều trách cứ của Mạc-tur-khoa, Nam-tur quả quyết rằng các biện pháp phòng ngừa của mình là hợp lý. Trong bức thư ngày 13 tháng 4, Trung ương Đảng Nam-Tur ám chỉ thái độ không đúng của một số cơ quan trinh sát Nga-sô tại Nam-Tur. Những

nhân viên trình sát này trong khi hoạt động đã dụng ý tuyên truyền xuyên tạc trong hàng ngũ đảng viên Cộng sản Nam-Tur, nhằm gieo ở họ sự kém tin tưởng, lòng hoài nghi đối với các lãnh tụ đảng. Và Nam-Tur không quên nêu ra những bằng chứng cụ thể.

Theo những tài liệu mà Nam-Tur công bố sau này, người ta thấy rằng cán bộ Nga thường nhằm tuyên truyền lôi kéo những phần tử mà họ biết rõ trung thành với chủ nghĩa Cộng sản, tin tưởng ở Nga-sô.

Những phần tử này được giải thích rằng nhiệm vụ mà cán bộ Nga giao cho họ có một mục đích hết sức cao cả, vượt quá phạm vi ý thức, quan niệm của đảng họ.

Nhiệm vụ gì mà cao cả như vậy ? Cung cấp tin tức nội bộ cho Nga-sô, nhất là những điều cơ mật, làm nội gián cho Nga-sô vậy.

Nhưng phải thấy rằng cán bộ Nga rất quí quyết trong việc tổ chức làm công tác cho họ.

Đề lôi kéo nữ chiến sĩ Nam-Tur Dusan-ka Pérovitch, đại tá Nga-sô Stepanov kể lại nhiều dẫn chứng phản bội xảy ra trong hàng ngũ các đảng Cộng sản, và kết luận : « Kẻ thù có thể ở ngay trong hàng các cán bộ lãnh đạo có trách nhiệm quan trọng nhất, ta không bao giờ có thể tin chắc hoàn toàn và ở trường hợp như vậy, ta nên tin tưởng nơi một tổ chức siêu đảng, từng được thử thách hơn... ».

Stepanov còn thêm rằng những lãnh tụ trứ danh của cách mạng thế giới như đồng chí Dimitrov chẳng hạn, cũng tán thành quan điểm ấy.

Tổ chức nào siêu đảng và kiên trung qua bao thử-thách ? Đảng Cộng sản và quốc gia Nga-sô vậy.

Cũng cần nhớ rằng cán bộ tuyên truyền của Nga thường ca tụng Ti-Tô, nhưng lại làm cho người nghe hiểu rằng xung quanh lãnh tụ Ti-Tô có những phần tử khả nghi cần được theo dõi.

Như vậy, cán bộ, đảng viên đảng Cộng sản Nam-Tur đã bị đặt vào một tình trạng rất khó xử : hoặc họ phải từ chối sự hợp tác với các đồng chí đại diện cho Nga-sô, hoặc họ phải tỏ ra không đúng đắn với Đảng. Trong khi đó họ vẫn quan niệm rằng Đảng Nam-Tur và Đảng Nga-sô là một, quyền lợi Nam-Tur và quyền lợi Nga-sô là một. Và tất cả đều cảm thấy tình thế đẩy họ đến bước phải chọn lựa dứt khoát, để trung thành với một bên và do đó, phản bội một bên.

Nhưng không phải bây giờ, đảng viên Nam-Tur mới gặp cảnh bối rối này. Mà chính phủ và đảng Nam-Tur đã bắt đầu âm thầm đối phó với hoạt động tổ chức gián điệp của cán bộ Nga từ năm 1945.

Nga-sô trách Nam-tur bố trí theo dõi kiểm soát hành động của cán bộ, nhân viên Nga-sô. Nhưng Nam-Tur đã tự hỏi : dựa vào nguyên tắc nào, các đồng chí Nga-sô tự cho đặc quyền kiểm soát, chia rẽ các đảng huynh đệ mà họ không được phản ứng ?

Và chính phủ cũng như đảng Nam-Tur đã đối phó lại.

Không chỉ các cơ quan có trách nhiệm, phần đông đảng viên Nam-Tur cũng đã phản ứng lại hoạt động của cán bộ Nga.

Tướng Cajo Vojvoditch đã nói lên thái độ chung, khi trả lời cho cán bộ Nga đến tổ chức mình : « Nếu có vấn đề này (nghĩa

là vấn đề có những kẻ phản bội hay kẻ thù trong quân đội và trong đảng), bộ Tham mưu của chúng tôi và Đảng của chúng tôi phải được cho biết ».

Một sự thật mỉa mai là từ 1945, hai chính phủ, hai đảng Cộng sản huynh đệ ngấm ngấm tiến hành một cuộc chiến tranh gián điệp và phản gián, mà hình thức bộc phát là những luận điệu trách móc của bên này, bào chữa của bên kia, như đã thấy.

Nhưng phải chăng sự trạng này đủ giải thích quyết nghị cảnh cáo Nam-Tur ngày 28 tháng 6 ?

Ta còn phải lùi lại dĩ vãng thêm nữa.



Phòng Thông Tin Đệ Tam quốc tế nhận rằng các nhà lãnh đạo Đảng Nam-Tur « đánh giá quá cao lực lượng và khả năng nội bộ, tin rằng họ có thể duy trì nền độc lập và kiến thiết chế độ xã hội (Cộng sản) không cần đến sự ủng hộ của các đảng Cộng sản các nước khác, không cần sự ủng hộ của những nước dân chủ nhân dân (Cộng sản), không cần sự ủng hộ của Nga-sô. Họ tin rằng nước Nam-Tur mới có thể khỏi cần nương dựa vào những lực lượng cách mạng ấy... ».

Phải chăng Ti-Tô thật sự nghĩ như vậy ? Không có cái gì chứng nhận điều đó cả. Thật ra điều mà họ từ chối, hay đúng hơn, điều mà Nga-sô trách họ đã từ chối (mà dĩ nhiên Nga-sô không thể nói trắng ra được) là sự lệ thuộc của Nam-Tur vào Nga-sô.

Xu hướng độc lập này đã nhiều lần gây rắc rối cho Nga-sô rồi. Nhưng vào tình thế này, trong giờ phút mà Nga-sô

cần nắm chặt các nước Cộng sản chư hầu, để tiến hành một chiến lược chung, đối phó với thái độ bất đầu cứng rắn của Hoa kỳ, xu hướng độc lập ấy quả là bất khả dung túng.

Đó là một nguyên nhân thúc đẩy đến sự đổ vỡ giữa hai nước, một nguyên nhân bắt nguồn từ nhu cầu xây dựng một tương quan chính-trị mới giữa Nga-sô và Nam-Tur. Một tương quan mới theo ý nghĩa là Nam-Tur phải biết vâng lời hơn.

Còn những nguyên nhân nào xa và gần khác nữa ?

Theo các giới quan sát Tây phương, thống chế Ti-Tô đã từ chối không nhận những điều kiện tương trợ về mặt quân sự với Nga-sô mà Nam-Tur cho là tủi nhục cho quốc gia và quân đội mình. Chính trong thời gian này, Nga-sô đã ký kết nhiều hiệp ước liên minh phòng thủ với các nước Cộng sản khác. Những hiệp ước này có nhiều điều kiện khắt khe, có tính cách tổn thương chủ quyền của các nước ấy, biến lực lượng võ trang của họ thành những bộ phận phụ thuộc và thụ động của Hồng quân. Nhưng dĩ nhiên không đảng Cộng-sản nào hó hê, trừ đảng Nam-Tur.

Cuối năm 1947, Ti-Tô lại từ chối một kế hoạch kinh tế do Nga-sô đề nghị. Kế hoạch này, với mục đích điều hòa sinh hoạt kinh tế của các nước Cộng sản theo nguyên tắc phân trách chuyên môn, có tác dụng ngăn trở sự phát triển kỹ nghệ nặng cũng như công cuộc nâng cao mức sống ở Nam-Tur, vốn là những mục tiêu của đệ nhất ngũ niên kế hoạch Nam-Tur.

Thái độ của Ti-Tô không phải là khó hiểu vậy.

Nhưng dù sao, năm 1948, Nga-sô cũng tỏ thái độ cương quyết buộc Nam-Tur phải ngoan ngoãn hơn, để bảo đảm tiến hành chiến lược chung của Cộng-sản quốc tế. Với việc gọi về các chuyên viên, tiếp theo bức thư ngày 27 tháng 3 của Nga, bày tỏ sự lo ngại về sinh hoạt nội bộ Đảng Nam-Tur, chỉ trích thái độ, hành động của bộ Công an Nam-Tur, Nga-sô muốn gì ? Ta thấy rằng Nga-sô nhằm phát động trong nội bộ đảng Nam-Tur một cuộc « đảo chính ». Tại đây có một thiếu số cán bộ cao cấp Nam-Tur trung thành với Nga, mà đại diện là Jouyovitch và Hebrang, hai đảng viên Cộng sản kỳ cựu.

Cuộc đấu tranh giữa hai phe đã và thiếu số đã diễn ra trong một cuộc họp của ban chấp hành Trung ương đảng Nam-Tur vào đầu tháng 4. Mục đích cuộc họp là trả lời bức thư phê bình chỉ trích của Nga ngày 27 tháng 3.

Jouyovitch và Hebrang vừa tỏ ý không tán thành bản dự thảo bức thư trả lời của phe Ti-Tô, liền bị khai trừ khỏi ban Chấp hành Trung ương và bị bắt ngay sau đó. Đồng thời nhiều cuộc bắt bớ cán bộ, đảng viên thân Nga cũng diễn ra trong đảng và trong quân đội.

Ngày 13 tháng 4, Nam-Tur trả lời cho Mạc-tư-khoa với những lời lẽ cương quyết. Nam-Tur bác bỏ tất cả luận điệu buộc tội của Mạc-tư-khoa, hơn thế quay ra buộc tội nhóm Jouyovitch, Hebrang đã hành động phá hoại đảng và làm cho Nga-sô nhận định sai lạc về Nam-Tur.

Người ta đặc biệt lưu ý đoạn này của bức thư :

«... Dù mỗi người trong chúng tôi cảm thấy yêu mến Nga-sô, xứ của chủ nghĩa xã hội, đến thế nào, người ấy cũng không

thể vì đó và trong bất cứ trường hợp nào, lại yêu mến ít hơn xứ sở của mình vốn cũng đang kiến thiết chủ nghĩa xã hội và xứ sở ấy, trong trường hợp cụ thể này, là nước Cộng hòa liên bang bình dân Nam-Tur, vì nước này hàng trăm nghìn đứa con tiến bộ nhất đã hy sinh. Chúng tôi rất hiểu rằng ở Nga-sô người ta cũng quan niệm các sự việc như vậy... »

Tuy nhiên trong bức thư ngày 13 tháng 4, đảng Nam-Tur cũng bày tỏ cảm tình và lòng trung thành đối với đảng Cộng sản Nga và đề nghị có một cuộc họp giữa hai ban Chấp hành Trung Ương để đã phá những chỗ hiểu lầm. Địa điểm cuộc họp, Nam-Tur đề nghị là nước mình.

Ngày 4 tháng 5, Nga-sô gửi bức thư khác tóm tắt những điểm bất-bình cũ và mới, khuyến dụ Nam-Tur đưa vấn đề tranh chấp ra cuộc họp sắp đến của Phòng Thông Tin quốc tế.

Nhưng Nam-Tur thừa hiểu rằng ra đấy họ sẽ bị thiếu số.

Ngày 17 tháng 5, Ti-Tô và Kurdelj thông báo cho Mạc-tư-khoa biết họ không chịu đưa vấn đề ra trước Phòng Thông Tin quốc tế.

Đảng Cộng sản Nga trả lời, trong thư có đoạn : « Sự từ chối của các đồng chí có ý nghĩa sự ly khai với Mặt trận xã hội liên hiệp của các nước dân chủ nhân dân và với Nga-sô... ».

Trong bức thư ngày 22 tháng 5 này, người ta không chỉ nói đến lỗi lầm mà lần thứ nhất, người ta nói lên một tiếng nghiêm trọng : phản bội. Tháng 6 năm 1948, Phòng Thông Tin quốc tế họp, Nam-Tur gửi đến hội nghị một bản tuyên ngôn phản đối đảng Cộng sản Nga ủng hộ

những bộ phận và phần tử có ác ý với đảng Cộng sản Nam-Tur và tuyên bố sẵn sàng bàn cãi trực tiếp với Đảng Cộng sản Nga tại Nam-Tur.

Sau khi quyết nghị 28 tháng 6 được công bố, đảng Nam-Tur lại ra một tuyên ngôn bác bỏ tất cả nạn điều buộc tội của Phòng Thông Tin Cộng sản.

Trong khi Phòng Thông Tin kêu gọi các lực lượng lãnh đạo của đảng Nam-Tur đấu tranh buộc cấp bộ lãnh đạo thay đổi đường lối chính trị, Trung ương đảng Nam-Tur hiệu triệu quần chúng đảng viên giữ vững hàng ngũ, đoàn kết xung quanh ban Chấp hành Trung ương và lãnh tụ Ti-Tô, đương đầu với tình thế mới.

Đề « tiếp tục còn bền bỉ hơn công trình kiến thiết tổ quốc xã hội của chúng ta ».

Ngày 21 tháng 7 năm 1948, Đảng Cộng sản Nam-Tur họp đại hội toàn quốc lần thứ năm.

Người ta chờ đợi Ti-Tô sẽ có một thái độ gây lại cảm tình với Nga-sô.

Nhưng trước hai nghìn đại biểu, một số ký giả các báo Cộng sản trong đó có thông tín viên báo Pravda của Nga-sô, Ti-Tô đã bác bỏ những luận điệu cho rằng đảng Nam-Tur đi lầm đường.

Ti-Tô tuyên bố đại khái : Nam-Tur chọn con đường mới để thực hiện chủ nghĩa Mác-Lê. Người ta không thể trách cứ ban Chấp hành Trung ương cũng như hướng phát triển của đảng được, vì chủ nghĩa Mác-Lê là một cái gì hướng dẫn hành động, chứ không phải một tín điều, một chủ nghĩa hoàn tất, sẵn sàng bất-biến... Những lời buộc tội của phòng Thông Tin quốc tế không đúng sự thật và bất công...

Những ai hy vọng sự trở về đại gia đình Cộng sản quốc tế của đứa con hoang Nam-Tur đã thất vọng.

Bây giờ người ta chờ đợi sự phản ứng của Cộng sản quốc tế.



Ngày tháng qua. Tình hình Nam-Tur vẫn không thay đổi. Nhóm Ti-Tô lại ra sức củng cố nền tảng chế độ bằng những công trình xây dựng. Nhiều cuộc thanh trừng khát khe tiếp diễn, thắt chặt kỷ luật đảng. Bên ngoài, đảng Nam-Tur cố gắng thực hiện cải cách điền địa theo chính sách Cộng sản.

Tình hình này làm cho Nga-sô vô cùng bức bối.

Phải chăng Nam-Tur muốn chứng minh rằng mỗi nước có thể kiến thiết chế độ xã hội (Cộng sản) mà không nhất quyết phải dựa vào Nga-sô ? Và phải chăng có những con đường tiến đến chủ nghĩa xã hội, ngoài con đường của Nga-sô ?

Vấn đề cực kỳ quan trọng, vì nếu thừa nhận những điều trên tức là khai tử bá quyền của Nga-sô ở các nước Cộng sản chưa hầu, tức là xé ra từng mảnh khối Cộng, tức là, điều này nghiêm trọng hơn cả, chứng tỏ rằng ý thức hệ Cộng sản bước vào thời kỳ khủng hoảng.

Chiến tranh lạnh đối với Nam-Tur bắt đầu, theo lệnh của Mác-tư-khoa.

Ngày 1 tháng 7 năm 1948, nước Cộng sản Albanie hủy bỏ tất cả hiệp ước về kinh tế đã ký kết với Nam-Tur.

Lỗ-mã-ni (Roumanie) thôi không cung cấp dầu lửa cho Nam-Tur.

Kể đó, Nga-sô giảm gần hết số hàng hóa dự trữ xuất cảng sang Nam-Tur vào năm 1949.

Đến tháng 6 năm 1949, Tiệp-khắc thôi không xuất cảng hàng hóa sang Nam-Tur.

Ngày 6 tháng 7 sau, Ba - Lan cắt đứt mối liên lạc kinh tế với Nam-Tur.

Trước đó mấy ngày, Hung-gia-lợi tuyên bố hủy bỏ hiệp ước dài hạn ký với Nam-Tur năm 1947.

Đồng thời cả một bộ máy tuyên truyền của Cộng sản quốc tế được huy động để mạt sát phỉ báng Ti-Tô cùng phe nhóm, buộc cho họ các thứ tội lỗi nặng nề, với những lời lẽ thô bỉ hết sức.

Đến khi Nam-Tur quay lại giao thiệp với thế giới tự do, như giao thương với Anh, Thụy-điền, Thụy-sĩ và một số xí-nghiệp Hoa-kỳ v. v... và được Hoa-kỳ giải tỏa cho số vàng mà chính phủ hoàng gia Nam-Tur đã lưu ký tại Ngân hàng quốc gia Hoa-kỳ năm 1941, sự căm hờn Nga-sô lên đến cực độ.

Các đài phát thanh của các cán bộ Cộng sản quốc tế không ngần ngại dùng những danh từ hèn hạ nhất để mạt sát nhóm Ti-Tô, và hơn thế hàng ngày vận động, kêu gọi quần chúng đảng viên Nam-Tur đứng dậy gây nội chiến.

Trái với sự mong ước và sức dự đoán của Cộng sản quốc tế, nội chiến không bao giờ xảy ra và Nam-Tur vẫn tồn tại bên lề phe Cộng, như một sự thách đố, một lời nguyên rủa, một vết thương mà họ phải buộc lòng, cần răng chịu đựng.



Tám năm sau, năm 1956, vào tháng 2, Đại hội lần 20 của Đảng Cộng sản

Nga-sô tố cáo chính sách độc tài của Staline, thú nhận những thất bại nghiêm trọng về đường lối chính trị cũng như những nhận thức sai lầm tai hại về chủ nghĩa Cộng sản (1)

Mấy tháng sau, Boulganine, chủ tịch chính phủ, Kroutchev, tổng bí thư Đảng Cộng sản Nga-sô, sang tận Belgrade, tạ lỗi với Ti-Tô, yêu cầu nối lại liên lạc.

Ngày 2 tháng 6 năm 1956, một hiệp ước Nam-Tur — Nga-sô ra đời quy định sự nối lại bang giao giữa hai nước.

Và một ngày đầu tháng 6, đúng vào tháng cách đây 8 năm, Nam-Tur bị Phòng Thông Tin quốc tế cảnh cáo và buộc tội, Thống chế Ti-Tô đạp chân lên đất Nga với tư cách vị thượng khách quốc gia, hơn thế, với tư cách kẻ chiến thắng.

Vụ Ti-Tô kết thúc với ý nghĩa Cộng sản quốc tế bước một bước đầu tiên trên đường đồ sộ.

Vì Nam-Tur giao hảo lại Nga-sô không phải vì để trở lại vai trò chư hầu cũ.

Vì chuyển hướng chính trị của Nga-sô tuy quý quyết mà đã trễ : sau vụ Ti-Tô đến biến cố Poznan (Ba-lan), đến cuộc khởi nghĩa Hung-gia-lợi, thắng lợi của Nam-Tur kích thích phong trào đòi Độc lập, Dân chủ, ấm no, đang tiến bước ở khắp nước chư hầu và ở ngay Nga-sô.

Ngôi nhà Cộng sản quốc tế bắt đầu bị lay chuyển tận nền móng, kể từ vụ Ti-Tô, trước ngọn gió Tự do.

VŨ-THỪA-CHI

KỶ SAU : Cộng sản quốc tế thất bại như thế nào trong vụ Ti-Tô.

CHIẾN TRANH TÂM LÝ

VÀ VẤN ĐỀ CHIẾN LƯỢC ĐẠI QUY MÔ

SƠN-VŨ



TRONG phạm vi của những nhà chánh trị hay quân sự, mỗi vấn đề lại có một phạm vi riêng biệt. Mỗi phạm vi lại có những yếu tố chính được dùng làm căn bản cho sự suy luận.

Trong phạm vi một cuộc chiến tranh, thường có ba vấn đề chính, làm bận tâm những nhà lãnh đạo đó là : *chính trị, chiến lược quân sự và chiến lược đại quy mô.*

Chiến lược đại quy mô có những biên giới rộng lớn, liên hệ đến cả mục đích chính trị của cuộc chiến tranh. Căn cứ vào chiến lược đại quy mô, người ta mới có thể thiết lập và ấn định những chương

trình kinh tế, kỹ nghệ, trong thời kỳ chiến tranh. Cũng do đó, những nhà lãnh đạo chiến tranh sẽ ấn định được những chương trình tấn công hoặc phòng ngự, và thiết lập chiến lược quân sự. Sự tấn công hay sự phòng thủ lại liên quan cả đến vấn đề quốc tế nữa.

Chiến lược đại quy mô có ảnh hưởng rất lớn trong phạm vi Chiến tranh tâm lý. Từ ở căn bản của chiến lược đại quy mô, người ta đưa ra những chiêu bài cốt có lợi cho mục đích chiến tranh. Những thí dụ gần như : nhiều sự can thiệp bằng võ lực của quân đội Nga-sô đàn áp cuộc khởi nghĩa ở Hung-Gia-Lợi nằm trong chương trình Liên minh quân sự của các chư hầu Cộng-Sản với Nga-sô.

Từ xưa đến nay, từ Đông sang Á, đã có nhiều binh gia xây dựng nhiều lý thuyết chiến tranh : kể từ César với cuốn « *La guerre de la Gaule* » đến Clausewitz với cuốn *Chiến tranh luận* (De la guerre), kể cả chiến lược gia Cộng-Sản Chu-Đức với *Chiến tranh du kích*, Mao-Trạch-Đông với *Chiến lược cuộc chiến tranh cách mạng tại Trung-Hoa*. Lý thuyết của Tôn-Vũ-Tử hay Binh gia yếu lược của Trần-Hưng-Đạo vẫn còn có giá trị tới nay, nếu người ta biết linh động dùng nó theo thời, thế, cơ trong việc xây dựng một chiến lược đại quy mô.

Vấn đề liên hệ giữa chiến tranh tâm lý và chiến lược đại quy mô

Trong cuộc chạy đua về chiến tranh khoa học cơ giới và chủ nghĩa mai sau, nhiều khối đã có những chiến lược đại quy mô hết sức phức tạp và linh động.

Trước hết chúng ta hãy xem xét về khối dân chủ. Hoa kỳ đã thí hành một đường lối chính trị là « *bao giữ* » (container) với chiến lược ngoại vi (stratégie périphérique). Hoa-kỳ và các đồng minh của mình cố sức ngăn cản sự bành trướng của Đế quốc Cộng-Sản trên toàn diện chánh trị, quân sự, văn hóa, kinh tế v.v... Hoa-kỳ thường áp dụng chánh sách chánh trị bằng những chương trình linh động thích ứng tùy theo địa phương và hoàn cảnh.

Chánh sách « *Chánh trị hòa bình động* » của Hoa-kỳ đã được bổ xung bằng đường lối « *trừng phạt toàn khối* », hoặc có giới hạn, dưới một vài hình thức, hoặc không hạn chế.

Về phạm vi chiến lược đại quy mô, Hoa-kỳ căn cứ vào lực lượng hùng hậu của Hải quân và Không quân được vũ trang bằng những vũ khí tối tân, Hoa-kỳ lại có thể cung cấp cho các bạn đồng minh của mình những vũ khí nguyên tử khi họ bị xâm lăng.

Anh-quốc lại có những quan điểm thay đổi đôi chút. Anh-quốc muốn bảo tồn cho sự thịnh vượng của khối Liên-Hiệp-Anh, nói khác đi là phải hạn chế sự bành trướng của Đế quốc Cộng-Sản. Anh-quốc muốn những căn cứ quân sự của Nga-Sô (hoặc ở chính quốc hoặc ở các nước chư hầu) càng xa càng hay. Anh-quốc cũng cố gắng trong việc tìm tòi các vũ khí tối tân, và chủ trương giữ vững Hiệp ước Bagdad và Hiệp-Ước Phòng thủ Đông - Nam - Á (S.E.A.T.O.).

Nước Pháp, bởi một đường lối chính trị lỏng lẻo và không duy nhất, nên uy thế đã bị giảm, và hiện nay đang sa lầy ở Bắc-Phi nên càng ra sức củng cố những mỏ nguyên liệu rồi rào mới tìm được ở Sahara. Với hiện tình tài chính, kỹ nghệ và khoa học, Pháp chưa có thể sản xuất được vũ khí nguyên tử ít nhất trước năm 1960, nhưng Pháp, cũng như một số lớn các nước Đồng-minh của Hoa-kỳ, có thể nhận được vũ khí nguyên tử do Hoa-kỳ cung cấp khi có chiến tranh xảy ra.

Về phạm vi chiến lược đại quy mô, khối phòng thủ Bắc Đại - Tây - Dương (O.T.A.N.) gặp nhiều trở lực đáng ghi. Điểm đầu tiên là sự cố gắng của Nga-Sô và việc sản xuất vũ khí nguyên tử. Người ta cũng cần đề phòng một cuộc tấn công bất ngờ của Nga-Sô. Điểm

thứ hai là một số các quốc gia thường không đồng ý về sự « *trùng phạt tập thể* », mà chỉ muốn thi hành một đường lối chánh trị hạn chế, để bảo vệ quyền lợi quốc gia của mình.

Ngoài ra còn nhiều vấn đề chánh trị, kinh tế, tài chính, cần được giải quyết giữa nội bộ các quốc gia và các quốc gia ấy với khối Cộng-Sản.

Về phạm vi chiến lược đại quy mô, Nga-Sô cố gắng thực hiện mộng Đế quốc của mình dưới chiêu bài chống thực dân. Sự thực Nga-Sô thêm khát những mỏ nguyên liệu quý giá như dầu hỏa ở Trung-dông và Uranium ở Nam Phi-châu.

Nga-Sô một mặt sức tiến việc tìm tòi chế tạo những vũ khí nguyên tử mới, một mặt củng cố lực quân. Nga-Sô lại thường tìm mọi cách để gây chia rẽ trong hàng ngũ khối dân chủ Tây-Phương và ve vãn các nước « trung lập ». Nhiều nhà quân sự dự đoán rằng nếu có cuộc chiến tranh tương lai, Nga-Sô sẽ tìm mọi cách chiếm đóng Tây - Âu, Đông-Nam-Á và oanh tạc Mỹ-châu.

Nhưng những kẻ hờ của Đế quốc Cộng sản rất lớn. Trong nội bộ Nga-sô đã có nhiều sự tranh chấp và thanh trừng nhau giữa các cấp lãnh đạo. Nhân dân Nga-sô chán nản sống trong cảnh máy móc hóa con người. Tại các nước chư hầu, nhiều nơi đã khởi nghĩa chống Nga-sô, điển hình là vụ Poznan, Hung-gia-Lợi.

Trung Cộng vẫn được Nga-sô nâng đỡ nhiều về mặt ngoại-giao, kỹ nghệ và chuyên môn. Nhưng như vậy chưa chắc hẳn hai bên đã hết những điểm dị đồng.

Về phương diện quân sự, chúng ta thử xem lực lượng của hai bên ra sao ? Về không quân, phía dân chủ Tây-phương hơn hẳn phe Cộng-sản cả phẩm lẫn lượng; về Thủy quân cũng vậy, nhưng chúng ta cũng nên nhớ rằng Nga-sô có thể cho cho xuất trận lối 500 tiềm thủy đình các cỡ. Nhưng khối Tây phương có nhiều chiến hạm và hàng không mẫu hạm mang nhiều khí giới tối tân để tiêu diệt tàu ngầm.

So sánh khả năng về nguyên tử lực giữa Hoa-kỳ và Nga-sô, người ta thấy Hoa-kỳ trội hơn 5/1.

Trong phạm vi chiến lược đại quy mô, việc sử-dụng vũ khí nguyên tử và vô tuyến điều khiển, đã làm đảo lộn nhiều vấn đề thuộc phạm vi chiến lược và chiến thuật. Các bộ đội cần phải tập trung thật nhanh và cũng phải phân tán thật lẹ. Vấn đề chỉ huy được đặt ra cùng với hệ thống truyền tin và vấn đề di chuyển. Do đó một số các chiến lược gia nêu ra vấn đề « *chiến tranh ba chiều* », mà nền tảng các đoàn quân di chuyển bằng các máy bay trực thăng không lồ có sức bay nhanh và tầm hoạt-dộng xa. Binh chủng này đang được Hoa-kỳ và Nga-sô chú ý đến. Phải chăng câu nói từ mấy nghìn năm về trước của nhà chiến lược gia Tôn-Tử « *Phải đánh từ cao xuống* », đã đến lúc được người ta nghiên cứu và áp dụng.

Trong khi đó cuộc chạy đua về chính trị và kinh tế của hai khối được mở hết tốc lực, và nếu so sánh sức sản xuất giữa nền kinh tế Dân chủ và Cộng sản, thì phe Dân chủ hơn hẳn 3/1.

Nga-sô luôn luôn dùng chiêu bài giải phóng dân tộc để tấn công.

Người ta nhận thấy rằng tất cả những yếu tố nêu ra ở trên đưa đến kết luận « chính trị và chiến lược đại quy mô có liên hệ mật thiết với nhau », mà nói đến chính-trị là phải nghĩ đến chiến tranh tâm lý.

Vấn đề này liên hệ đến sự liên minh của các nước. Ngày nay, không có một nước nào lại không nhận rằng mình có ở trong một khối. Danh từ « trung lập » chỉ là một nhãn hiệu giả tạo che đậy những đường lối chính trị không ngay thẳng.

Vấn đề chính trị và chiến lược đại quy mô đặt làm nổi bật lên những vai trò của các vấn đề :

- Chiến tranh tâm lý
- Yếu tố bất ngờ trong thế công và thế thủ cùng với việc sử dụng vũ khí nguyên tử lực.
- Vấn đề hỗ tương liên minh giữa các nước.
- Các khối quân sự và khối kinh tế.

Càng ngày tình hình chánh trị thế giới càng làm phức tạp thêm vấn đề chiến lược đại quy mô.

Gần đây, một số các quốc gia ở Phi-Châu, Á-Châu vừa thoát khỏi ách đế quốc đang vươn lên trên đài chính trị thế giới. Họ là những nước chống Đế quốc, chống Cộng sản, và xây dựng dân chủ thật sự. Người ta hình dung thấy sự liên minh giữa các nước đó đã bắt đầu đề tạo nên một lực lượng chánh đáng giúp sức vào việc bảo vệ hòa bình nhân loại. Vì thế chiến tranh tâm lý lại càng bộc lộ rõ vai trò quan trọng của nó, trong những vấn đề quốc tế và quốc nội của các nước.

Nó càng quan trọng ở trong hoàn cảnh một tương lai nếu xảy ra cuộc chiến tranh : một cuộc chiến tranh khoa học và chủ nghĩa. Bởi vậy, chiến tranh tâm lý là cái động lực chính để tranh thủ THỜI, THẾ và CƠ vậy.

SƠN-VŨ

Bảo vật của ông Bias

BIAS là một trong số « thất hiền » của cổ Hy-Lạp. Ông sinh tại thành Priene vào thế kỷ thứ VII trước Tây lịch. Thành Priene bị vua Cyrus công hãm rất nguy ngập, dân chúng trong thành nhốn nháo, già trẻ lớn bé kéo nhau chạy trốn, ai nấy đều cố mang theo với mình những đồ quý báu nhất. Duy có ông Bias là đi tay không. Mọi người thấy ông không mang theo gì, tỏ ý ngạc nhiên, hỏi thì ông đáp :

— Tôi cũng có mang theo bảo vật của tôi đấy chứ !

Ý nhà hiền triết muốn nói rằng ông chỉ lấy đức hạnh và tư tưởng của ông làm bảo vật mà thôi.

NHỮNG GẠCH NỐI, NỐI LIỀN NHỮNG TIẾNG KÉP

TRONG VĂN TỰ VIỆT - NAM

NGUYỄN - NGỌC - NÊ



T lâu nay, những giới quan tâm đến nền văn học nước nhà, thường phàn nàn về nỗi nước Việt - Nam đang thiếu một Hàn Lâm Viện để thống nhất Việt Ngữ. Quả vậy, rất nhiều danh từ cần phải được thống nhất về cách dùng, thế mà không có một Hàn Lâm Viện, hỏi còn cơ quan nào khác có đủ thẩm quyền để làm việc đó.

Một điều hiện đang làm cho những người cầm bút phải luôn luôn thắc mắc, đó là những gạch nối, nối liền những tiếng kép trong văn tự Việt-Nam.

Trong Việt Ngữ có nhiều tiếng ghép hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ nôm (tức chữ Việt phổ thông). Phần

lớn là hai chữ Hán ghép lại thành một tiếng kép; những chữ Hán này vào trong văn tự Việt - Nam đã lâu đời, ngày nay hầu như đã biến thành tiếng Việt.

Nhiều chữ Hán dùng sai nhưng cứ phải để sai như vậy mới là « đúng ». Chẳng hạn câu « Mãi quốc cầu vinh » chính ra phải là « Mại quốc cầu vinh » vì « mãi » có nghĩa là mua và « mại » mới có nghĩa là bán. Nhưng nếu ta nói « Mại quốc cầu vinh » thì người nghe cho là ta nói sai vậy. Tiếng « mãi dâm » cùng trong một trường hợp như vậy, chính ra phải là « mại dâm » mới đúng.

Lại hai tiếng « thống kê », chính ra phải là « thống kế », nghĩa là thu góp xếp đặt mọi sự một cách có hệ thống (systématique) vào trong phạm vi đồng

nhút và dùng phương pháp kế toán để so sánh. Nhưng khi ta viết « thống kê » thì phần đông người đọc cho là ta lảm và sẵn lòng sửa lại là « thống kê ».

Hai tiếng « thị hiếu » mà ta thường hiểu là cái thích của mắt nhìn như trong câu « tờ bích chương này đập vào thị hiếu của người xem », chính ra chỉ có nghĩa là sự ham mê một thứ gì như rượu chè, hút sách, không dính líu gì đến thị giác cả. Chữ thị ở đây ở đây có nghĩa là tham, là ham thích như thị dục = ham muốn, thị tửu = nghiện rượu; chữ hiếu có nghĩa là ham như hiếu học = ham học, hiếu kỳ = ham sự lạ.

Trong Việt ngữ, những tiếng kép ghép bằng hai chữ Hán rất nhiều, không sao kể xiết. Những tiếng ghép bằng hai chữ Nôm (chữ Việt phổ thông) cũng nhiều không kém. Ta thử mở một cuốn từ điển ra coi, chẳng hạn cuốn « Việt-Anh Từ điển » của ông Lê Văn Hùng, ta sẽ thấy những gạch nối chỉ chít khắp trên hơn 800 trang sách !

Như vậy, nếu ta nhút mực giữ hết các gạch nối thì trong một trang viết ta sẽ thấy đặc những gạch nối. Mà nào có phải chỉ việc cho gạch nối vào là xong đâu, có rất nhiều tiếng kép làm cho ta phải phân vân mất thì giờ suy nghĩ về gạch nối. Chẳng hạn, ta thường tự hỏi, những tiếng « phân vân, thông thả, nhanh nhẹn, lén lút v.v. » có cần phải cho gạch nối hay không; sau khi suy nghĩ hồi lâu, ta lại tự trả lời một cách « ba phải » là « có cũng được, mà không cũng được » ! !

Sự thực có luật nào quy định sự dùng gạch nối một cách rõ rệt đâu.

Nay thiết tưởng ta cũng cần xét xem nên để hoặc nên bỏ những gạch nối, hoặc nữa nên dùng những gạch nối trong những trường hợp nào nhút định.

Trước hết ta hãy xét xem bỏ gạch nối có hại gì không. Thí dụ ta có một câu sau đây :

« Ban Tồ-chức chúng tôi hân - hạnh giới-thiệu cùng cử-toạ một thi - sĩ trứ-danh về loại thơ trào - phúng ».

Nay ta bỏ hết gạch nối xem sao :

« Ban Tồ chức chúng tôi hân hạnh giới thiệu cùng cử toạ một thi sĩ trứ danh về loại thơ trào phúng ».

Giá trị của từng danh từ và của cả câu văn nhút định không có gì thay đổi sau khi đã bỏ hết những gạch nối. Vậy có sao ta lại cứ phải cố giữ những gạch nối ? ? Phải chăng đây là một thói quen : quen tay và quen mắt...??

Nếu ta để ý nhìn vào một trang chữ Việt, ta sẽ thấy từ đầu đến cuối đặc những gạch nối, Chữ Việt đã bị tua tủa những dấu đơn dấu kép khác nào như râu tôm, nay lại thêm quá nhiều gạch nối đâm ngang trông lại càng thêm hoa mắt. Tiếng Việt, khi viết đã bị các dấu làm chậm hẳn đi, nay các gạch nối lại làm cho thêm chậm nữa.

Hiện nay, so với mấy năm trước, nhiều người, không ai bảo ai, đã tự động bỏ dần những gạch nối. Nhưng việc làm này có tính cách rụt rè vì thiếu sự thống nhất. Ở các phòng triền lãm, trên các đồ bản, đồ biểu, lược đồ, bích chương, có nơi thì bỏ gạch nối, có nơi vẫn giữ, đó là tùy theo sở thích của từng người. Có điều, theo sự nhận xét chung, ta thấy số người

bỏ dần gạch nối càng ngày càng nhiều hơn là số người giữ những gạch nối.

Ngày nay các trang báo, trang sách cũng thấy bớt nhiều gạch nối hơn những năm trước đây, vì người ta có xu hướng bỏ dần những gạch nối. Nhưng đây là người ta tự động làm theo lương tri nên thiếu sự nhứt trí và do đó thiếu sự mạnh dạn trong việc làm. Cứ như vậy, một ngày gần nhứt định người ta sẽ đi đến chỗ bỏ nhiều hay bỏ hẳn những gạch nối, vì là một việc làm hợp lý.

Về phương diện ấn loát hay đánh máy những thư từ công văn trong các công, tư sở, việc bỏ những gạch nối có một lợi ích hiển nhiên. Nếu ta đề ý nghiên cứu đề thực hiện kế hoạch giản dị hoá công tác — ta thấy cứ trung bình một trang (giấy khổ 21 x 27 phân) đánh máy dòng một, đếm được 43 dòng, mỗi dòng trung bình 50 chữ phải có từ 70 đến 150 gạch nối. Như vậy có nghĩa là những gạch nối chiếm mất từ 3,48 đến 7% trang giấy. Do đó có sự phí sức phí công vô ích; về phương diện mỹ thuật, tờ giấy đánh máy với nhiều gạch nối đâm ngang còn làm giảm phần mỹ quan trong cách trình bày.

Về ấn loát sự ích lợi lại còn lớn hơn. Ngoài sự tiết kiệm được thì giờ và nhân công xếp chữ, người ta còn giảm bỏ được số tiền để mua một số lớn những gạch nối cho đủ các « cơ chữ » dùng trong việc xếp chữ và sự hao mòn dĩ nhiên phải có sau một thời gian.

Tại các trường học, những gạch nối thật quả là một vấn đề khó khăn cho các ông giáo cũng như cho các học sinh.

Rất nhiều tiếng kếp chẳng hạn như tiếng « lén lút » theo tác giả này thì đề gạch nối, trò nào không cho gạch nối bị đánh lỗi. Ít lâu sau trong một bài khác, cũng vẫn chữ « lén lút » đó, một tác giả khác lại không dùng gạch nối, trò nào viết gạch nối lại bị đánh lỗi. Kết cục : thầy giáo phải bối rối, và học trò thì hoang mang không biết lỗi nào mà theo. Tình trạng này có thể nói là xảy ra một cách thường xuyên.

Sau khi trình bày những lý do trên đây, ta thấy bỏ các gạch nối là một việc hợp lý nên làm. Nay ta cần phải tìm ra một nguyên tắc định rõ những trường hợp nào giữ những gạch nối và những trường hợp nào thì bỏ,

Hiện nay những gạch nối được dùng trong những trường hợp sau đây :

1/ để ghép hai chữ, hoặc Hán hoặc Nôm, thành một tiếng kếp. Tỷ dụ : « hành - chính », « hiệu - nghiệm », « lén - lút ».

2/ để ghép ba chữ Hán thành một tiếng kếp. Tỷ dụ : « phản - lực - cơ », « công-an-viên », « quốc-hữu-hoá », v.v...

3/ để ghép hai, ba hay nhiều chữ thành một danh từ riêng. Tỷ dụ : Nguyễn-Kỳ-Tài, Huỳnh-thị-Bạch-Tuyết, A - Căn - Đình, v.v...

Trong trường hợp thứ nhứt, ta nhứt định bỏ gạch nối, nối liền hoặc hai chữ Nôm, hoặc hai chữ Hán, vì như đã thấy trên đây, bỏ gạch nối không hề thay đổi mấy may ý nghĩa của các danh từ hay của câu văn.

Trong trường hợp thứ nhì, ta có hai giải pháp :

NHẠC PHƯƠNG ĐÔNG, NHẠC PHƯƠNG TÂY

« Đông là Đông, Tây là Tây,
Đông Tây không bao giờ gặp nhau ».

(R. KIPLING)

TRẦN - VĂN - KHÊ

II, — TRONG ĐỊA HẠT AM NHẠC, ĐÔNG TÂY GẶP NHAU Ở NƠI NÀO ?

✱

a) Định nghĩa âm-nhạc

Lật Tự điển La - ru - xơ (Larousse) ngay chữ « musique » chúng ta thấy rằng định nghĩa chữ âm nhạc như sau đây :

Âm nhạc là một nghệ thuật hoà hợp âm thanh để làm êm tai. Tự điển Anh Oxford Dictionary định nghĩa rõ hơn một chút : Âm-nhạc là nghệ thuật hoà hợp âm thanh với mục đích tạo cái đẹp trong hình thức, và diễn tả những xúc cảm.

Trong chương *Nhạc ký* của sách *Lễ ký* ngay câu đầu chúng tôi đã thấy định nghĩa của âm nhạc :

Thường thì một điệu nhạc tự nơi lòng người mà phát khởi vậy. Lòng người do vật bên ngoài làm cho xúc



Ừ cho người phương Đông không hiểu nhạc phương Tây, người phương Tây không hiểu nhạc phương Đông, định nghĩa âm nhạc của họ giống nhau, quan niệm của cò nhàn phương Đông và phương Tây về căn nguyên của âm-nhạc, về chỗ liên quan giữa nhạc và sự điều hoà trong vũ-trụ, về ảnh hưởng của âm nhạc với con người và xã hội cũng giống nhau.

Do đó chúng ta có thể nói rằng ý thức nhạc phương Đông và phương Tây chẳng khác nhau mấy.

a/ giữ lại một gạch nối để cho dễ đọc, Tỷ dụ : « phản-lực cơ », « công-an viên », « quốc-hữu hoá » ;

b/ bỏ cả hai gạch nối. Cứ xét kỹ ra, nếu trong tiếng kép « phản lực » ta đã bỏ gạch nối như trong trường hợp thứ nhất thì không có lý do chính đáng khiến trong trường hợp thứ nhì ta lại giữ gạch nối. Vậy xin đề nghị cũng bỏ nốt cho được công bằng và hợp lý.

Trong trường hợp thứ ba, vì các chữ ghép trong một danh từ riêng, đứng riêng biệt từng chữ sẽ vô nghĩa nên, phải cần có gạch nối để chỉ rõ rằng hai, ba, bốn chữ vô nghĩa đó, ghép lại như vậy là tên một người, một nước, một thành phố, một dãy núi, một con sông... Tỷ dụ « Nã - Phá - Luân », « A-Căn-Đình », « Luân-Đôn », « Hy - Mã - Lạp - Sơn », « Cửu - Long - Giang ».

Trong các danh từ riêng, có nhiều khi những chữ ghép có nghĩa riêng của nó, nếu không có gạch nối thì thật nguy hiểm, vì người đọc rất có thể hiểu lầm, Tỷ dụ : Ô. Bùi-Như-Lạc không có nghĩa gì là ăn bụi như đậu phộng. Ô. Nguyễn-Kỳ-Tài đâu đã phải một người kỳ tài, và cô Huỳnh-thị-Bạch-Tuyết rất có thể da đen không có gì là « bạch tuyết » cả.

Tóm lại, chúng tôi đề nghị bỏ hết các gạch nối trong các tiếng kép trừ

những danh từ riêng (nom propre) vẫn giữ nguyên những gạch nối như cũ. Ngoài ra, những gạch nối có nghĩa là từ nơi này đến nơi khác, từ tiếng nước này sang tiếng nước khác v.v... dĩ nhiên sẽ vẫn dùng như cũ. Tỷ dụ : Pháp - Việt từ điển, Sai - Gon - Huế - Sai - Gon.

Trong những cuộc luận đàm cùng các bạn hữu, chúng tôi đã có nhiều dịp nêu lên vấn đề này và một số anh em đã sốt sắng hưởng ứng. Tuy nhiên, như chúng tôi đã nói trên đây, đó là một việc làm tự động của một nhóm người nên nó có tính cách rụt rè vì thiếu sự nhất trí. Chúng tôi ước mong bài này sẽ có một tiếng vang khiến các giới quan tâm đến vấn đề sẽ tham gia ý kiến để cùng tiến tới sự nhất trí trong việc dùng những gạch nối trong văn tự Việt - Nam.

Đề quý vị tiện tham chiếu, chúng tôi xin kể ra đây cuốn « Hán - Việt Tân Từ Điển » của ông Hoàng-Thúc-Trâm (nhà sách Vĩnh-Bảo, Saigon, xuất bản), trong đó ông Trâm đã mạnh dạn bỏ hết gạch nối trong tất cả các danh từ kép, bằng hai, ba, hay bốn chữ Hán, và chỉ giữ những gạch nối trong các danh từ riêng (nom propre) mà thôi.

NGUYỄN - NGỌC - NÈ



động. Khi lòng xúc động vì vật bên ngoài, thì xúc động ấy biến thành tiếng. Những tiếng ấy dọi nhau thành tiếng khác... Ghép các tiếng ấy thành một khúc đẹp, « khúc đẹp ấy là nhạc vậy ». (1)

Thế thì Đông và Tây đều cho rằng hoà hợp âm thanh để diễn tả những xúc cảm trong lòng người là làm ra nhạc. Sở dĩ nhạc phương Đông và nhạc phương Tây khác nhau là do cách hoà hợp âm thanh khác nhau.

Khi đặt ra câu hỏi : ai là người đầu tiên hoà hợp âm thanh ? Ai là người đầu tiên chế ra nhạc ? thì cổ nhân phương Đông và phương Tây đều đưa ra một câu trả lời có tánh cách thần huyền.

b) Nguồn gốc âm nhạc theo quan niệm cổ nhân

Lẽ tất nhiên là ngày nay, chúng ta nghĩ rằng nhạc không ai khác hơn là người sáng tạo ra. Nhưng người xưa, ở phương Đông hay phương Tây đều cho rằng âm nhạc là một nghệ thuật rất màu nhiệm. Người phàm không thể chế ra nhạc. Phải là một vị thần, một người phi thường mới có thể chế ra nhạc.

Người *Trung-Hoa* cho rằng nhạc do các bậc tiên vương chế ra. Vua Phục-Hy (2852 trước Tây-Lịch) căn-cứ theo nguyên - tắc là Trời Đất chia ra âm, dương, đặt ra hai lối nhạc Phù-Lai và Lập-Bồn. Phục-Hy lại chế ra cây đàn cầm 5 dây.

Vua Thần-Nông (2737 trước Tây-Lịch) đặt ra lối nhạc Phù-Đặc.

Vua Huỳnh-Đế (2697 trước Tây-Lịch) đặt ra lối nhạc Hàm-Trì và sửa đổi số dây của cây đàn *Sắc* (2).

Người Ấn-Độ cho rằng nhạc phát sinh trên Thiên đàng Anh-dờ-ra (Indra), và là hiện thân của các Tiên Thánh trước mắt người phàm. Nữ thần chế ra âm nhạc là Xa-rát-xờ-oa-ti (Saraswati), con gái của thần Bờ-ra-ma (Brahma), thần sanh ra vạn-vật.

Mấy *ra-ga* (raga) chánh (3) do thần Ma-ha-đê-vờ (Mahadev), một vị thần có 5 đầu, 4 đầu quay về 4 phương trời Đông, Tây, Nam, Bắc, và một ngưỡng thiên, và bà vợ là nữ thần Parvati đặt ra. (4)

Người Hy - Lạp cho rằng *Ôt - Phê* (Orphée), giáo chủ của thần A-Pô-Lông (Apollon) đã đem nhạc xuống trần với cây đàn li-rờ (lyre) 5 dây. Đi đến đâu, thú dữ cũng phải phủ phục trước vị nhạc sĩ thiên-thần ấy. Vạn vật như say như mê khi nghe tiếng đàn huyền diệu trời lên.

Người Thụy-Điền, Đan - Mạch cho rằng nhạc do O-Đin (Odin) người cha của vạn vật (Allfahder) tạo ra.

Cổ nhân Đông Tây đều nghĩ những chuyện hoang đường để cho người sau đều tưởng rằng nhạc phải do những người phi thường chế ra.

(1) Xin xem quyển *Lễ ký* chương Nhạc ký do Cha Séraphin Le Couvreur dịch ra tiếng Pháp. Quyển I Trang 45.

(2) Xin xem quyển *Chinese Music* (Nhạc Trung-Hoa) của J.A. Van Aalst xuất bản tại Bắc Bình (Peiping) 1.888. Trang 2.

(3) Một *ra-ga* là một điệu nhạc (như trong nhạc ta có điệu Xuân, điệu Oán).

(4) Xem quyển *The Music of India* (nhạc Ấn-Độ) của bà Atya Begum Fyzee Rahmin. Trang 78

c) Nhạc và sự điều hoà của vũ trụ

Vì nhạc, theo cổ nhân, do Tiên vương, Thánh Thần chế ra, nên nhạc mới có tánh cách mầu nhiệm. Một trong cái mầu nhiệm của âm nhạc là mối liên quan giữa nhạc và sự điều hoà trong vũ trụ.

Sách Lễ ký có câu : nhạc là sự điều hoà giữa trời đất (1). Lại có câu : Nhạc hay, cùng hoà chung với Trời Đất (2).

Vì thế mà lúc Bá-Ấp-Khảo dạy Đắc-Kỷ đàn cầm có nhắc rằng người xưa cầm khay đàn cầm khi bên ngoài mưa to gió lớn.

Người Ấn-Độ tin rằng nhạc có thể làm mất sự điều hoà trong vũ trụ. Theo tương truyền, thì thuở xưa, nhạc sĩ Tan-Sen có tài đàn hay hát giỏi. Một hôm, trong điện Hoàng-đế Ác-ba (Akbar) nhạc sĩ Tan-Sen bị Hoàng-đế nài nỉ để được nghe Tan-Sen hát theo điệu raga Đi-pắc (raga Dipak). Điệu này thuộc về hành hoả, nên mỗi khi có người hát đúng điệu, thì lửa thần có thể bốc lên, mà muốn dập tắt không thể dùng nước dưới trần được. Tan-Sen từ chối vì sợ điệu raga Đi-pắc sẽ gây nên hoả hoạn trong Thành. Hoàng-đế Ác-ba nhất định ra lệnh bảo Tan-Sen phải hát. Nhạc sĩ vâng lời và khi điệu hát đến lúc tuyệt vời thì lửa phát cháy trong thành. Một thiếu-nữ nhạc sĩ thấy lửa cháy biết ngay là lửa thần do raga Đi-pắc gây nên. Cô bỏ gánh nước quì xuống tâm niệm rồi cất tiếng hát theo điệu raga Méc (Raga Megh). Raga này thuộc về hành Thủy, nên khi cô gái hát đến chỗ tuyệt vời của nó thì mưa thần rơi xuống làm tắt cả lửa thần kia

đi. Đến nay, trong những năm đại hạn, dân chúng Ấn còn tin dị-đoan và nhờ nhạc sĩ, danh ca hát điệu raga Méc để cầu mưa (3).

Người Hy-Lạp trong khi giải thích sự trật tự của vũ trụ cho rằng các sự vật trên hoàn cầu này phải điều hoà với nhau. Sự điều hoà ấy là nhạc (4).

Ông Mông - ten (Montaigne) trong quyển thứ III chương XIII, khi nhắc đến ông Pi-Ta-Go (Pythagore) có viết : đời của ta cũng như sự điều hoà của hoàn vũ, gồm có những thanh êm ái, mềm mại, trầm bổng, hay chát chúa. Người nhạc sĩ nào chỉ thích một loại thanh ấy diễn tả được gì ? Anh cần phải biết dùng và hoà hợp các thanh ấy chung với nhau.

Cổ nhân Đông, Tây đều nghĩ rằng nhạc không những có liên quan đến sự điều hoà trong vũ trụ Nhạc, mà lại còn có ảnh hưởng đến con người nữa.

d) Nhạc và con người

Sách Lễ Ký có câu : nhạc có thể làm cho người ta noi gương tốt. Lại có câu : Thánh nhân thích nhạc, và thấy rằng nhạc có thể làm cho lòng dân trở nên hiền, đẹp. Nhạc làm cảm lòng người một cách sâu-sắc, nhạc có thể thay đổi cả phong tục (5).

(1) Lễ Ký, do Cha Séraphin Le Couvreur dịch ra tiếng Pháp, trang 65

(2) Lễ Ký, trang 58

(3) Xem quyển The Music of India của bà Atiya Begum Fyzee Rahmin, trang 88

(4) Xem quyển Sociologie de la musique của M. Belviannes, tr. 56

(5) Lễ ký, bản dịch của Cha Séraphin Le Couvreur, tr. 71

Thầy Tử - Hạ trong câu chuyện với Văn - Hầu có nói rằng : điệu hát của nước Tống làm cho người nghe thích ăn không ngồi rồi và mê đàn bà ; điệu hát nước Vệ làm cho trí con người kém sáng suốt (1).

Nhạc sĩ Ấn-Độ An-fa-ra-bi (Al Farabi) rất được vua Xai-fút-đao-la (Sai fuddowlah) quý trọng. Nhạc sĩ có thể dùng đàn hát mà làm cho người nghe phải cười hay khóc dễ như chơi (2).

Bên phương Tây (3), ông Ô - me (Homère) cho rằng nhạc dở, những bài hát tục tĩu làm bại hoại phong hoá, và mềm nhũn tánh con người.

Ông Pờ-la-tong (Platon) nhận rằng nhạc có sứ mạng làm êm dịu và điều hoà con người.

Ông Xô-cơ-rát (Socrate) cấm hát các điệu ủy mị như i-ô-nhen (ionienne) và li-đi-en (lidiennne.) Ông cho rằng các điệu hát ấy gieo tánh khiếp nhược trong lòng người nghe. Ông chỉ cho hát điệu phờ-ri-gien (phrygienne) vì lối nhạc này bắt buộc theo giọng hùng mạnh của một người gan dạ đang lăn mình vào một cuộc tranh đấu (4).

Ông A-rít-tốt (Aristote) chia âm nhạc ra làm ba loại :

— Lối-nhạc luân lý (musique morale) : nhạc này giọng trầm, khúc điệu, giản dị và tiết tấu đều.

— lối nhạc hoạt-động (musique active) khúc điệu vẫn giản-dị, nhưng giọng khi trầm khi bổng, và tiết tấu nhanh hơn vì là tiết tấu của sự cảm xúc.

— lối nhạc hăng hái (musique enthousiaste), nhạc này gieo trong lòng người nghe sự phấn nộ (5).

Các nhạc sĩ, triết lý gia Đông, Tây đều thấy rằng nhạc có ảnh hưởng đến sự xúc động của con người. Vì thế nên cổ nhân Đông, Tây đều dùng nhạc với một đích chánh trị, hay quân sự.

d) Nhạc và chính trị, quân sự

Các bạn đọc hẳn nhớ trong truyện Tàu, Trương - Lương chỉ có một ống tiêu mà làm tan binh Hạng-Võ. Bình sĩ đang hăng hái, nghe tiếng đàn nào ruột, nhớ nhà, nhớ quê hương không thiết gì đến chiến tranh và nhuệ khí giảm đi rất nhiều.

Khi xưa, lúc Khổng-Tử còn làm quan cho nước Lỗ, trong ba tháng lập lại trật tự trong triều đình. Nước Tề sợ nước Lỗ hùng mạnh, nên tuyển 80 nữ nhạc, đàn hay hát giỏi, ngồi lên lưng ngựa múa hát và đi lần đến cửa phía Nam, Rồi lại cho người đến triều nước Lỗ, đề dâng cho vua nước Lỗ 80 nữ nhạc ấy. Lúc đó, quyền hành nước Lỗ đều ở trong tay Lý-Hoàn. Lý-Hoàn liền thâu nhận 80 nữ nhạc ấy, rồi vua tôi cả ngày cứ mãi-mê xem những vũ khúc, nghe những điệu hát gợi tình, vua hơn ba ngày không triều chính. Khổng-Tử biết rằng không thể khuyên can được nên bỏ nước Lỗ mà đi. (6)

(1) Lễ-Ký

(2) Theo quyển The Music of India của bà A.B.F. Rahmin tr. 90

(3) Theo quyển Sociologie de la musique của M. Belviannes, tr. 63 — 64

(4) Theo quyển Musique et sociologie của M. Belviannes, tr. 62

(5) Theo quyển Musique et Sociologie, tr. 64

(6) Theo sách Luận - Ngữ, bản dịch của Séraphin Le Couvreur, tr. 274

Trong sử Việt - Nam, tháng 8 năm Nhâm-Tuất, niên hiệu Thiên-Giao Bảo Hữu năm thứ nhất (1202), vua Lý-Cao-Tông sai nhạc công bắt chước lối nhạc Chiêm-Thành để đặt ra một bản đờn tựa là Tiên Chiêm - Thành. Bản nhạc buồn thảm đến ai nghe cũng phải rơi lệ. Vì thế có ông Tăng-Phó tên là Nguyễn-Thường nói rằng : iới thường nghe trong tựa Kinh-Thi có nói : tiếng âm nhạc của nước bị loạn thì ai oán và tức giận. Bây giờ dân loạn, nước khốn, vua thì đi chơi không dè dặt, triều chánh rối loạn, dân-tâm thì lìa tán đó là cái triệu của sự bại vong. (1)

Nhà viết sử Hy-Lạp Ê-rô-đốt (Hérodote) chép lại chuyện của Xi - ruýt (Cyrus) và Cờ-rê-zuýt (Crésus). Cờ-rê-zuýt bị Xi-ri-uyt đánh bại. Sau khi thắng trận, Xi-ri-uyt hỏi Cờ-rê-zuýt có cách nào làm cho dân chúng bại trận đứng nổi lên chống lại ông ta. Cờ-rê-zuýt trả lời : « Bệ-hạ đừng cho dân chúng mang khí gươm, nhủ họ đàn xi-ta (cithare) thành lập những ban hợp xướng, cho họ khiêu vũ và bán con của họ. Rồi bệ-hạ sẽ thấy rằng bọc mây râu trở nên yếu đuối như đàn bà và bệ-hạ không còn lo gì họ nổi loạn ».

Người xưa dù ở phương trời nào cũng có những quan niệm về nhạc tương tự nhau.

Ngày nay, khoa học đã giải thích nhiều bí quyết của vũ trụ. Con người không còn tin chuyện thần huyền nữa. Chúng ta không còn tin rằng nhạc có liên quan đến sự đều hòa trong vũ

trụ, nhưng chúng ta thấy rằng nhạc diễn tả được xúc cảm của con người gây ra xúc cảm cho người nghe.

Chúng ta thấy rằng trước khi nhạc có ảnh hưởng đến xã hội, thì xã hội đã có ảnh hưởng đến âm nhạc. Nhạc là một sản phẩm của xã hội. Một nước nô lệ, phát sanh ra những lối nhạc ủy mị, yếu ớt. Trong một nước giàu mạnh, nhạc nhẹ nhàng và vui tươi. Trong một giai đoạn cách-mạng, nhạc diễn tả những hoài bão, nguyện vọng của một dân tộc. Dầu cho ở phương trời nào, nhạc cũng không ra ngoài định lệ ấy được.



Xúc cảm con người có thể giống nhau, nhưng địa thế, khí hậu, căn bản kinh tế, xã hội khác nhau, tiếng nói, quan niệm thẩm mỹ khác nhau, tức nhiên nhạc cũng khác nhau. Khác nhau nhất là về hình thức bên ngoài.

Chúng ta hãy cùng nhau xem qua những chỗ bất đồng giữa hai lối nhạc Đông, Tây trong đoạn sau.

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) Đại-Việt sử ký Toàn Thư Q. 4 Tr. 23a.

HOẠT ĐỘNG VÀ TỰ DO PHÁT TRIỂN NHÂN TÍNH CỦA TRẺ EM

MINH - ANH



MÀY nay khoa sư-phạm nhận rằng trong trẻ con có những hiện - tượng tinh-vi của tiềm-thức thơ-ấu tiến-triển theo từng nhịp của cá-nhân ; tuổi

trẻ có một đời sống riêng biệt, độc-lập khác hẳn với đời sống của người lớn. Dựa vào nguyên-tắc ấy, nền giáo-dục mới phải lấy hoạt-động và tự-do phát-triển nhân-tính của trẻ con làm nền-tảng.

Đặc-tính của trẻ con là hoạt - động. Trẻ bắt đầu hoạt-động ngay từ những ngày đầu tiên của đời chúng. Trẻ đã có những cử-động không ngừng : vung-vẩy, vờ nắm, liếc nhìn, có tiếng động nhỏ là quay ngay lại, vật gì có ở tay là đưa ngay lên. Đứa trẻ không hoạt-

động từ thuở bé là đứa trẻ không lành-mạnh, lớn lên nó sẽ ngờ-ngàn, ít sáng-kiến. Như thế, nếu ta cấm đoán trẻ, không cho chúng hoạt-động đúng theo bản-năng hiếu-động của chúng tức là ta đã làm tổn-thương cái nhuệ-khí tiến-thủ sau này của trẻ. Có thể nói rằng mỗi trì-hoãn về giác-động trong thời-kỳ thơ-ấu là một trì-hoãn của trí khôn. Giác-động là nền-tảng của tòa trí-thức con người mà tuổi thơ-ấu là thời-kỷ xây-dắp nền-tảng ấy.

Ta cần để cho trẻ hoạt-động nhiều nghĩa là để cho chúng tiếp-xúc nhiều với sự-vật để quan-sát khảo-cứu, sáng-tác phở-diễn những khả-năng thiên-nhiên của nó. Trẻ càng ngày càng lớn, nó cần tiếp-xúc với sự-việc mỗi ngày một nhiều để thử-thách, thí-nghiệm, rút kinh-nghiệm,

Ta cần đề cho trẻ nhiều tự-do vì nó là một sinh-vật đang lớn lên, đang nảy-nở, biến-chuyển nhanh - chóng, những trạng-thái tâm-lý của chúng luôn luôn thay đổi nên nhiều khi cũng đồng một vật mà mỗi khi nó nhận-xét một khía-cạnh khác.

Chúng ta, những con người có trách-nhiệm trong công-việc đào-tạo lớp người tương-lai ấy chỉ nên đóng vai trò hướng-dẫn và chỉ ngăn đón trong những trường-hợp cần-thiết.

Đã qua rồi nền giáo-dục cồ-hủ mà các nhà giáo-dục cho rằng « trẻ con là người lớn thu hình », do đó họ coi bản-chất trẻ con như bản-chất người lớn và không biết đến những di-biệt cá-tính của trẻ em. Theo quan-niệm này, thầy giáo chỉ có nhiệm-vụ gieo vào đầu óc đám học-sinh những kiến-thức ấn-định từ trước, thầy giáo sẽ giảng bài chung cho cả lớp, không phân biệt những chênh-lệch trình-độ, năng-khiếu và sở-năng của mỗi học-sinh. Lẽ dĩ nhiên, học trò trong trường-hợp ấy chỉ đóng vai thụ-động, cố ngồi im nghe thầy giáo giảng dạy và, thầy giáo muốn cho cả lớp nghe mình giảng, bắt buộc phải có kỷ-luật nghiêm-khắc, do đó lớp học mất vẻ hoạt-động và vui-vẻ. Kết-quả của một nền giáo-dục như thế đã tạo thành những thanh-niên an-phận, chịu nghe theo số mệnh mà không có óc sáng-kiến, không biết đâu là chân-lý, đâu là lẽ sống của con người.

Ngay như trong các học đường hoạt-động của các nước Anh Mỹ ngày nay, người ta không còn bắt học-sinh học-tập từng môn riêng, rời-rạc theo một chương-trình và một thời khóa biểu cứng rắn như trong các học đường cồ-diễn nữa. Người ta đề cho trẻ hoạt-động một

cách tự-nhiên theo đúng tâm-tánh của chúng, những bài học rút ngay trong đời sống thực-tế chung-quanh chúng. Như vậy, trẻ có thể hiểu biết được những vấn-đề thực-tế một cách chu-đáo và hữu-ích, lại quen được với sự làm việc như giữa trường đời. Phương-pháp giáo-dục mới phải tạo cho lớp học một không-khí vui vẻ, hoạt-động để học-sinh có hứng-thú mà học tập, một hứng-thú vẻ-vang rọi trong tâm-hồn chúng và sẽ là một nguyên-động lực chi-phối các hành-vi sau này trong đời chúng.

Trong quyển « Các con chúng ta » (Nos fils) chính Jules Michelet, một nhà sư-phạm ở thế-kỷ 19, đã khuyên chúng ta nên chú-trọng đến tự-do hoạt-động ở học đường. Ông viết : « Phải đặc-biệt chú-trọng đến những hoạt-động tự-do của trẻ con... »

Ông còn cho rằng giáo-dục cần phải căn cứ vào tình cảm và lý-trí nữa, tức là tự-do phát-triển nhân-tánh của trẻ em vậy. Phải dựa vào giáo-dục để gây cho các em có một tinh-thần quốc-gia, biết yêu nước thương nòi, gây tình đồng-loại. Tập cho các em có lòng can-đảm, lòng hy-sinh và chí phấn-đấu. Tình-cảm là một động-lực mạnh mẽ nhất trong nền giáo-dục (Le mobile le plus puissant de l'éducation est l'amour).

Nhờ có hoạt-động mà năng-lực, nhân-tánh của trẻ em mới phát-triển được dễ-dàng theo phương-pháp tự-do sư-phạm (Pédagogie libérale). Các nhà sư-phạm ngày nay không hề lãng quên điều đó, ta thấy cái nguyên-tắc căn-bản ấy hầu đã tiềm tàng man mác trong chương-trình mới của bậc Tiểu-học.

Chúng ta nhận thấy rằng, đối với trẻ em, sự-vật và hoàn-cảnh chung quanh là những yếu-tố căn-bản để kích-thích sự tìm hiểu, óc tò mò của trẻ. Trong đời sống trẻ con, cử-động và cảm-giác thường dính liền với nhau, tương-trợ lẫn nhau. Hoạt-động và hiệu quả của hoạt-động thôi thúc nhau, xui đưa bé mỗi ngày mỗi mở rộng tâm-trí. Biết thế, chúng ta phải áp-dụng nguyên-tắc hoạt-động về tự-do phát-triển nhân-tánh của trẻ một cách đầy đủ hơn trong các môn dạy ở bậc Tiểu-học.

Ta hãy lấy môn « Hoạt-động Thanh-niên » làm ví dụ. Tâm-lý của trẻ con là ham chơi hơn học, vậy khi cần phải biến môn học thành trò chơi để kích-thích được giác-quan của chúng. Môn Hoạt-động Thanh niên nhằm mục-đích tập cho trẻ quan-sát, suy-nghiệm, tìm-tòi. Chúng được sống gần thiên-nhiên, có dịp giải-

trí bằng các trò chơi đã được tổ-chức và hướng-dẫn. Với môn học này, thầy giáo sẽ có dịp sống gần học trò mình và hiểu biết chúng hơn là ở trong lớp có một không-khí kính-nể giữa thầy giáo và học-sinh. Học trò sẽ được tự-do hoạt-động và các năng-khiếu của chúng sẽ được phát-triển một cách tự-nhiên tùy theo bản-năng của mỗi đứa. Mỗi giáo-viên, sẽ do óc sáng-kiến, định-liệu lấy thể-thức áp-dụng trong công-việc tổ-chức, miễn là buổi học có kết-quả. Cũng có khi do trí sáng-kiến của một vài học-sinh mà thầy giáo sẽ nhận cơ-hội ấy tổ-chức một buổi học ; làm như thế trẻ em sẽ nhận rằng chính chúng đã dự vào công-việc giáo-huấn của chúng dưới sự điều-khiển khéo-léo của thầy, chúng sẽ có hứng-thú và hăng-hái làm việc.

Tính-tình của trẻ em phát-hiện một cách rõ-rệt trong lúc chúng chơi đùa. Qua các trò chơi, thầy giáo có thể hiểu thêm nhân-tánh của từng đứa để hướng-dẫn chúng phát-huy những tánh tốt : tánh tự tin, lòng can-đảm, chí cương-quyết... và bỏ dần những tật xấu như thiếu thành-thật, thiếu tinh-thần đồng-đội. Hãy cho chúng được tự-do chơi đùa và chú-trọng đến sự phát-triển tự-do hoàn-toàn các năng-khiếu của trẻ em.

Ngoài ra còn có những môn như khoa-học phải vận-dụng đến giác-quan, dùng tới trí quan-sát cùng trí phán-đoán ; môn thủ-công luyện cho trẻ em khéo tay ; môn thể-dục tập cho trẻ mềm dẻo, nhanh nhẹn, tháo vát... ; môn tập hát làm cho trẻ vui tươi, ưa chuộng những cái thanh-cao đẹp đẽ ... Tất cả các môn trên, thầy phải để cho học-sinh tự-do hoạt-động, tự-do phát-biểu dưới sự hướng-dẫn khéo-léo của

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được những cuốn sách sau đây :

10) **BẢNH và THUẬN**, tác-giả **Cô Hợp-Phổ**, nhà xuất-bản **BÌNH-MINH**, một chuyện khoa-học + quan-sát những động-vật chung quanh ta và tìm thấy những tính chất đặc biệt mà ta không ngờ... Rất bổ-ích trong việc giáo-dục nhi-dồng. **Giá 40đ.**

20) **HAI CON XÀ-NIÊN VƯỢT U-MINH**, tác-giả **Nam-Sơn**, nhà xuất-bản **Đồng-Nai** truyện giải-trí người lớn và trẻ em. **Giá 4đ.**

30) **LƯƠNG-NGỌC-QUYẾN** và cuộc khởi-nghĩa Thái-Nguyên 1917, tác-giả **Đào-trình-Nhất**, nhà xuất-bản **Tân-Việt**. **Giá 25đ.**

B.K. xin thành-thật cảm ơn và trân-trọng giới-thiệu cùng bạn đọc.

minh. Dạy một hiện-tượng gì, một con vật gì hay đồ vật gì, đứa trẻ phải đứng trước hiện-tượng ấy, phải có con vật ấy, cái cây ấy hay đồ vật ấy để nhận-xét. Mắt thấy, tay được mân mê, thị-giác càng thêm rõ-rệt. Đứng trước một bức tranh đẹp, các em thấy ưa chuộng nghệ-thuật, do đó khiếu thẩm-mỹ được mở mang, nảy nở. Đồng-ý với chúng ta, Michelet công-nhận : « Con người không những là một thề-xác, một khối óc mà còn là một trái tim biết rung-động trước chân, thiện, mỹ... » Lòng thanh-cao, óc kỷ-luật, óc suy-luận cũng do đó mà nảy nở, phát triển theo bản-chất của từng đứa.

Tóm lại, lấy hoạt-động và tự-do phát-triển nhân-tánh của trẻ em làm nền-tảng của giáo-dục là một trong những nguyên-tắc căn-bản ở bất cứ nền giáo-dục của các nước văn-minh nào. Áp-dụng nguyên-tắc này trong những môn dạy ở cấp tiểu-học sẽ làm cho học-sinh tiếp-xúc được với đời sống về sau này, khi chúng rời bỏ nhà trường khỏi bị bối-ngỡ lúc trực-tiếp với cuộc đời. Chúng sẽ đem những điều hiểu biết của chúng để làm việc, góp phần vào công-cuộc cải-tạo xã hội, cải-tạo con người.

Thị-xã Quảng-Ngãi, hè 57

MINH-ANH

Hai Họa sĩ.

ÔNG Trịnh-sở-Nam là người cuối đời nhà Tống. Khi Nam Tống mất nước, ông cảm thấy đau khổ vô cùng, nên thường mượn bút mực để miêu tả tâm tình. Ông là một họa-sĩ sở trường vẽ vẽ bông lan. Nhưng sau khi mất nước thì ông lại vẽ rổ lan ngược trở lên. Người ta hỏi đó là ý tứ gì ? Ông nói : « Đất nước Trung-Hoa đã mất, thì rổ lan cũng vô địa khả dung, chỉ có thể hướng lên không trung mà mọc ».

Ông Bát-đại-Sơn-Nhân, ở vào cuối đời nhà Minh, cũng là một họa sĩ, cùng với ông Trịnh-sở-Nam một cảnh ngộ, nên hành vi của hai ông giống như nhau.

Họ thật của ông là Châu (朱) nhưng sau nhà Minh mất nước, ông thay họ đổi tên, nên gọi là Bát-Đại-Sơn-Nhân (八大山人)

Như vậy là ý gì ? Nguyên hai chữ Bát-Đại (八大) viết thảo liền với nhau thì nó giống như chữ khóc (哭) mà cũng giống như chữ cười (笑) vì vậy ông muốn mượn hai chữ này để biểu thị tâm tư của người chí sĩ đang phải sống trong xã hội hỗn loạn, mà khóc hờ người cười ra nước mắt.

Hai ông cùng phải sống trong cảnh áp bức dị tộc rất nhục nhã chỉ còn biết mượn bút mực để bày tỏ nỗi lòng. Nhưng đó có phải là thái độ của người yêu nước một cách tích-cực chăng ?

ĐẤT NƯỚC TRONG CA DAO

Thuân - Phong



Tôi cũng yêu nước, yêu nước vì nhiều lẽ. Dân ta, bình dân ta, không cần nói lên những lẽ cao - cả siêu-nhiên; bình - dân ta yêu nước vì một lẽ hết sức giản-dơn, hết sức thực-tế, vì dân là nước, nước là dân : dân nước một thề, như xác với hồn :

Khi vui non-nước cũng vui,

Khi buồn sáo cặp đờn đôi cũng buồn.

Nước bảo-dảm đời sống tinh-thần ;
nước còn bảo-dảm đời sống vật - chất,
nhất là đời sống vật-chất :

Oán tao mầy oán cho đời,

Đất vua tao ở, cơm trời tao ăn !

Nước cung-cấp đất và cơm, dầu là nước ở dưới chế - độ nào ; bảo sao người ta không biết ơn nước, không gìn-giữ nước, không chết theo nước, không chết vì nước ?

Kiên-cổ dựa lưng vào dãy Trường-Sơn hùng-vĩ, rộng-rải mở mặt ra biển Nam-Hải bao-la, nước ta đi một mạch liền từ Móng-Cái đến Hà-Tiên, đã bao phen bị người xâm-lấn, nhưng trên bốn ngàn năm lịch-sử hãy còn bền - vững oai-hùng :

Non kia ai đắp mà cao,

Sông kia ai bới ai đào mà sâu ?

Non Lam có phải cao, nhờ tay Lê-Lợi ; sông Hát có phải sâu, nhờ hai Bà-Trưng ? Ngô-Quyền, Hung-Đạo, Nguyễn-Huệ, đã đào sâu Bạch - Đằng, Rạch-Gầm và đắp cao Tây-Sơn. Những công-dân ấy, đã làm cho nước ta vẻ-vang lớn-mạnh.



Trường-kỳ tranh-đấu

Những công dân xuất - chúng ấy là những bậc anh - hùng của dân - tộc, là

những chiến-sĩ phi-thường, có tên ghi trong lịch-sử và trong xương-cốt chúng ta. Chung-quanh, còn có bao nhiêu thể-hệ công dân khác, bao nhiêu anh - hùng đã vùi tên tuổi dưới sông máu núi xương, trong đêm trường của ngày tháng, trong bóng tối của đấu-tranh ! Vì bên cạnh những cuộc tranh-đấu võ-trang chống quân xâm-lược, diệt-lũ dấy loạn, để giữ vững nước-non toàn-vẹn, chúng ta vẫn phải « chiến-đấu không võ-trang », phải trường-kỳ tranh-đấu, vì áo cơm, với hoàn-cảnh, đối đầu mãi-mãi với một lực-lượng vô-tận vô-cùng và luôn-luôn có mặt : tranh-đấu với thiên-nhiên.

Vì yêu nước, chúng ta đã chiến-đấu cho non-sông. Oái-oăm thay, chúng ta có khi lại chiến - đấu chống non-sông, vì cơm áo.

Non-sông ! Hai tiếng thiêng - liêng nhút, hai cái gì cao - cả nhút ! Đó là thể-hiện của ĐẤT - NƯỚC, của quê-hương, của TÒ-QUỐC thiêng-liêng.

Nhưng trong thực-tế, non-sông được dân-tộc quan-niệm có khác, tùy theo đời sống vật-chất hằng ngày.



Núi - non

Nhút cao là núi Tản-Viên.

Bình-yên vô-sự là tiên trong đời.

Trước nhút, núi-non tiêu-biểu sự vĩ-dại và kiên-cố, là hai yếu-tố căn-bản của đời sống bình - yên, là hai yếu - tố căn-bản của hòa - bình, là thứ vạn - lý trường-thành thiên-nhiên ngăn chặn quân cướp nước. Vì quan-niệm ấy, núi-non, ở trong con mắt ta, còn tiêu - biểu kết-quả tốt đẹp của sự kết-đoàn :

Một cây làm chẳng nên non,

Bà cây chụm lại nên hòn núi cao.

Tuy nhiên, còn có kẻ hiểu cạn thấy gần, không nhận thấy tánh-chất và ý-nghĩa của núi-non, cần phải trải qua kinh-nghiệm :

Lên non mới biết non cao,

Nuôi con mới biết công-lao mẩu-từ.

Thật vậy, có kinh - nghiệm làm mẹ cha, người ta mới nhìn-nhận rõ - ràng chữ hiểu được cụ-thề-hóa bằng non-núi :

Ơn cha như núi Thái-Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Núi-non đã tiêu-biểu ĐẤT-NƯỚC, đã tiêu-biểu mẹ cha : núi - non tượng-trung chữ trung, chữ hiếu, là hai đức-tính căn-bản của người. Mà căn-bản tình-cảm của con người muôn thuở lại là chữ tình, thì cố-nhiên chữ tình cũng phải được cụ-thề-hóa, cũng phải được hóa núi thành non. Cho nên, Hòn Vọng phu trên danh Trường-Sơn vẫn còn thổi gió cho bạn ghe bầu :

Lay Bà, Bà thổi gió nồm,

Chồng Bà ở Quảng kéo buồm theo sau.

Và nàng Tô-Thị vẫn còn môi mắt trông chồng, ở nơi biên-giới :

Đồng-Đặng có phố Kỳ-Lừa,

Có nàng Tô-Thị, có chùa Tam-Thanh.

Trong lúc ấy, biết bao đôi-lứa chỉ núi, thề non, sau khi thử-thách :

Lên non chọn đá thử vàng,

Thử cho đúng lượng mấy ngàn cân mua.

Núi-non còn là một nguồn chứa-chan của quý, nên khi thương nhớ nhau, người ta lên tìm món thuốc trị bệnh tương-tư :

Lên non bẻ lá họa hình,
Họa cho thấy mặt, kẻo tình nhớ
thương.

Đã có động Thiên-Thai đề kết chuyện
tiên-tục, thì núi-non cũng có thể là chỗ
tao-phùng :

Trèo lên cái núi Thiên-Thai,
Gặp hai con phượng ăn xoài trên cây,
Đội ta được gặp nhau đây,
Khác gì chim phượng gặp cây
ngô-đồng.

Chim phượng thật đúng là con chim
lạ, không dễ gặp ở chốn thị-thành, nên
người ta mạo-hiêm trèo non, quyết tìm
cho phi-nguyên :

Chí-quyết lên non tìm con chim lạ,
Dưới chốn thị-thành chim chạ thiếu chi.

Mỗi tình quan-niệm một cách không
tuồng như thế, là bởi ý - nguyện cao-
thanh, không tham vàng bỏ ngãi, chỉ
chuộng đức mến tài, hướng về một lý-
trường cao-khiết. Mỗi tình ấy tựu-trung
không xa-lìa thực - tế, vì người ta vẫn
trung-trình cam-khồ có nhau :

Lên non thiếp cũng lên theo,
Tay vịn, chơn trèo, hái trái nuôi nhau.
Người ta không thể vì giàu - sang,
mà phụ tình nghĩa :

Rủ nhau lên núi đốt than,
Anh đi Tam - Hiệp, em mang nón
giành.

Củi than nhem-nhuốc với tình,
Ghi lời vàng đá, xin mình chớ quên.
Dầu cho núi-non tiêu-biểu những đức-
tính cao - cả nhất là trung, hiếu, tình,
nghĩa, nhưng trong đời sống thiết-thực
hằng ngày, núi-non là một chướng-ngại
vật không-lỡ, làm cho hẹp đồng, chật-
đất, gây nhiều điều bất - tiện cho sự
thông-thương ;

Thương nhau tam tứ núi cũng trèo,
Thất bát sông cũng lội, thập cửu đèo
cũng qua.

Không tài dỏi - dạt hay san-bằng,
người ta cũng đủ thông-minh mạo-hiêm
để thắng sức trở-ngại của núi-non :

Non cao cũng có đường trèo,
Đường dầu hiêm-ngheo cũng có lối đi.

Vâng, dầu cho núi-non hiêm-trở, người
ta cũng tìm được lối đi ; dầu cho bị
thiên-nhiên ngăn - chặn, người ta cũng
tìm ra ngõ thoát ; chiến-dấu với cái
thiên-nhiên tiêu-biểu cho ĐẤT-NUỚC
ấy, người ta không cảm thấy căm-hờn ;
vì cái thiên-nhiên ấy quá thân-yêu, cùng
vui cùng buồn với dân-tộc, cùng vĩ-dại
theo dân-tộc oai-hùng, cùng dân-tộc bền
gan rở mặt, cùng đứng vững chống lại
mưa gió bão-bùng bên cạnh dân-tộc kiên-
trung, cùng dân-tộc gắn-chặt dính liền
không dung tha cắt-xén, vì cái thiên-
nhiên ấy vừa là hiện thân ĐẤT-NUỚC,
vừa là hiện thân DÂN-TỘC, nên người
ta thiết-tha cầu-nguyện c o non-núi được
muôn tuổi như mẹ cha, cũng như, trái
ngược lại, cho mẹ cha muôn tuổi như
non-núi :

Đêm đêm ra đốt đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.

Cũng vì lẽ thương yêu non-núi, người
ta còn ước-ao cho non-núi muôn năm
xinh-trẻ như đứa con cưng, như người
tráng-sĩ :

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non ?
— Trăng bao nhiêu tuổi trăng già ?
Núi bao nhiêu tuổi «cũng là» núi-non.



Sông-rạch

Bề nào, núi cũng là nơi có đá quý
đề thử vàng, có chim lạ ví người ăn-

sĩ, có lá mầu-nhiệm đề họa hình cho đỡ nhớ thương, có trái cây nuôi sống những tấm lòng cao - cả của những Lê-Lợi, Hoàng-Hoa-Thám, có cây có củi đề cho Trần - Khánh - Dư tạm đến hăm than; sông đôi, ở đồng bằng có sông rạch, là những mạch-máu của ĐẤT-NƯỚC thân-yêu, là những nguồn-sống dồi-dào của dân - tộc. là những đường-lộ thiên - nhiên nối liền miền Thượng với đồng-bằng.

*Nước còn quên cát làm doi,
Phương-chi ta chẳng tài-bồi lấy nhau ?*

Dân-tộc đã ghi-ơn sông - rạch trong câu ca-dao ấy : chính sông - rạch bồi-thành ĐẤT-NƯỚC ; lưu-vực sông Hồng và đồng ruộng miền Nam, chính là công-nghiệp vĩ - đại của sông - rạch. Từ trên ngọn-nguồn xa-thẳm, sông-rạch chuyên chở phù-sa đem xuống bồi thành ruộng vườn nương rẫy phì-nhiều, xây - dựng những vựa lúa-thóc hoa-màu phong-phú. Sông-rạch đã tạo-thành ĐẤT - NƯỚC và nuôi-dưỡng giống-nòi.

Sông-rạch, đã cung - cấp vật - thực cho dạ-dày, lại còn nêu-cao mảnh gương tương-thân đoàn - kết, thiết-tha khuyên-nhủ đồng-bào thương-yêu trợ-giúp lẫn nhau, mong sao nền kinh-tế nông-tang đã nhờ nước ngọt đất bồi mà phồn-thạnh lại càng được phồn - thịnh nhờ tình nghĩa ĐỒNG - BÀO khăng - khít nồng-nàn : đó là lợi chung cho dân-tộc, cho ĐẤT-NƯỚC.

Dân-tộc sống nhờ lúa-thóc hoa - màu và cũng nhờ những sản - phẩm thiên-nhiên khác nữa của sông rạch :

*— Gió đưa, gió đẩy,
Về rẫy ăn còng,*

*Về sông ăn cá, về đồng ăn cua.
— Ba phen qua nói với điều,
Đi về sông cái, có nhiều cá tôm.*

Đã no lòng ẩm cát nhờ sản - phẩm bắt-tận của sông - rạch hiển - dung, nếu dân-tộc thắm-nhuần TÌNH ĐỒNG-BÀO chứa-chan trong lòng sông-rạch, thì cuộc đời của dân-tộc không phải thần - tiên, ít lắm cũng khỏi cảnh nước loạn máu rơi, cũng được phồn - vinh hạnh - phúc, tha hồ rủ nhau mà :

*Muốn tắm mát lên ngọn sông đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.*

Rồi một cõi an-cư lạc-nghiệp, cách xa lửa sôi khói lang, ở bên bờ sông yêu quý :

*— Sông Lô một giải trong ngần,
Thảnh-thơi ta rũ bụi trần cũng nên.
Sông Lô nước đục, người đen,
Ai lên Phố Hiến cũng quên đường về.*

Sông - rạch có thể quyến-rũ say - mê, nhưng cũng vì sức hấp - dẫn ấy mà có khi gây nhiều đau-khổ cho những bạn chung-tình :

Sông dài cá lội biệt-tâm :

*Người thương đâu vắng, chỗ nằm
còn đây. (1)*

Bạn ơi, người thương có đi đâu ngoài ra theo tiếng gọi mê - hồn của dòng sông mê-hoặc ?

*Sông Thương nước chảy đôi dòng,
Trai quên vợ, gái quên chồng thì lên.*

(1) Cũng có câu : Ghe lui khỏi bến còn dầm. Người thương đâu vắng, chỗ nằm còn đây; và câu : Sông dài cá lội biệt tâm. Ngồi dưới chõng vợ ngàn năm cũng chờ.

mà bạn thất-tình đâm ra thất-vọng, ném
cái má hồng chôn đáy nước xanh :

Đi ra sông Cái,

Tự-đi cho rồi !

Sống làm chi cho biệt-ly quân-tử,

Thức đi cho rồi đặng chữ hiếu trung,
hay là trôi - nổi linh-dinh theo ngọn sóng :

Thiếp than cha mẹ thiếp nghèo,

Thiếp than phận thiếp như bèo trôi
sông.

Trong đất nước, hệ-thống giao-thông
chỉ gồm có sông - rạch và phương - tiện
giao-thông chỉ có ghe thuyền, nếu sông
rạch là con đường lưu-thông duy-nhất
để cho ta đi lại :

Ghe anh nhỏ mũi trắng lườn,

Ở trên Gia-định xuống Vườn thăm
em.

thì đối với cuộc Nam-Tiến, sông-rạch lại là
đầu-mối di-dân khai - quốc, chẳng hạn
như con sông Đồng-Nai, luôn-luôn mở
rộng cửa Cần-Giờ, đón-tiếp đồng - bào
Trung, Bắc :

Nhà-Bè nước chảy chia hai,

Ai về Gia-Định, Đồng-Nai thì về.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được của nhà xuất
bản nhạc và sách « **TRÙNG - DƯƠNG** »
gửi tặng nhạc phẩm « **TÌM NHAU** » của
Phạm-Duy, Truyện ngắn chọn-lọc « **CHIẾC**
ÁO THIÊN-THANH » của **Lê-vĩnh-Hòa**
Ngọc-Linh, **Tiểu-kim-Thủy** và **Viễn-**
Phương và cuốn truyện nhỏ « **THÙNG-**
THIỆC GIẾT ANH-HÙNG » của **Sơn-**
Nam. Trân-trọng cảm-tạ nhà-ý của nhà xuất-
bản Trùng-Dương và xin ân-cần giới - thiệu
các tác-phẩm trên với độc-giả thân-mến.

B. K.

vì trong lòng đồng-bào miền Nam bao
giờ cũng chứa-chan mỗi tình nồng-hậu
đối với đồng - bào miền Trung, Bắc,
cũng như đồng-bào Trung, Bắc tin-tưởng
nơi tấm chơn - thành của đồng - bào
miền Nam :

— *Rồng châu ngoài Huế*

Ngựa tể Đồng-Nai,

Nước sông trong sao lại chảy hoài,

Thương người xa xứ lạc-loài đến đây.

— *Nhiều điều phủ lấy giá gương,*

Người trong một nước thì thương
nhau cùng.

Về phương-diện liên-lạc, sông-rạch có
công-dụng giao - thông, nhưng đối với
bạn tình, sông-rạch lại có tác-dụng trái
ngược lại : con sông Ngân đã chia-lìa
Ngưu-lang Chức-nữ, con sông Tương
đã phân-cách tài-tử giai-nhân, khiến cho
người ta đã than-oán :

Sông Tương ai gọi rằng sâu,

Chẳng bằng phân nửa mạch sầu của ta :

Sông tuy sâu hây còn có đáy,

Bịnh tương-tư không bãi không bờ,

Đâu sông chàng đợi chàng chờ,

Nào hay thiếp đợi hăng-hờ cuối sông.

Song ở đời có cái chi ngăn - cách,
nếu lòng người nồng-nhiệt muốn hiệp-
hòa ? Bức Vạn-Lý Trường-Thành chưa
để ngăn-dón làn sóng của rợ Hồ thì
chưa ắt có ngọn sông nào tuyệt-đối cấm
đường qua lại : người ta dám mạo-
hiểm hy-sinh lướt theo ngọn sóng để
thỏa tình thương :

Sóng bên doi bỏ vôi bên vịnh,

Hai đứa mình trời định đã lâu.

Khi tình thương đã tràn-trề, người

ta tìm trăm phương ngàn kế để vượt qua chướng-ngại của rạch-sông :

Anh về xẻ ván cho dày,
Bắt cầu sông cái cho thầy mẹ sang.
Thầy mẹ sang em cũng theo sang :
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo.

Ma-lực của tình-yêu đành không hữu-hiệu như phép thần-tiên, gây rút đất, sông cũng tìm cách bộc-lộ một cách phi-thường để thâu hẹp rạch-sông, để cận kề người nghĩa :

Ước gì sông hẹp một gang,
Bắc cầu giải yếm cho chàng sang chơi.

Người ta vận-dụng sức tưởng - tượng thật là hết mực, dám bắt cầu bằng giải yếm hay dây tơ để cho có đường qua lại :

Bắc cầu cho kiến leo qua,
Cho con chú Xá qua nhà tôi chơi.

Tuy-nhiên những cây cầu bắc trong điều-kiện ngang trái chưa hẳn luôn-luôn làm mãn-nguyện lòng người :

Một sông biết bắc mấy cầu,
Phận em là gái, biết hầu mấy nơi ?

Cho nên cây cầu ngang - trái là cây cầu đoạn-trường của bạn trái-duyên :

Qua cầu than-thở cùng cầu,
Cầu bao nhiêu nhịp, dạ sầu bấy nhiêu.

Bởi thế, người ta muốn lấp bằng sông rạch để cho liền đất thuận đường để bề lui tới :

Muốn cho sông cạn đất liền,
Kéo anh đi lại tốn tiền đò ngang.

Công-nghiệp của sông - rạch thật là nhiều, tiếc thay, trở-lực của rạch-sông cũng không phải ít. Sông-rạch đành rằng mở đường lưu-vận cho thuyền-bè, song cũng thường đào mồ chôn vùi khách thương-hồ bạc-phận dưới lớp sóng cả giông to :

Con ơi, ghi lấy lời cha,
Gió to sóng cả chớ qua sông Rừng !

Con sông Rừng, chính là con sông Bạch-Đằng, đã chôn - vùi hai lớp giặc xâm-lãng và còn roi - truyền chiến-lược của Ngô-Quyền và Hưng-Đạo :

Đánh giặc thì đánh giữa sông,
Chớ đánh trong cạn phải chông mà chìm,

Nhưng một trận sóng to chỉ có thể gây tai-hại cho một vài chiếc ghe thuyền ; một trận lụt lớn mới sát-hại mùa - màng đáng khiếp-sợ, chẳng hạn như các trận lụt hằng năm ở lưu-vực sông Cửu-Long, vào cuối mùa nước lên, ngay lúc mưa già-bãi :

Ông tha mà bà chẳng tha,
Đánh nhau một trận mồng ba tháng mười.

Không khuất-phục thời-tiết và sông-rạch như ở miền Nam, người ta ở lưu-vực sông Hồng toan khắc-phục sông-rạch trong một cuộc tranh - đấu trường-kỳ bằng cách đắp đê và hộ đê.

Cây cao chẳng quản gió lung,
Đê cao chẳng quản nước sông tràn vào.

Tai-hại của sông - rạch có ngăn mà không hạn ; công-ơn của sông-rạch lại là vĩnh-cửu vô-biên ; cho nên trong cuộc tranh đấu cho sống còn, người ta biến hại thành lợi, gian-khổ chẳng sờn :

Sông hồ một giải con-con,
Gặp con sóng gió, chớ non tay chèo.
Yêu nhau sanh-tử cũng liều,
Thương nhau lặn suối, qua đèo có nhau.



*Núi kia ai đắp nên cao,
Sông kia ai đào nước chảy vòng-quanh?*

Dân-tộc ta là dân-tộc đạo-nghĩa, ăn trái nhớ kẻ trồng cây, há dễ không biết núi kia ai đắp, sông nọ ai đào? Núi-sông dính-liền với dân-tộc: núi-sông đã dưỡng-nuôi dân-tộc; dân-tộc đã bảo-vệ núi-sông.

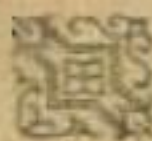
Kẻ nằm dưới mộ không khỏi ngậm-cười nhìn thấy núi-sông còn vẹn-tuyên gấm-vóc, mặc dầu trái bao tuế-nguyệt tang-thương; và người đang phụng-sự hằng ngày ắt phải vui-mừng thừa-hưởng

một sự-nghiệp vẻ-vang của Tồ-tiên lưu lại và làm sao cho khỏi hồ-thẹn với kẻ trước người sau, cho núi-sông lớn mạnh vững-bền, cho hùng-cường ĐẤT-NƯỚC:

*Trèo lên trái núi Giải-Oan,
Tay nâng chén trắng, múc làn nước trong.*

*Đàng xa xin chớ ngại-ngùng.
Trèo non, xuống dốc, ta cùng đỡ nhau.*

THUẦN-PHONG



«An nhàn, vô sự»

CẢNH thái bình lâu dài thường làm cho người ta hóa thành ủy mị, nhu nhược, trái lại, cuộc chiến tranh thường khiến cho người ta trở nên can đảm, hăng hái. Khi người La-Mã chiến thắng, muốn tận hủy thành Carthage, ông Caton cố tâm can gián, sợ rằng người La-Mã sẽ suy nhược trong cảnh hoan lạc thanh-bình. Ông nói: «Khốn cho La-Mã, một khi Carthage không còn nữa!». Tại Lacédémoe, người ta cũng nghĩ như vậy. Khi vị vua kia muốn tàn phá một thành địch, các thượng pháp quan phản kháng, không muốn cho nhà vua đập bể hòn đá mài đức can đảm của nhân dân. Họ cho rằng mất cơ hội để chiến đấu là hiện tượng đáng ghê, đáng sợ nhất.

«An nhàn, vô sự» phải chăng đó cũng là nguy cơ cho kẻ muốn giữ vững tinh thần trên đường đạo đức?

NHỮNG HUY - CHƯƠNG CỜ-ĐIỀN VIỆT - NAM

HAY LÀ

TIỀN (錢) BÀI (牌) KHÁNH (磬) BỘI (佩)

Từ-Quyên
ĐẶNG - VĂN - NHÂM

Ngày 12-8-1957, Tổng-Thống Việt-Nam Cộng-hòa đã ký một sắc-lệnh Thiết-lập huy-chương **Kim-Khánh** để tặng thưởng cho công-dân Việt-Nam và ngoại-quốc đã có công với tổ-quốc Việt-Nam (tín các báo đăng ngày 17-8-57).

Nhân đó, chúng tôi giới-thiệu với độc-giả những loại huy-chương cờ-diền Việt-Nam, gồm có : Tiền, Bài, Khánh, Bội.

Đã có tự bao giờ ?



HIỆN nay, chưa ai rõ xác-thực huy-chương Việt-Nam đã có tự bao giờ, thời nào ?

Có người dự-đoán đã có từ đời nhà Lê (trước 1802). Nhưng căn-cứ trên các sử-liệu cận-đại, người ta thấy Tiền, Bài, Khánh, Bội đã được đúc nhiều nhất dưới thời nhà Nguyễn.

Theo chúng tôi, từ nhà Nguyễn trở về trước, các vua quan Việt-Nam chưa có ý-thức huy-chương. Nếu ai lập được công-trạng thì : một là được thăng chức, phong chức ; hai là được thưởng lúa gạo, lụa-là, vải-vóc và tiền điều.

Đến thời nhà Nguyễn, vì có sự tiếp-xúc với các dân-tộc tây-phương như Pháp, Ý, Bồ-đào-nha, Hòa-lan, v.v.. nên ý-thức huy-chương manh-nha từ đó.

Về sau, dưới sự cai-trị của người Pháp, một là bị ảnh-hưởng người Pháp, hai là muốn « lấy lòng » các vị quan đô-hộ Pháp, chính-phủ Nam-triều thực-hiện các loại huy-chương. Vì vậy ta thấy phần nhiều huy-chương đều tặng các vị quan tây-phương đô-hộ như thống-chế Joffre, các công-sứ, thống-sứ v. v... Đó là một trong những « món quà ngoại-giao » của dân-tộc bị-trị ! Hình-thức tuy có khác, song nội-dung vẫn có phần tương-tợ với lối « cống-hiến » Thiên-triều của các trào-dại trước.

Điều này có lẽ là mục-dịch chính ; còn việc tặng-thưởng các vị quan Việt-Nam chỉ là việc phụ.

TIỀN

Mỗi khi cần tưởng-thưởng công - lao các quan-quân, nhà vua ra lệnh cho đúc một loại huy-chương bằng vàng, hay bạc gọi là Tiền.

Tiền đã có từ lâu ở Việt - Nam, song không có một sử liệu nào nói đến cả. Duy đến năm thứ 13 Minh-mạng (1832) Bộ-Hộ, Bộ-Công, và

Nội-Vụ có nhận được chỉ-dụ nhà vua, cho phép đúc 1.000 Kim-tiền (tiền bằng vàng) (金錢) và 20.000 ngân tiền (tiền bằng bạc) (銀錢).



Đại-hạng Kim-Tiền



Kim-tiền có 4 hạng :

1^o) Đại hạng : 9 đồng, nặng 34g,002, hình tròn, một mặt đề niên-hiệu nhà vua, một mặt có hình rồng bao-bọc quanh 1 vòng tròn nhỏ chính giữa có chữ « Long Văn » (龍文).

2^o) Nhứt hạng : 8 đồng, nặng 30g,224, có hình rồng.

3^o) Nhì hạng : 5 đồng, nặng 18g,890, có hình rồng.

4^o) Tam hạng : 4 đồng, nặng 15g,112, có hai chữ « nhị-nghi » (二儀) tức mặt trời và mặt trăng.

Bốn loại kim-tiền này đúc bằng vàng chuẩn độ 0,85.

Đến ngày 10 tháng 6 năm thứ 16 Thành-Thái (1903), Cơ-Mật ra lệnh cho Nội-vụ đúc một loại kim-tiền mới, bằng vàng y nguyên-chất, dành để tưởng thưởng công lao các vị đại quan, nhứt là các quan tây-phương bảo-hộ.

Ngân-tiền. — Ngân-tiền dành để tặng-thưởng cho các vị quan cấp nhỏ của hai chính - phủ Nam - triều và Bảo-Hộ.

Ngân-tiền có 3 hạng :

1^o) Đại-hạng.

2^o) Trung hạng.

3^o) Tiều hạng.

Ngoài ra, Kim-tiền và Ngân-tiền còn dùng để tặng các ông Hoàng, bà Chúa trong những ngày kỷ - niệm sinh-nật.

BÀI

Bài đã có từ niên-hiên Gia-Long thứ nhất (1802), do Cơ-Mật-Viện sáng-tạo theo lệnh nhà Vua, gọi là Ngân-Bài.

Đến năm thứ 15 Minh-Mạng (1834), Ngân-Bài được thay thế bằng Kim-Bài, có mang chữ « Cơ-Mật Đại-Thần. »

Bài làm bằng hình chữ nhật, bề dài đo được 1 tấc 4 phân, bề ngang 8 phân. Xung quanh có khắc hình rồng.

Các quan thường đeo Bài trên cúc áo thứ hai bên phải.

Hầu hết các ông Hoàng đều đeo mỗi người một Kim-Bài, có đề chức-tước của mình. Ví dụ : Hưng-Nhơn-Công (興仁公).

Mỗi đời vua đều có đúc một kiểu bài khác. Chẳng hạn như một vị Đại-thần đã phò nhiều trào vua có thể có nhiều Kim-Bài. Một mặt có khắc tên và chức vị quan ấy, ví dụ : « Lại-

Bộ-Trương-Như... » (便部張如). Một mặt có khắc niên-hiệu vị vua ấy, ví dụ : « Duy-Tân Ân-tứ » (維新恩賜).

Kim-Bài thường đề tặng-thưởng các vị Điện-Hàm và Cung-Hàm.

Điện-Hàm tức các quan tể-trụ gồm :

— Cẩn-Chánh-Điện đại-học-sĩ.

— Văn-minh-Điện đại-học-sĩ.

— Võ-hiền-Điện đại-học-sĩ.

— Đông-Các-Điện đại-học-sĩ.

Cung-Hàm có 2 hạng : Tam-Công và Tam-Cô. Tam-công gồm :

1^o) Tam-Thái : Thái-sur, Thái-phó, Thái-Bảo.

2^o) Tam-Thiếu : Thiếu-sur, thiếu-phó, Thiếu-bảo.

Tam-Cô gồm :

1^o) Tam-Thái : Thái-tử, Thái-sur, Thái-tử, Thái-phó, Thái-tử, Thái-bảo.

2^o) Tam-Thiếu : Thái-tử Thiếu-sur, Thái-tử Thiếu-phó, Thái-tử Thiếu-bảo.

Cuộc lễ tặng-thưởng Kim-Bài tổ-chức rất trọng-thề. Kim-Bài đặt trong một Long-Đình, có lọng vàng che, châu-trượng xung-quanh, lính khiêng, có nhạc cử theo làm tăng thêm vẻ long-trọng.

Bài được trao-tặng do một vị Đại-thần thay

mặt nhà Vua.

Còn Ngân-Bài thì dành đề thưởng công cho những người chiến-sĩ, có đề hai chữ « Thưởng Công » (賞功).

Hiện nay, ta thường thấy có nhiều Thị-vệ còn đeo hoặc giữ Ngân-Bài.

Ngân-Bài sáng-tạo vào năm thứ 6 Minh-Mạng (1825), dài 1 tấc 3 phân,



Kim - Bài

ngang 1 tấc. Một mặt có khắc tên họ viên-chức nhận thưởng. Ví dụ : Nguyễn-văn-Hai... Một mặt có đề chức-vụ. Ví dụ : « Tam-dăng Thị-vệ »...

Ngoài ra, ta còn thấy nhiều viên-chức khác ở thời gần đây có đeo Bài ngà.

KHÁNH

Khánh thường đề tặng-thưởng các vị đại-quan, những ông Hoàng, bà Chúa.

Hiện nay nhiều gia-đình quý-phái, dòng dõi các vị đại-quan, Hoàng-tộc còn giữ Ngọc-Khánh, Kim-khánh hay Kim-tử-Khánh...

Năm thứ 26 Tự-Đức (1873) nhà vua có cho đúc Kim-khánh đề tặng-thưởng các vị quan bảo-hộ. Quan đô - đốc Thủy - sư người Pháp thời bấy giờ có được tặng một « Đại-hạng Kim-khánh » nặng 6 đồng vàng, khắc chữ « Trung-Tín » (忠信).



Đại-hạng Kim-Khánh

Đến năm thứ 28 (1875) nhà vua lại ra lệnh đúc 7 Kim-khánh đề tặng các vị quan-chức Tây-phương khác như :

— 1 đại hạng Kim-khánh, có 4 chữ « Giảng-tín tu-mục » (講信修睦), với tua kết bằng san-hô và ngọc để gửi tặng Thủ-tướng Pháp.

Còn sáu Kim-Khánh khác, có chữ « Khác Cẩn » (恪謹) :

— 1 đề tặng quan Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao Pháp.

— 2 đề tặng 2 Tân và Cựu Thống-Đốc Nam-Kỳ.

— 1 đề tặng Chánh-sứ.

— 1 đề tặng Phó-sứ.

Trong món quà Kim-khánh đề tặng Thủ-tướng Pháp còn kèm thêm các loại quế quý-báu của Việt-Nam.

Năm Ất-Dậu, (1885), ngày 5 tháng 12 quan Cơ-Mật tâu lên vua Đồng-Khánh xin trích ngân-quĩ 10 lạng vàng để đúc 20 Kim-khánh hạng Trung và Tiều.

Những Kim-khánh này có đề : 1 mặt 4 chữ « Đồng-Khánh sắc - tứ » (同慶勅賜) một mặt có chữ : « Giảng-tín tu-mục » hay « Thù - Huân » hay « Trường-Công » (獎功). Cũng năm 1885, nhà vua ra chỉ - dụ qui-định Kim-khánh có 2 loại : Đại-hạng Kim-khánh và Kim-khánh (thường).

Năm Đồng-Khánh thứ 2 (1887) nhà vua lại ra lệnh đúc 4 loại Kim-khánh với tua ngũ-sắc để tặng các quan chức tây-phương :

1^o) Đại hạng : nặng mỗi cái 5 đồng, (18g,890) 1 mặt có khắc chữ « Đồng-Khánh sắc tặng ».

(Trong các chỉ-dụ bắt đầu dùng chữ Tặng từ đây đề thay chữ Tứ) 1 mặt có chữ « Báo-Ngãi Thù-Huân »

2^o) Trung hạng : nặng 4 đồng (15g,112) chữ cũng như trên.

3^o) Thứ hạng : nặng 3 đồng

(11g,334), có chữ « Sanh Thiện Thường Công » sau đổi lại là « Gia Thiện Sanh Năng » (嘉善旌能).

40) *Tiểu hạng* : nặng 2 đồng rưỡi (9g,445) có chữ « Lao Năng Khả Tướng » (勞能可將),

Đồng-thời nhà vua ra lệnh cho các quan phụ-chính hay Cơ-Mật làm ra Khâm-Cấp (欽給) bằng giấy vàng, trang - trí hình rồng, viết chữ Hán đề tặng. Khâm-Cấp tặng các quan chức Tây-phương được dịch ra pháp-ngữ, trên giấy trắng. Như vậy, mỗi quan chức Tây-phương được thưởng sẽ có 2 Khâm-Cấp, một bản chính và một bản dịch.

Đến ngày 6 tháng 3 năm thứ 13 Thành-Thái (1900) Cơ-Mật tâu lên vua xin đúc

thêm 3 hạng Kim-khánh như sau và gọi là :

— Nhất hạng Kim-khánh, có chữ « Báo-Ngãi Thù-Huân ».

— Nhì hạng Kim-khánh có chữ « Gia-Thiện Sanh-Năng ».

— Tam hạng Kim-khánh có chữ « Lao-Năng Khả-Tướng ». Còn một mặt kia có khắc 4 chữ « Thành-Thái Sắc-tứ » sau đổi lại là « Đại-Nam Hoàng-Đế sắc-tứ ».

Đến năm Duy-Tân thứ 6 (1912), nhà Vua thấy làm các loại huy-chương kê trên tốn hao mất nhiều vàng bạc của ngân-quỹ, nhà vua bèn quyết-định chỉ tặng Khâm-Cấp cho các quan-chức có công, còn Kim-khánh thì chỉ dành đề tặng các quan Đại-thần Thượng-Thọ, trong những dịp lễ sinh-nhật lục-thập hay Thất-Thập Tuần mà thôi.

Ví dụ như quan Võ-Hiến năm Duy-Tân thứ 6 (1912) đã được tặng một Kim-Khánh nặng 9 đồng 56 có chữ « Lão thành Thạc - Vọng » (老成碩望) trong dịp lễ sinh-nhật Thất-Thập Tuần. Đồng - thời, một vị đại - thần khác cũng được ân-tặng một Kim-khánh có chữ « Kiêm-Đạt Tôn-Tam » (兼達尊三) trong trường-hợp tương-tợ.

Năm 1913, quan Cần-Chánh hồi-hưu, trong dịp sinh-nhật thứ 60 cũng được nhà vua tặng một Kim-khánh có chữ « Huân-vọng Kỳ-thạc » (勳望耆碩).

Năm 1914, Thống-chế Joffre được tặng một Kim-khánh nặng một lượng và 1 đồng, có chữ « Báo-Ngãi Thù-Huân » (報義酬勳) có tua san-hô và ngọc đề đeo.

Về sau, gần đây, ta thấy bất cứ đàn ông, đàn bà, nhất là con nít đều có đeo Kim - khánh hoặc Ngân-khánh hoặc Khánh-ngà.

BẠN ĐỌC CHÚ - Ý

Các bạn cần có những cuốn sách sau đây của nhà xuất-bản Nguyễn-Hiến-Lê :

10) **ĐẮC NHÂN-TÂM** do Nguyễn-Hiến-Lê và P. Hiếu lược dịch. Một tài-liệu giúp các bạn biết-cách gây thiện-cảm ;

— Cách khiển-trách mà không làm phật lòng người ;

— Cách dẫn-dụ người khác cho họ nghĩ theo mình. Giá 68\$.

20) **NGHỀ VIẾT VĂN**, tùy - bút của Nguyễn-Hiến-Lê, Tất cả những điều cần biết cho những ai đương ở trong nghề viết văn hoặc muốn vào nghề ấy. Giá 50\$.

50) **TỰ-DO CÁ-NHÂN** của Trần-Thúc-Linh, một cuốn luật-phổ-thông vừa bồi-ích vừa hứng-thú. Giá 32\$.

40) **BẢY NGÀY TRONG ĐỒNG-THÁP-MUỖI**, một tài-liệu giúp các bạn hiểu rõ tí-mỉ một vùng mênh-mông đầy cỏ-lác, và đầy hứa-hẹn nổi tiếng ở Nam-Việt trong thời - gian kháng-chiến. Giá 29\$.

B.K.

Khánh đã biến thành một món trang-sức của dân-chúng. Nhưng kiểu-cách trang-trí và chữ đề thì khác hẳn. Người ta thường khắc 4 chữ : « Bồn-mạng Trường - sinh » (本命長生) trên Khánh cho con nít đeo.

BỘ I

Bộ I có 2 loại : Ngọc-Bộ I và Kim-Bộ I.

Kim-Bộ I có từ năm 1889.

Trong một chỉ-dụ vào năm thứ nhất Thành-Thái có nói về sự sáng-tạo Ngọc-Bộ I, chia làm 3 hạng ; nhất, nhì, ba.

Kim-Bộ I hình bầu-dục, một mặt có khắc chữ « Duy-Tân niên-tạo » (chữ này có thể thay đổi theo các triều Vua). Một mặt có chữ « Quỳnh-Diêu Vĩnh-Hào » (瓊瑤永好). Kim-Bộ I này cân nặng 6 đồng, (22g,668).

Kim-Bộ I thường đề riêng tặng các bà Chúa (hay nói chung phái nữ). Trên Kim-Bộ I trang-trí hình Chim Phụng, (một mẫu

trang-trí, loại tứ-linh tượng-trưng cho đàn-bà). Còn Ngọc-Bộ I có thể dùng tặng cho cả đàn-ông và đàn bà.



Kim-Bộ I

Sau này, cũng như Khánh, Bộ I đã thành một món trang-sức riêng của đàn-bà ở mọi tầng lớp dân-chúng.

VIII 57

TỪ-QUYÊN

ĐẶNG-VĂN-NHÂM



THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiêu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiêu năm 1853)

SỐ VỐN : 3.500.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.000.000 Anh-kim


Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2


Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)


Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac


*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*


Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la
clientèle pour toutes études et installations.*

Việt-Nam Bảo-Hiểm Phạt-Bà

**CÔNG - TY BẢO - HIỂM NGƯỜI VIỆT
VỚI SỐ VỐN 6.000.000\$00 ĐỒNG ĐÚ**

TRỤ SỞ : Nơi biệt-thự Công-Ty :

13, đường Pasteur — SAIGON

Giấy nói : 23.529

Bảo - Hiểm tai nạn rủi - ro :

các loại Xe, Ghe, Tàu, cùng Nhân-công và Hành-khách

Hỏa hoạn : Nhà, Kho, Xưởng và Hàng-hóa.

Trộm cắp : Hàng-hóa chuyên chở và dự-trữ.

Trách-nhiệm : Chủ-nhân Xưởng, Mọc...

ĐIỀU-KIỆN DỄ DẴI — BỒI ĐỀN MAU CHÓNG

Hai nhà nho chí - sĩ :

NGÔ - ĐỨC - KẾ và PHAN - BỘI - CHÂU

đối với truyện Kiều

TÂN-FONG-HIỆP



NGUYỄN-DU từ giã cõi đời ngày mùng 10 tháng 8 năm Canh-thìn, tức năm 1820 dương lịch. Từ giã cõi đời mà

mỗi hận lòng còn canh cánh, nên đời sau còn truyền lại hai câu thơ — mà cũng là những lời nói — sau cùng.

*Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như.
(Ba trăm năm lẻ về sau nữa,
Thiên hạ ai người khóc Tố-Như ?)*

Ai khóc Tố-Như ?

Từ đó đến nay, chưa đầy 150 năm — cái phân nửa của ba trăm năm... chẵn — mà « tâm sự di thần » của Người chẳng còn là một sự bí mật cho ai nữa, và hơn

thế nữa, người ta chẳng những khóc Người, mà khóc luôn cả nhân vật chánh của truyện Người sáng-tạo lại : nàng Kiều. Người hẳn cũng chẳng ngờ tác phẩm của mình, một tiếng đoạn trường mới, lại có một số phận lạ kỳ, mà chẳng một công trình trước tác nào của thế-giới có, từ ngàn xưa cho đến ngày nay. Người ta không ngớt « nói » đến nó : nào phê, nào sửa, nào vịnh, nào ngâm, nào tập, nào lầy, nào bói, nào nhại, phân-tích nhân-vật này, bàn cãi câu thơ nọ ; thậm chí đến một chữ, một dấu chấm câu cũng là đầu-đề cho mực chảy. Mà nhất là khen với chê !



Mà nói đến khen, thì ta nhớ ngay đến Phạm-Quỳnh tiên sinh, người đã nói câu

bất hủ : « *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn* ». Còn nói đến ché, thì ta làm sao quên được nhà chí sĩ Ngô-Đức-Kế, người đầu tiên thẳng tay kết án Đoạn trường tân thanh : « *Văn tuy hay, mà truyện toàn truyện phong tình, thì có vẻ ai dăm sáu oán đạo dục tăng bi (1), tám chữ ấy không tránh đâu nào cho khỏi (...) trong nhà ngoài đường, trên trời dưới đất, đâu đâu cũng Kiều. Cứ xem hiện trạng ấy, thì nước Việt-Nam ngày nay gọi là Kim-Vân-Kiều Quốc, nói giống Việt-Nam ta mà gọi là đời đời Kim-Vân-Kiều tộc, cũng đúng đắn lắm, chứ không sai ! (...) Ôi ! than ôi ! Kim-Vân-Kiều mà cai-trị nước Việt-Nam, thì xã-hội Việt-Nam không nói cũng biết rồi !... (2).* »

Chắc phần đông các bạn cho rằng nhà chí-sĩ họ Ngô-Đức, vì đạo đức Khổng Mạnh, vì tiền-dồ nói Hồng-Lạc, mà trọn đời « chẳng đội trời chung » với truyện Thúy-Kiều. Nói một cách khác, cụ Nghè Ngô đã đứng về mặt luân-lý, đã ở trong hàng ngũ chiến sĩ, mà gắt gao lên « án tử hình » quyền — nói theo cụ — « Trăm năm trong cõi người ta », và suốt đời, không thêm nói đến « con dĩ Kiều ». Chính chúng tôi từ ấy nhân này, cũng nghĩ như thế.

Cho đến gần đây, rõ ràng hơn, là chỉ trước giờ cụ Tiên-Điền một tuần, một bạn văn bực đàn anh đã vui vẻ (và sung-sướng nữa !) chỉ cho tôi biết cái « bé cái lắm » của mình, mà hẳn là của phần đông các bạn cũng nên, nhất là các bạn trẻ chưa quá nửa đời người. Anh bạn ấy đã đọc cho tôi nghe và đưa cho tôi xem đoạn văn dưới đây của ông Tú Phan-Khôi. Đoạn văn này trước đây trong tuần báo « *Phụ nữ*

tân văn », năm 1929 — còn 2 năm nữa thì đúng 30 năm ! — sau đăng lại trong tập « *Chương-Dân thi thoại* », xuất bản năm 1936.

Nghĩ rằng làm bạn đứng tuổi không còn nhớ, và nhiều bạn trẻ tuổi chưa được biết tài-liệu có thể cho là đặc-biệt và khó tìm này, nên chúng tôi nhân dịp ngày giờ thứ 137 tác giả « *Đoạn trường tân thanh* », chép lại đoạn văn vừa kể cho có thi có chung. Chúng tôi tưởng cũng cần ghi lại câu nói có vẻ hóm-hỉnh này của anh bạn văn nói trên, trước khi anh đọc cho tôi nghe thi thoại :

Ai bảo cụ Ngô - Đức - Kế không thương thức truyện Kiều ?

« *Cả cuốn truyện Kim-Vân-Kiều, nhiều người cho rằng cụ Nguyễn-Du mượn mà than thở cái thân phận lao đao của cụ. Thật vậy, lời phán đoán ấy chẳng những là dễ chừng, mà lại còn có chứng cứ nữa. Có người đã được các cụ ở Nghệ-Tĩnh ngày xưa thuật lại rằng lúc cụ Tiên-Điền thảo cuốn vận văn tuyệt thế ấy xong, đưa cho mấy ông bạn xem, thì đã có ông hiểu đến cái nghĩa ấy rồi, mà còn hiểu hơn chúng ta bây giờ nữa, như câu :*

« *Giờ ra thay bậc đổi ngôi,
Đám xin gởi lại một lời cho mình* ».

Có ông giải là cụ Tiên-Điền dùng câu ấy trách thăm vua Gia-Long, vì trước kia ngài vẫn nói tôn thờ nhà Lê, mà sau lại lên ngôi hoàng đế. Lại câu :

« *Phòng khi nước đã đến chân,
Đao này thì liệu với thân sau này* »

(1) Thương sáu oán mở đường tà dục mà tăng mối buồn rầu.

(2) « *Chính-học cùng tà-thuyết* », Hữu-thanh tập chí, số 21, ngày 1-9-1924.

Chữ « sau » đó, nguyên-văn cụ Tiên-Điền là chữ « phận ». Hơn trong khi đưa thảo xem, một ông bạn đòi chữ « phận » làm chữ « sau », nói với cụ Tiên-Điền rằng vì chữ « sau » giọng kêu hơn ; nhưng kỳ tình vì bấy giờ cụ Nguyễn-Du chưa chết, ông bạn kia sửa chữ « sau », là có ý mong cho cụ về sau nếu có gặp sự bức bách gì thì sẽ chết cho trọn tiết. (Câu chuyện này do ông Ngô-Đức-Kế nói cho tôi nghe tại Hà-nội (3).

PHÂN-KHÔI



Hầu các bạn không còn lạ gì tính cương trực và khảng khái của ông Tú Phan-Khôi. Một câu cuối cùng nằm trong hai ngoặc đơn đủ đánh tan mọi nghi ngờ, nếu chúng ta đã có ngờ nghi chút nào về sự có thật của thi thoại này. Và lại, gần ba mươi năm nay, chưa có một ai lên tiếng đính chính, phủ nhận hay hoài nghi nó.

Ta có thể — nhân trường hợp đặc biệt của cụ Nghè Ngô — cho rằng các nhà nho đều thường thức truyện Kiều, không ít thì nhiều, dù có lúc vì đạo đức, vì chánh trị, vì chủ nghĩa mà nặng lời với tiếng đoạn trường của thi hào họ Nguyễn.



Mà những ai đang bôn ba vì nghĩa lớn, lấy nước làm nhà, sống cảnh nằm gai nếm mật, thì đối với những « lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm sa », đề bên tai, hay giẫm dưới cẳng, là lẽ đương nhiên, nhưng những khi trà dư tửu

hậu — như trường hợp cụ Ngô-Đức-Kế — hay gặp lúc phải nằm co một chỗ — như cảnh cụ Phan-Bội-Châu sau đây — thì ít người quên « Mua vui cũng được một vài trống canh », hoặc nhờ Kiều đề « Mai sau dù có bao giờ... »

Người chí sĩ gan lỳ, trải bao gian lao trong nước, bao khổ nhục quê người là cụ Sào-Nam, người đã từng cho mình :

« Vẫn là hào kiệt, vẫn phong-lưu,
« Chạy mỗi chân thì hấy ở tù ! »

thì lúc cầm một ngọn cờ hay khi nâng một ngọn bút, chắc chẳng hề cụ đề tâm trí bận rộn vì những lời thơ trác tuyệt của Nguyễn - Du. Song sau khi bị bắt đưa về nước, được đồng-bào toàn-quốc vận động, cụ được ân xá và đưa về Huế sống, thì dư luận phân vân, có khi ngờ vực.

Làm thế nào để tỏ nỗi lòng ?

Nhà thơ của núi Hồng sông Lam liền đến với người chí sĩ « vùng đá sỏi » (4). Và khoảng 1926, quốc dân nhận được mấy văn « Đoạn trường tân thanh » do người yêu nước có biệt hiệu Sào-Nam tập thành :

« Vì chẳng xét tấm tình si,
« Thiệt ta mà có ích gì đến ai.
« Vội chi liễu ép hoa nài,
« Còn thân thân ắt hẳn đến bồi có khi.
« Sinh rằng : « Từ thuở tương tri.

(3) Chúng tôi cho in đậm câu này.

(4) Thành ngữ đề chỉ vùng Nghệ-Tĩnh, đá sỏi vốn nhiều, mà người cứng như sỏi đá cũng không ít.

« Tăm riêng riêng những nặng vì nước non.
 « Trăm năm tính cuộc vương tròn,
 « Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông.
 « Muôn đời ơn lòng ! »



Có lẽ ngoài cái yên vui vì chưa đầy
 nửa cái ba trăm năm, mà thiên hạ có lắm
 người hiểu mình, thương mình, khóc
 mình, linh hồn Tố - Như còn sung

sướng vì hơn một kẻ « nặng vì nước non »
 đã nhắc, đã nhớ, đã nhờ mình.

Còn chúng ta, có lẽ chúng ta không
 còn mỉm cười khi nghe Xuân-Việt hỏi :
 « Đất nào mang nỗi Nguyễn-Du » ?

Một đêm nhớ tác giả « Ai khác Tố-Như ? »

TÂN-FONG-HIỆP



Dứt khoát tư tưởng.

CÓ nhà tu hành kia lên rừng ẩn tu được mười lăm năm thì bỗng
 một hôm nhận được người nhà gửi cho một bọc thư lớn. Nhà tu hành
 cầm bọc thư nói :

— Nếu ta mở bọc thư này ra thì không biết bao nhiêu tư tưởng
 sẽ đến với ta ! Nó sẽ gây cho ta bao nhiêu niềm vui, bao nhiêu nỗi khổ !
 Trí ta, lòng ta, sẽ vẩn vương với nó cho tới bao giờ mới dứt. Tất cả khoảng
 đời dĩ vãng của ta sẽ sống lại trong ta, và như vậy thì việc lánh đời ẩn tu
 của ta còn có nghĩa gì nữa không ?

Rồi nhà tu hành liệng bọc thư vào lửa, nói :

— Hỡi những tư tưởng mền yêu vô ích, hỡi những kỷ niệm xa xưa
 hư ảo, hãy cháy đi với những bức thư này, để ta rảnh trí theo chí hướng
 ta đã tận tụy theo đuổi từ bấy lâu nay.

Trên đường tranh đấu cho lý tưởng, ta có đôi khi cần nhắc lại câu
 nói dứt khoát của nhà tu hành trên chăng ?

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

HÃNG CHÍNH :

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Đại-diện tại Việt-Nam :

11, Nguyễn-Công-Trứ (Lefèbvre cũ) — Saigon

Đ. T. 21.549 — Saigon : 55

58, Đại-Lộ Khổng-Tử (Gaudot cũ) — Cholon

Điện-Thoại : 904

ĐIỆN-BÁO : *COMMUBANK*



Đảm-nhiệm tất cả nghiệp-vụ về

Ngân-Hàng và giao-dịch.

Có đại-lý thiết-lập trên các thành-thị
lớn khắp thế-giới.

Tôi thương

Tôi ở miền Nam nóng bỏng,
Quê-hương miền Bắc mờ sương,
Có mây chiều vấy bốn ngả,
Gió tung hun hút bụi đường.

Nhưng miền Nam đầy nắng đỏ ;
Bắc phương xa cách dặm trường,
Tôi thương miền Trung nhỏ nhỏ,
Hiền lành như tóc thùy dương.

Lối ra Tuy-Hoà bụi đỏ,
Đường về Quảng-Ngãi xa xôi.
Bình-Định hoa thơm vừa nở,
Huế đỏ tím ngắt khung trời.



Tôi đến miền Trung bờ ngõ,
Dừa xanh rủ bóng thơ ngây,
Tiếng hò sao mà thương nhớ,
Âm vang từ xóm thôn gầy.

Bơ vơ giữa hoàng hôn đỏ,
Tôi đi trong khói sương buồn.
Xóm nghèo nên không quán trọ,
Chùa xa nên vắng tiếng chuông.

Đời tôi như mây tám ngả,
Như sao sa lạc lòng đêm.
Cổng tre nhà ai bỏ ngõ,
Muốn vào nhưng ngại chưa quen.

Tôi men hàng tre tới cổng,
Nhìn qua bờ dậu, mãi hiên
Có bà mẹ già đưa võng,
Bên đèn có một... người em.

Miền Trung

Gởi D.M.

Đơn sơ một manh áo mỏng,
Gió lùa lành lạnh... êm êm.
Chân run bước qua bậc cổng,
Tôi vào e-ngại làm quen :

« **T**hưa, tôi là người lính chiến,
Từ lâu yêu tiếng miền Trung.
Về đây không ai hò hẹn,
Lòng không mà nhà cũng không »

Thế rồi từ đêm hôm ấy
Đèn khuya bóng ngả lung linh.
Ngồi gần vào nhau cho ấm,
Chuyện vui như một gia đình...

Ngày vui thường đi nhanh lắm.
Một chiều trước cảnh tiễn đưa
Mẹ già cầm tay căn dặn :
— « Con ơi mạ vẫn đợi chờ »

« **N**gười Em » mắt buồn như suối
Nhìn trời... nắng đông bờ mi,
Lặng lẽ thở dài ái ngại :
— « Buồn không... anh đi... chiều ni... »



Qua tháng năm dài cách trở,
Tôi chưa về được miền Trung.
« Mạ » tôi chờ tôi đầu ngõ
Em tôi... chưa đi lấy chồng...

Tôi hẹn mùa thu nắng đỏ
Về thăm Quảng-Ngãi mây hồng
Có bông cúc vàng sắp nở
Chiều « ni » thương về miền Trung.

Miền Nam đêm tháng 8-57

VĂN-QUANG

NGƯỜI LUYỆN KIẾM

MẶC - THU



UYỀN - HIẾU - VĂN
người đất Thái, tính
tinh phóng khoáng lại
rất sành kiếm thuật. Thuở
trẻ thường bỏ bê việc

học hành, suốt năm chỉ ngao-du khắp đó
đây tìm thầy, kết bạn.

Một buổi rong chiếc thuyền con vui chơi
trên Tây-Hồ, xảy thấy một con chim
oanh sa xuống mặt nước, tiếng kêu
chiêm chiếp nghe rất thảm thương.

Động lòng, Sinh dừng thuyền, vớt
chim lên ủ trong áo ấm. Lát sau thả
cho chim bay đi. Chim nháy lên cánh
tay Sinh, ra dấu cảm ơn, rồi vỗ cánh
bay đi mất hút.

Đêm đó Sinh mộng thấy một giai-
nhân tuyệt đẹp, tuổi chừng đôi tám, mình

mặc xiêm vàng, tự xưng là Hoàng-Oanh-
Nhi đến tạ ơn cứu mạng.

Tỉnh dậy Sinh cho là chuyện mộng
mị thường tình, không lưu ý đến.

Ít lâu sau, một buổi dạo chơi chùa
Hương - Tích, mãi vui quá chén, Sinh
say rượu, gối đầu lên kiếm, lim dim nằm
ngủ ngay trên bờ cỏ.

Chợt từ cổng chùa đi ra một chiếc
kiệu nhỏ, bốn cửa buồng rèm kín mít.
Trận gió nhẹ từ đâu lướt tới khe vén
một bên rèm, đủ cho Sinh thấy bên
trong một giai nhân cực kỳ diễm lệ,
giáng dấp y như cô gái đã gặp ngày
nọ trong mộng. Sinh giật mình sững
sốt thì cũng vừa lúc người đẹp truyền
cho kiệu dừng lại.

Quyền-Sinh bồi hồi cất tiếng hỏi :

— Oanh nương đó chẳng ?

Giai nhân mỉm cười gật đầu, vội vã xuống kiệu thi lễ.

Sinh ân cần hỏi han gia thế. Nàng cười đáp :

— Về nhà sẽ hay !

Nói rồi mời Sinh lên ngồi chung kiệu, cử chỉ khác thường, không e lệ mà cũng không suồng sã.

Mấy tên thị nữ ẻo lả như cỏ bông, vậy mà khiêng kiệu đi vùn vụt như bay làm Quyền Sinh tối sầm cả mày mặt.

Thoắt chốc kiệu hoa đã dừng trước một thôn trang cực kỳ thanh nhã. Bốn phía chim hót véo von. Có con suối chảy róc rách nghe như tiếng đàn. Trông quanh ngan ngát một rừng hoa, hương thơm ngào ngạt. Sinh thấy tâm thảnh thơi, bần thần muốn hỏi. Nàng cười :

— Chẳng phải ngẫu nhiên mà đến đây, chính vốn đã có duyên tiền định !

Nói rồi đi trước dẫn đường, đưa Sinh vào yết kiến một dị nhân, giới thiệu là cha già.

Dị nhân hình dung cồ quái, cao có hơn ba trượng, mình hạc, xác ve. Chân như chân xấu. Râu mọc che kín cả mũi, miệng, rú xuống tận rốn. Mỗi khi

thở ra hít vào, chồm râu phấp phới như ngàn lau có gió lướt. Tiếng nói ròn rảng như chuông đồng. Mắt nhìn sáng quắc như hai ngọn lửa.

Quyền-Sinh sụp lạy. Dị nhân đỡ dậy, ân cần tiếp đãi như quen đã từng lâu. Đêm đó truyền mở tiệc hoa, ghép Sinh với Oanh-Nhi thành đôi lứa.

Quyền-Sinh trong lòng vừa vui vừa bối rối, không dám hỏi duyên cớ, chỉ e đây là một sự nhận lầm.

Nàng tuy nhỏ tuổi, như đủ sắc, tài, đức, hạnh, khiến Sinh cũng vui vui. Ở gần trọn năm mà chưa thấy động lòng hồ hải.

Một bữa Dị nhân mang trong núi sâu về hai thanh kiếm. Ánh thép ban đêm bốc ra có luồng, năm gần lạnh như

nấm dưới tuyết. Bèn giảng đó là hai thanh Thụ và Hùng kiếm. Mỗi đêm hai cha con nàng múa lên, không trông thấy người mà chỉ thấy như hai con giao long quấn quít lấy nhau trong một đám sa mù.

Từ đây Sinh mới biết hai cha con nàng đều là kiếm khách. Tự thấy thẹn thẹn về nỗi tài mình chưa bén gót mà chót đã nhiều lần cao hứng khoe khoang nghề kiếm trước mặt vợ.



Sinh được Dj nhân truyền cho nghề kiếm một năm, đã thấy khác xưa một vực, một trời. Mỗi khi múa kiếm, đã có thể nương đà gió lướt tới ngọn cây như bõn. Năm sau lại được Dj nhân mang thuật luyện kiếm truyền cho. Thanh kiếm đúc ra mềm như lá cỏ non, có thể cuộn tròn dặt trên búi tóc. Khi phóng ra nghe như có gió động ào ào, chém vào sắt như chém bùn.

Ít lâu sau, Dj nhân qua chơi Đông Hải không thấy về, bỏ quên lại một cuốn sách luyện kiếm, còn nguyên một chương chưa truyền dạy cho Sinh. Đó là cách luyện thanh thần-kiếm cuối cùng, cao đạo nhất trong nghề luyện kiếm, có tên là thanh Thê-Huyết kiếm hoặc Bình-Thiên-Hạ kiếm. Với thanh kiếm ấy, có thể thu ngàn đầu người trong muôn dặm như chơi. Nhưng... tất cả đều khó khăn là phải lấy máu ngay trong tim người vợ mới luyện thành.

Nghĩ đến quẻ hương đương có nạn binh lửa, bất giác Quyên-Sinh thở dài, nóng lòng muốn có một phen cắt cánh chim bằng cho thỏa.

Bụng Sinh thực đã muốn luyện thanh kiếm báu, nhưng lòng thì không nỡ. Đêm đêm thao thức không ngủ, chỉ mơ tưởng chuyện lấy ngàn đầu người trong muôn dặm. lâu dần người xút đi trông thấy. Oanh nương có gạn hỏi Sinh chỉ cười gượng mà gạt đi.

Một đêm Oanh nương nghiêm mặt bảo Sinh :

— Lòng chàng nghĩ sao, thiếp đã nhìn thấu suốt. Hiềm gì mà còn chẳng nói ra ? Đón chàng về đây, tự nguyện

nâng khăn, sửa túi là vì cảm đức hiệu sinh của chàng đã cứu cho khỏi chết trên mặt hồ ngày nọ. Truyền kiếm thuật cho chàng, lại dạy chàng nghề luyện kiếm, cha già thực đã sớm lo chàng không đủ đức dùng kiếm. Nhưng vì chiều theo ý thiếp mà vẫn phải làm chuyện trái ý người. Nay chàng chỉ mơ tưởng chuyện máu sắt, không coi muôn mạng sinh linh vào đâu. Lòng chỉ nghĩ đến sự thành việc mà không hề bận tâm đến chuyện chém giết. Như vậy là bản chất của chàng đã đổi từ hiệu sinh đến hiệu sát. Nếu không mau sửa mình, thành sự đâu chưa thấy, vạ lớn sẽ ở ngay bên mình đó !

Quyên-Sinh nín lặng, bụng vẫn không thấy lời nàng là phải.

Oanh-Nhi biết vậy, đêm đến thừa lúc Quyên-Sinh mệt thiếp, ngủ say, trở dậy lấy kiếm báu đâm cồ tự vẫn. Khi máu đã ra nhiều nàng mới đánh thức Sinh dậy mà nói :

— Chàng đã muốn vậy, thiếp chẳng tiếc gì tấm thân tàn này. Máu trong tim đây, vẫn còn nóng hổi, chàng hãy hứng lấy mà luyện kiếm !

Quyên-Sinh hoảng sợ, ôm lấy nàng thì đã không kịp. Sinh đau đớn như cắt ruột, ôm nàng khóc suốt một đêm. Hôm sau tự tay đem đốt cuốn sách thành tro bụi.

Sinh thời Oanh-Nhi vốn ưa trúc. Tự tay nàng trồng mấy khóm rất đẹp trước sân nhà. Sinh chôn cất vợ ngay dưới chân khóm trúc đó. Ba ngày sau, giữa khóm trúc mọc lên một thân trúc rất lạ, mà óng ánh hết như màu xiêm nàng Oanh, khác hẳn những thân trúc khác.

Cũng từ đây, Sinh thấy từ đâu bay về một con chim oanh giống hệt con chim oanh ngày nọ đậu trên cành trúc, hướng về buồng Sinh hót véo-von mỗi buổi sáng. Tiếng chim hót thê thiết, mỗi lần nghe thấy Sinh đều ứa lệ. Lại trên mặt đất, nơi đơm máu Oanh-Nhi, có mọc lên một thứ cây lạ, thân ngắn lá to, Sinh chưa từng trông thấy bao giờ. Nghĩ chuyện Oanh-Nhi, Sinh bèn đặt tên là cây Tắc-Sát. Mỗi lúc đứng ngồi, Sinh như thấy khô héo ruột, gan.

Ít lâu sau, muốn tránh cảnh đau lòng Sinh tính chuyện trở lại quê nhà. Sau khi phóng lửa đốt căn buồng cũ, Sinh không quên dẫn một giống trúc ngà và nhờ cây Tắc-Sát mang theo.

Về đến quê nhà, không còn được nghe tiếng chim oanh mỗi buổi sáng, Sinh nhớ nhung, rồi lâm bệnh nặng nằm liệt giường hàng tháng.

Có người đạo sĩ đi ngang nghe chuyện, tạt vào thăm Sinh, bèn lấy giống trúc khoét một lỗ thủng, rồi lấy lá cây Tắc-Sát nấu thành nhựa bịt vào, châm lửa hút tạt sẽ gặp được người cũ. Đạo sĩ đi rồi, Sinh ngỡ là Di nhân. Ý lời làm theo, quả nhiên điều đầu nghe rõ có tiếng chim oanh hót véo von trong ống

trúc. Điều thứ hai thì phảng phất thấy bóng Oanh-Nhi trước mắt. Sinh khoan khoái tâm thần, bệnh cũ tan đi như mây khói. Bèn lấy tên mình đặt cho ống trúc là ngọc quyền.

Từ đây Sinh thường âm thầm làm việc ấy trong buồng kín. Lại thường khề khà nói chuyện một mình như trước mặt có người thật.

Lòng hiếu sinh hầu như đã chết, lại đâm mằm nầy lộc, đến đôi đàn dạn nầy nở trong nẹp áo Quyền-Sinh mỗi ngày mỗi nhiều mà Sinh không nở giết. Óc thường chán ghét khi nghĩ đến chuyện chiến chinh.

Vùng Sinh ở xảy có loạn. Sinh bèn lui về ở bến Hoàng-Sa, lấy nghề đúc kiếm độ thân. Chẳng bao lâu nổi tiếng có nghề đúc kiếm tuyệt kỹ. Nhưng những lúc đủ tiền, Sinh thường đóng

cửa tạ khách, riêng vui trong buồng kín. Phía Tây đất Thái có tráng-sĩ họ Đỗ, vốn giòng hào trưởng, nổi tiếng cự phú một vùng. Đỗ nuôi chí lớn, thường xuất của nhà mua ngựa, trữ lương, môn-hạ lẫn thực khách kẻ có hàng ngàn. Gặp năm buổi loạn, Đỗ thường bứt rứt, đứng, ngồi như trên nước, lửa. Thời sẵn, thế sẵn, Đỗ hằng ước mong có thanh thần kiếm để thêm uy. Vì



vậy khắp đó đây đều có vết chân Đổ đi tìm bảo vật.

Nghe tiếng Quyền - Sinh sành nghề đúc kiếm, Đổ bèn tìm tới hỏi mua. Quyền - Sinh ân cần khoản đãi. Năm ba ngày ròng chỉ thấy Quyền - Sinh hút thuốc mà không thấy dũa - động đến chuyện bán kiếm, Đổ nổi giận toan gây sự.

Quyền - Sinh biết ý, mỉm cười mời Đổ dùng thử một chiếc rồi sẽ đưa bảo kiếm cho xem không muộn.

Nề lời, Đổ ghé mình dùng thử. Một chiếc rồi hai. Đổ hầu quên phứt chuyện kiếm. Bấy giờ Quyền - Sinh mới chậm rãi trở vào ống trúc bảo Đổ :

— Thần kiếm đó, sao không có mắt !

Đổ vùng trở vậy, dương mắt nhìn. Quyền - Sinh ung dung cầm ống trúc ngà uốn cong lại rồi buông ra. Ống trúc

bỗng biến thành thanh kiếm mềm như lá liễu. Ánh thép xanh loè, át cả ánh đèn dầu lạc. Mỗi khi đưa đi đưa lại có tiếng vi vu như ma khóc, quỷ than.

Đổ kinh dị, chợt hiểu ý Quyền, bèn tự tay bẻ gãy kiếm của mình và bỏ ra trăm lạng vàng xin mua ống trúc của Quyền.

Quyền - Sinh cười xoa, đem bảo vật tặng không cho Đổ.

Ít lâu sau, người trong vùng không thấy bóng dáng Đổ đâu nữa và người đúc kiếm họ Quyền cũng rời nhà đi một nơi khác không ai rõ.

Có người đi lấy củi trong non cao kể chuyện có gặp Quyền - Sinh và Đổ tráng sĩ, đi chân giày rơm, đầu đội nón lá, lưng đeo mỗi người một ống trúc, hát nghêu-ngao đi sâu mãi vào trong núi.

LỜI BÀN : Thời nhân có kẻ bàn rằng : cứu con chim oanh mà được vợ đẹp, họ Quyền thực đã gặp may. Chỉ vì nghĩ đến chuyện lừa binh mà mất vợ hiền, nàng Oanh sao quá nghiệt.

Giữa một thiên hạ đại loạn, tà, chính chưa phân, kẻ đẹp loạn xưng là hiếu sinh, vì sinh linh mà hiếu sát ; kẻ nổi loạn cũng mượn cơ hiếu sát vì hiếu sinh, cái đức hiếu sinh thực khó mà định rõ.

Giả thử có được thanh bình Thiên-Hạ Kiếm, để mấy ai dám quyết trong một lần phóng đi chỉ lấy đủ chín trăm chín mươi chín (999) đầu kẻ phạm tội.

Có thần kiếm trong tay là đã có uy. Giới hạn được sự xung-sát, ấy mới là có đức. Việc làm đó phi người đại đức thì không ai làm nổi.

Có người cho họ Quyền có tội vì đã an thân trong cảnh loạn, nghe cũng không sai. Nhưng lại có kẻ cho rằng họ Quyền có công vì chỗ không dám mượn uy thần kiếm khi tự biết mình không đủ đức dùng kiếm, thì cũng không phải là không đúng.

NHẬT GIA

TỪ - VU

(Bản dịch của VI-HUYỀN-ĐẮC).

Đại gia đình họ Lâm ở Hàng-Châu, vì Trung-Nhật chiến-tranh, tàn-cư xuống Thượng-Hải.

Qua nhiều sự thay đổi, nào ông Hai tức Lâm Tiên sinh ra ở riêng với các con, nào tiền đề dành gần cạn, nào nhà cửa ở Hàng-Châu bị tàn-phá, nào việc chú Ba biên-thủ tiền quý ở ngân-hàng rồi đào tẩu, đến Cụ ông mất, gia-đình họ Lâm lại đoàn-tụ một nơi, ở trường Viết-Hoa, do bà Hai mở chung với cô Lâm - Đại. Cả cậu Tư, em Lâm-Tiên-Sinh, cũng dạy ở trường đó.

Nhưng cậu Tư lại đem phát-giác nhiều khuyết-diểm của trường Viết-Hoa, và chỉ-trích hai vị hiệu-trưởng, cho nên Bà Hai rất đổi buồn-bực, và cũng vì thế, nên ông Hai tìm gặp cậu Tư để mắng và khuyên em.

Nhưng vì tư-tưởng quá bất đồng với Lâm tiên sinh, nên Cậu Tư đã quả-quyết ra hậu-phương. Trước khi đi, Cậu có để lại hai bức thư, một cho Bà Cả, và một cho Lâm tiên sinh.

Bà Cả đọc được chừng một nửa bức thư thì bà cầm lòng không đậu, bà sụt-sịt khóc. Cụ Bà cũng òa lên khóc. Cụ bảo chỉ tại vợ chồng ông Hai mà nó phải bỏ nhà ra đi. Vợ chồng ông đã bức-lầu em nó. Bà Cả còn cầm ở trong tay một phong thư nữa, đó là phong thư cậu Ba gửi cho ông Hai. Bà không dám cho Cụ Bà rõ về cái phong thư đó và bà cũng không dám

bóc ra, bà định-ninh sẽ đưa thẳng cho ông Hai, để ông bóc. Cụ Bà vật - vờ khóc than một cách vô cùng thảm-thiết. Bà Cả cũng tự - nhủ, không thể nào khuyên can được cụ, nên bà đi gọi giầy nói để báo tin cho ông Hai rõ; xong đâu đấy, bà đi tìm bà Hai.

Bà Hai được tin cũng chẳng biết nói sao. Bà bảo bà đương bận việc, vậy bà nhờ bà Cả lên khuyên-giải Cụ. Bà

cũng không hiểu tại sao, lúc đó, bà muốn tránh mặt Cụ Bà. Bà đợi cho đến lúc ông chồng bà về, đề trước khi lên phòng Cụ Bà, bà bàn - định với ông một vài lời ; nhưng khi ông về, bà không tìm ra một lời nào để nói với ông ; bà lảng-lặng đi theo ông lên trên lầu, đến phòng Cụ Bà.

Cụ Bà đương thì than-khóc. Bà Cả đứng một bên, khuyên - giải Cụ. Khi thấy hai vợ chồng ông Hai vào, Cụ bảo : « Mẹ hiểu rồi, hai vợ chồng cậu đã bức-tầu nó ! »

Ông Hai không dám cãi, bà Hai chỉ cười nhạt.

Ông Hai nói :

— Mẹ ạ, đề cho nó ra hậu-phương, nó nếm qua sự khờ-cực, nó mới biết thân nó...

— Phải, nó còn ở đây ngày nào, nó như cái đinh, cái gai, trong mắt các người, nó đi đi cho các người dễ thở, các người vui-sướng !

— Khờ quá ! Sao mẹ lại nói thế, nó đi là tự-ý nó...

— Tôi biết, tôi biết lắm, cái lũ người này làm vướng bận cho các người nhiều lắm... Ai có đường, có nẻo thì xéo tuốt cả đi, cho các người ở với nhau, cho yên thân, mát ngót !

Ông Hai ý-muốn giằng-giải một hai lời với Cụ, nhưng bà Hai đưa mắt lừ ông và làm hiệu bảo ông đừng có nói. Bà trông trước, trông sau rồi lén ra ngoài lúc nào ấy. Ông Hai cũng hiểu khó lòng mà lấy lời-lẽ khuyên - giải Cụ được, nên ông quay đầu, định đi ra, thì bà Cả đưa phong thư của cậu Tư cho ông. Ông cầm lấy thư và bảo bà Cả :

— Chị Cả ạ, chị làm ơn khuyên-giải mẹ giúp chúng tôi với... Bà Cả gật đầu.

Ông nói xong, đi ra khỏi phòng.

Về buồng ông, ông bóc thư ra coi. Bức thư dài quá. Nửa trên cậu kể-lễ về cái số phàm hẩm-hiu của cậu ; nửa dưới cậu trách bà Hai đủ-điều ; sau cùng cậu nói, chỉ khi nào kháng-chiến hoàn-toàn thắng-lợi, cậu mới sẽ trở về với sự thành-tựu. Cuối thư cậu có viết ở chỗ lại bút rằng, vì không có tiền đi đường, cậu phải thuê hai chiếc xe đạp và đem nó bán đi, đề cậu và bạn cậu dùng làm lộ-phí, vậy xin ông anh bồi-thường cho người ta.

Đọc xong thư, ông Hai cũng thấy thương em ; ông nhìn ra ngoài trời, lòng nao-nao ân-hận. Bỗng, một tiếng thở dài đã làm ông quay đầu lại. Bà Hai đương nằm ở giường, bà thấy ông bóc thư ra đọc và không để ý tới bà. Bà yên-trí thế nào, ông cũng sẽ đưa thư cho bà coi, nhưng đợi hoài, không thấy ông nhúc-nhích. Bà phát làm như vậy, đề gọi ông. Quả nhiên, ông như bưng lĩnh, ông liền đi lại phía giường, ông ngồi ghé xuống thành giường lơ-dăng đặt lá thư xuống, rồi ông mới chợt nhớ ra, không nên cho bà đọc làm gì đề rồi lại sinh điều, đề chuyện, nhưng quá muộn mất rồi ; bà Hai với lấy bức thư, dơ lên đọc.

Ông Hai đứng lên và đi vòng quanh trong - phòng, mặt đăm chiêu. Ông rút một điếu thuốc ra hút. Ông đi chán, lại đi ra, đứng tựa vào thành cửa sổ. Bỗng bà Hai khóc nức lên. Ông đi lại, Bà nói :

— Thế này thì còn trời, đất nào nữa !
Thì ra, tất cả những cái gì mình làm
ân cho nó đều đổ xuống sông, xuống
biển ráo ! Ấy may mà tôi không tiêu
của Lâm-gia một đồng, một chữ nào,
không thì còn là khổ !...

— Tuy thế, nó trẻ người, non dạ,
nó còn là trẻ con, đã biết cái gì đâu.

Bà cười nhạt, đáp :

— Phải, nó chẳng biết cái gì, nhưng
vụ oan, giá họa, đòi ân ra oán thì
không ai bằng... Em nói thiệt, giá ví
thứ họ có cách nào để chia rẽ vợ chồng
mình ra, họ sẽ không từ đâu, chứ cậu
đừng có tưởng !

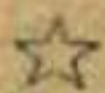
— Gớm, thôi mợ đừng có nghĩ
quần làm gì cho nó thêm râu ruột,
râu gan !

— Mình càng nghĩ, càng tiếc công,
tiếc của, của mình !... Đấy ! anh với
em, ruột với thịt, đấy ! Ông chẳng thấy
đâu, chỉ thấy oán...

Bà lại bùng mặt khóc hu-hu. Ông chẳng
biết làm thế nào, chỉ ngồi lấy khăn,
lau nước mắt cho bà.

Bỗng có người gõ cửa. Người hiệu-
dịch lên nói, có người ở hàng cho thuê
xe-đạp, họ đến để đòi xe, vì xe thuê
suốt từ sáng, đến bây giờ chưa thấy
đem trả.

Ông Hai phải lật-đật xuống nhà dưới
để điều-dinh, và bồi-thường giá tiền hai
chiếc xe đạp mà cậu Tư và bạn cậu,
đã đem bán đi, đúng như lời trong lá
thư của cậu Tư.



Từ ngày cậu Tư đi khỏi, Cụ Bà
đã thay đổi hẳn tính-linh, Cụ có một
tâm - cảnh lúc nào cũng đầy phần - uất.
Bởi vậy, không mấy ngày, cụ không

lôi-thôi với bà Hai. Thời-thường ít khi
bà Hai dám thò mặt lên phòng Cụ, nên lâu
lâu, Cụ lại nhân việc này, việc khác,
Cụ tạ-sự để đi tìm bà Hai. Ấy thế
là mẹ chồng, nàng dâu, lại đấu khẩu;
nhưng bao giờ bà Hai cũng nhận Cụ,
hoặc bà kiểm soát lệnh ra ngoài, để cho
Cụ ngồi một mình, Cụ nói chán, mỗi
mồm, Cụ thôi. Mười lần như một,
bất cứ trong trường - hợp nào, hay đối
với việc gì, sự kết-thúc vẫn là việc ông
Cả và Cụ ông mất đi, cậu Ba và cậu
Tư bị bức-lậu. Rồi đến việc bà Hai
lãng-loàn, ông Hai nhu-nhược ; giá ví
thứ Ông Cả còn sống thì đâu đến nỗi,
đó chẳng qua Lâm-gia đến ngày « đại
kiếp, đại-số ».

Mỗi lần lôi-thôi với Cụ Bà, bà Hai
lại giày-vò, day - nghiền ông Hai. Bà
khăng-khăng một dị, bắt ông Hai phải
đi tìm nhà để cho Cụ ở riêng ra, chứ
năm ngày, ba chuyện như thế này thì
không còn làm ăn, không còn thề nào
sống nổi. Bà nói :

— Thôi thì, tôi thế này, tôi thế kia,
tôi xấu, tôi không ra gì, xin mời Cụ,
Cụ đi nơi khác Cụ ở...

Ông cau mặt, nói :

— Nhưng mà, mợ ơi, Cụ già - nua,
tuổi-tác như vậy, để Cụ ở riêng ra một
mình, làm sao cho tiện ?

— Thì để bà Cả bà ấy đi theo Cụ
mà hầu Cụ, chứ tôi thì tôi chịu...

— Đã đành vậy, nhưng hai chốn,
bốn nơi, sự ăn tiêu sẽ tốn-phí vô-cùng.

— Thế nhà chị Cả cũng có lương
đấy, chẳng lẽ mình phải nuôi ba mẹ
con bà ấy suốt đời, hay sao ?

— Lương - lậu của chị ấy được là
bao mà nuôi nổi cả nhà...

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

— Thà bằng, ta bù thêm vào cho bà ấy ít nhiều, mỗi tháng, cũng còn hơn sống chung-đụng như thế này, khó thở lắm.

Nói vậy thì nói đấy thôi, nhưng phải bỏ tiền ra, bà Hai, cũng còn phải so-kè, bẻ măng, còn chán. Tuy nhiên, ông Hai cũng đã đi tìm nhờ; tiền sang, tiền nhà bây giờ lại còn cao hơn trước nữa. Bởi vậy, việc thuê nhà hãy để đó, và ngày lại cứ qua ngày.

Trong kỳ nghỉ hè, học trò về hết, nên bà Cả và hai đứa con bà cùng ăn cơm với ông Ông Hai. Nhưng cứ vài ba bữa, bà Hai lại cùng ông Hai mang lũ trẻ nhà bà đi ra ngoài để, hoặc ăn cơm ở nhà bố đẻ của bà, hoặc ở nhà bạn, hay ở hiệu, cũng không có chừng mực nào nhất-định, thành-thử ra, ở nhà, chỉ có bà Cả, Cụ Bà và hai thằng Tiều-Bành, Đại-bành ngồi ăn thôi. Rồi về sau, khi bà Hai và ông Hai ăn cơm nhà, thì bà Hai ra lệnh cho nhà bếp sẽ cơm đem lên trên phòng của Cụ Bà để cho bốn người kia ăn với nhau, còn hai vợ chồng bà với lũ con ăn ở phòng ăn như thường - lệ.

Rõ là cái cảnh mặt trăng, mặt trời, họ hết sức tránh mặt nhau. Có khi, ba bốn ngày liền Cụ Bà không gặp mặt ông Hai. Có bữa Cụ muốn hỏi ông Hai một điều gì, thì vừa ăn xong ông đã về phòng đóng chặt cửa lại. Họ nói là đi nghỉ, nhưng kỳ-thực, vợ chồng, con-cái họ quay-quần hú-hí với nhau. Cụ Bà lấy thế làm khờ-tâm vô-cùng, nhưng đất chẳng chịu trời, thì trời phải chịu đất, chứ biết làm sao, bây giờ?

Ngày cứ trôi qua, cảnh-linh của Cụ Bà và Bà Cả, càng ngày, càng thêm tác-tệ. Bữa ăn chẳng có gì, cá trơn, thịt oai, rau héo, người ta cho ăn ra sao thì nên vậy. Rõ cái cảnh ăn gửi, nằm nhờ. Cụ Bà ăn trường - trai mà những đĩa rau, đậu, cứ có mỡ, có bì, có thịt. Chẳng hiểu họ vô-sinh, hay hữu-ý, mà cứ luôn-luôn như vậy. Cụ Bà tức-giận lắm, nhưng không thể nào gặp được mặt ông con. Còn bà Hai, hề đả-động tới việc cơm - nước là bà than-van, bà kêu-ca, những rằng, rau cỏ đắt, gạo kém, than lên giá, mực sống càng ngày càng cao vọt lên, rồi đây, không biết làm thế nào mà sống cho qua.

Không biết có phải lại đồ ăn ôi-oai, hay tại Cụ Bà buồn-phiền thái-quá về nhà cậu Tư, mà cuối tháng Bảy, Cụ lâm bệnh.

Cụ ho, Cụ sốt, Cụ đau bụng, Cụ đi ngoài.

Bà Cả nói chuyện với bà Hai để đi mời thầy thuốc chữa cho Cụ. Bà Hai chủ-trương cho Cụ đi nhà thương, nhưng, cũng chưa quyết-định hẳn, thì ông Hai về.

Bà Hai nói :

— Theo ý tôi, nên cho Cụ đến y-viện, ở đấy, có đủ thầy, đủ thuốc, có khám-hộ người ta trông - nom cho Cụ, nhất-định hơn ở nhà.

Ông Hai nói :

— Ở y-viện một hai hôm thì ăn thua gì, mà ở lâu thì đắt tiền lắm.

Bà Cả nói :

— Thôi, xin đề mời một vị Trung-y thì hơn, vì Cụ vẫn tin thuốc Bắc hơn.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON

36, Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
(Ex. Chaigneau)

Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH

26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)

Téléphone : 385 et 543
B.P. 122

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer, et à l'Etranger, notamment en A.O.F., A.E.F., Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le-Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co Inc.), au Caire et à Alexandrie (Crédit d'Orient).

Bà Hai lại nói :

— Mời thầy thuốc sao bằng đến y-viện được, ở y-viện cũng có ba hạng kia mà, nếu nằm ở hạng ba thì cũng không đắt mấy.

Ông Hai, nhìn Cụ Bà rồi nói :

— Chết, chết, Cụ già nua thế kia, nằm ở hạng ba làm sao chịu nổi.

Chính Cụ Bà, Cụ cũng không ưng đi y-viện điều-trị. Bởi vậy, ông Hai chiều theo ý mẹ, cho đi mời trung - y, nhưng mời ba, bốn cụ lang, uống sáu bảy chén thuốc, bệnh không thuyên-giảm một tí nào. Cụ vẫn cứ suốt ngày đi rửa, nên người Cụ sút đi trông thấy. Người đã có tuổi mà bị tả tới ngần ấy hôm, thì còn gì là người.

Bà Hai lại bàn tới việc cho Cụ đi nhà thương. Ông Hai cũng không phản-đối, nhưng ông Hai chủ - trương, phải để Cụ nằm hạng nhì, và bà Cả phải theo Cụ vào nhà thương để phục-thị. Cả Bà Hai cũng chẳng phản-đối ; bà Cả cũng cho là phải. Lúc đầu, Cụ Bà không ưng, nhưng bà Cả dỗ Cụ mãi, Cụ mới nghe theo.

Như vậy, một chiếc xe của y-viện đến đón Cụ. Ông Hai và bà Cả đem các đồ vật đi theo Cụ đến nhà - thương ; xếp đặt cho Cụ nằm yên trên giường bệnh rồi ông Hai mới trở về nhà.

Thầy thuốc ở y-viện mới nghiệm-định rằng, Cụ mắc chứng lỵ. Chỉ mấy bữa là khỏi lỵ, nhưng Cụ xoay ra khó thở, nhiệt - độ lại vọt lên rất mau. Thầy thuốc đoán - định là Cụ bị xưng phổi, phải đem Cụ chiếu điện. Cụ bị chứng kết-hạch ở trong phổi, bệnh-tình khá trầm-trọng ; thứ nhất Cụ đã cao tuổi,

y-sinh e-ngại, không biết có trị-liệu nổi hay không. Mỗi ngày, ông Hai lại thăm Cụ một lần, Bà Hai cũng có đến.

Đến hôm thứ tư, ông Hai và bà Hai đến y-viện thì Cụ vừa tiêm thuốc xong, và Cụ dương thiu-thiu, chớp mắt đi. Bà Cả đứng một bên Cụ.

Bà Hai sợ truyền-nhiễm, bà dắt ông Hai đi ra ngoài phía cửa. Cụ Bà tỉnh giấc, Cụ thấy thở, đỡ khó nhọc hơn. Thần-chí của Cụ cũng thấy thanh-sảng hơn. Cụ cũng ang-ang ông bà Hai ở ngoài cửa, Cụ mới bảo bà Cả gọi hai vợ chồng ông vào.

Ông Hai đi tới bên Cụ, Cụ nói :

— Mẹ thấy khá hơn nhiều, thôi các con hãy đi về đi...

— Thưa mẹ, mẹ có cần thuốc gì không, kia ạ ?

— Không, mẹ chẳng cần gì cả, các con đi về đi, để mai mà còn đi làm việc.

Bà Hai đã bước ra cửa. Ông Hai đứng dừng lại. Ông móc túi lấy ra ba chục bạc, đưa cho bà Cả, ông nói :

— Chị cầm lấy mấy chục này, xem mẹ có cần gì thì chị mua, hết, chị cho em biết em sẽ đưa thêm.

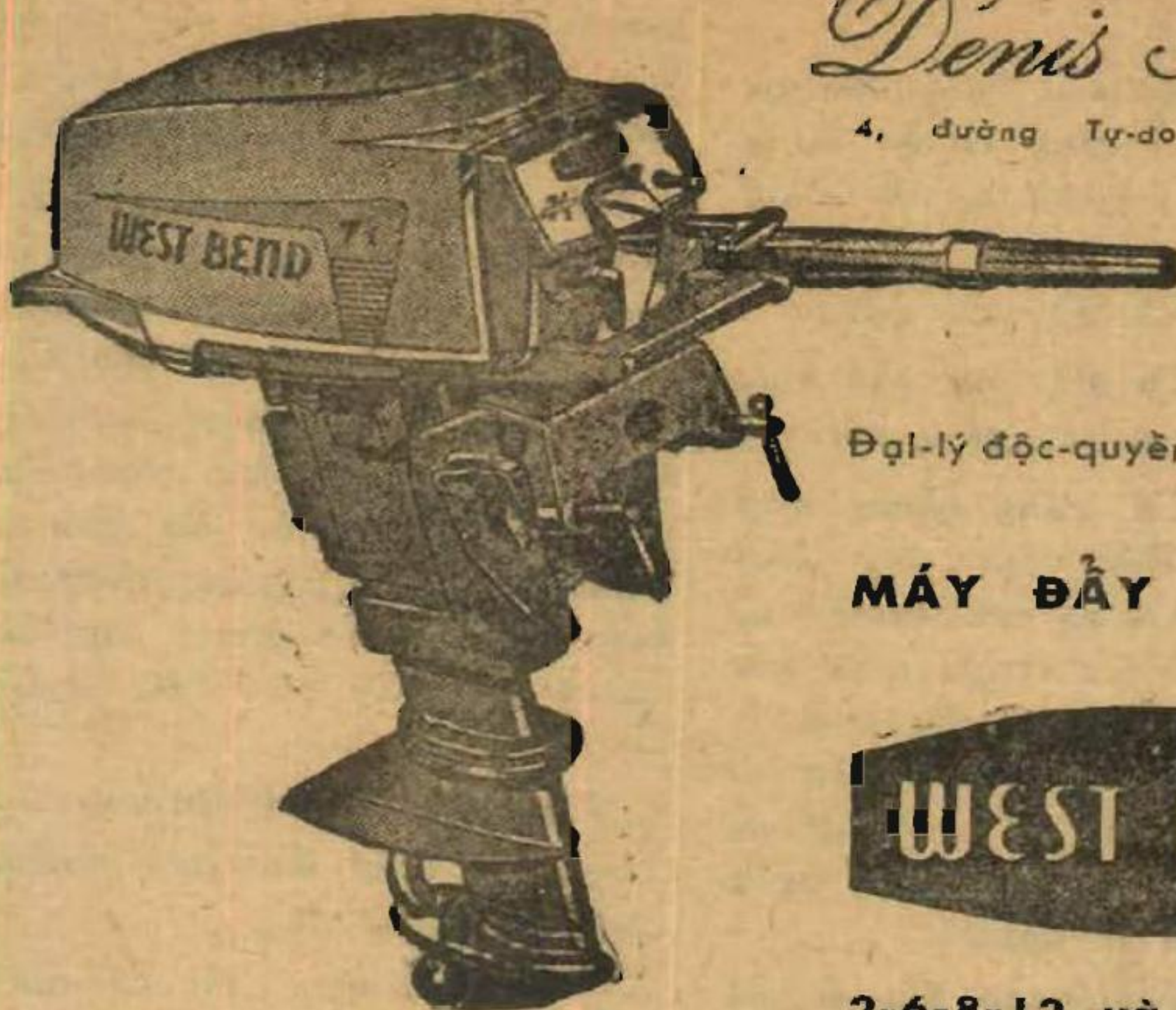
Bà Cả cầm lấy số bạc. Ông Hai nhìn Cụ. Cụ lại nhắm mắt, nằm yên. Ông Hai mới rón-rén bước ra khỏi phòng.

Cụ Bà nghe rõ tiếng chân ông Hai, nên Cụ hỏi :

— Vợ chồng nhà Hai nó về cả rồi, hả ?

— Thưa vâng. Bà Cả đáp.

Cụ gọi « Tỉnh-Viện ! ». Tỉnh - Viện là tên riêng của bà Cả, ít khi Cụ dùng



Denis Frères

4, đường Tự-do - SAIGON

Đại-lý độc-quyền tại Việt-Nam

MÁY ĐẨY CA - NỐT



2-6-8-12 và 30 mã-lực

J.M. MOHAMED ISMAEL FILS AZIZ & C^o

Import — Export



REPRÉSENTATION



Téléphone : 21.219
Ad. tél. : JASMIN

175 - 179, đường Tự-Do - SAIGON

nó đề gọi người nàng dâu Cả của Cụ, trừ những trường-hợp đặc-biệt. Cụ nói đã có phần khó - khăn, nhọc-mệt ; mỗi tiếng bị đứt-đoạn, Bà Cả nghe thấy vậy, Bà cảm lòng không đau. Cụ gọi xong hai tiếng tên bà Cả, Cụ phải nghỉ một lát, mới lại nói tiếp được. Cụ bảo:

— Con ạ, mẹ biết mình mẹ, chỉ đêm nay... hay... sáng mai... thôi... Mẹ đuổi vợ chồng nó về... đề mẹ dặn con... một, hai lời... trong khi mẹ còn đủ... tinh-thần... đủ sáng... suốt... Quả thiệt tình... Lâm-gia... đến hồi đại - kiếp... đại-số rồi... Con ơi !... Mẹ nung chẳng lưu-luyến gì với đời nữa... mẹ chết sớm được ngày nào, hay ngày ấy... con ạ !..

Cụ như người hết hơi. Cụ phải ngừng lại, và thở dốc lên từng cơn một.

Bà Cả, nước mắt chạy quanh, bà sẽ nói :

— Mẹ nói gở thế làm gì, mẹ đã đỡ rồi mà...

— Không, con ơi ! mẹ-biết mình mẹ... mẹ cũng chẳng thấy vui gì mà sống... chẳng qua, mẹ sống thêm ngày nào... chỉ làm lụy cho người... lụy cho mình !

— Con van mẹ, mẹ nhọc lắm, mẹ đừng nói nữa, mẹ hãy nghỉ yên đi đã...

— Bây giờ thì... mẹ đã rõ... đứa nào tử-tế... đứa nào hiếu-thuận... Nếu ví dù, nhà Cả nó còn sống thì mẹ đâu đến nỗi... mẹ cơ-cực...

Cụ nói đến đó thì Cụ ho rũ ra. Bà Cả dấm lưng, vuốt ngực cho Cụ, bà dỗ Cụ :

— Con van mẹ, mẹ hãy nghỉ đi đã, mẹ đừng nói nữa, con van mẹ.

— Không con ơi ! mẹ phải... Mẹ muốn nói... cho con rõ... Mẹ có mình nào... thì... thì... sau khi chôn cất cho mẹ... mồ êm, mả đẹp rồi... thì... con nên đem hai thằng Tiểu - Bành, Đại-Bành... ra hậu-phương, mà về nhờ anh ruột của con, chớ con không ở được đây... nữa đâu... Con phải nghe lời mẹ... Lâm-gia đến ngày phải ly-tán... Kiếp-số thiệt rồi !... Đại-Bành, Tiểu-Bành, cố mà nuôi dạy... chúng nó... cho nên người... Nhà Cả, nó xấu-số, thiệt-phận... chỉ còn có hai giọt máu đó... chúng nó sẽ nối dõi cho lòng-đường nhà họ Lâm... Mai hậu, chúng nó phải hiền-đạt... đề tranh - kết với...

Cụ lại phải dừng lại đề thở ; Cụ thở một lát, chừng như đã lại hồn, Cụ mới dơ tay lôi chùm chìa-khóa ở dưới chiếc gối đầu ra, rồi Cụ bảo bà Cả :

— Con hãy mở giùm mẹ, cái rương đề ở dưới gầm giường này ra...

Bà Cả đỡ lấy chìa-khóa. Bà ngồi xuống, lôi chiếc rương đa ra ngoài, rồi lắp chìa-khóa, mở nắp.

— Con hãy lấy cái gói làng vải hoa ra đây, cho mẹ...

Đó là một cỗ « thọ-y » bằng lụa màu vàng, có đóng giấu của nhà chùa.

— Ở giữa còn có một gói giấy...

Bà Cả lấy gói giấy ra.

— Con hãy mở nó ra...

Cụ vừa thở, vừa nói khó-khẩn lắm mới được mấy lời đó.

Bà Cả mở ra, ở trong gói có một đôi xuyên bằng vàng, một chiếc vòng nhận chân-châu, một chiếc nhẫn bằng ngọc

DESCOURS ET CABAUD

Bả o - H i ệ m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS - INCENDIE

Tai-nan

Hỏa-Hoan

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
HONGKONG — TANANARIVE



Parker 61

Đến đây, người ta bắt đầu xây dựng công trình.

Nhà soạn với nhiều năm nghiên cứu gần đây của hai nhà Parker đã trở thành một công trình lý thuyết vững chắc. Chỉ 100 năm trước đây hai nhà Parker đã tưởng tượng một thế giới lý tưởng và 2 giờ học lý thuyết của họ đã trở thành một thế giới thực và lý tưởng.

Trong một bài báo Parker đã là một thành viên của một tổ chức nghiên cứu và người đã nhận được sự ủng hộ của chính phủ.



Quá khứ: ai đã từng xuất hiện khi tôi đang học Parker Quack với tôi đây Parker U.

THE PARKER PEN COMPANY, JANESVILLE, WIS., U.S.A.

Tổng cục Bộ: L'U.C.I.A 333, QUAI LỘ NGUYỄN-HUẾ - SAIGON

phí-thúy, một chiếc nhẫn mặt ngọc, hai chiếc nhẫn vàng, một chiếc nhẫn Nguyên-Bảo, hai đôi hoa tai phí-thúy và một cành hoa chân-châu. Cụ nói tiếp bằng một giọng run-run, khàn-khàn :

— Đáng lẽ, mẹ đeo tất cả đi, nhưng thôi, con chỉ đeo cho mẹ một đôi hoa tai và một chiếc nhẫn Nguyên-Bảo thôi, còn bao nhiêu, mẹ để lại cho con, còn có ích hơn.

Bà Cả không sao cầm được nước mắt, bà nức-nở nói : « Mẹ... »

— Thôi, con cất những cái ấy đi, rồi lấy áo cho mẹ thay...

— Nhưng, thưa mẹ, con thiết-tưởng...

— Con hãy cố mà nuôi dạy hai thằng Tiều-Bành, Đại-Bành, cho nó... nên người... để khỏi cô-phụ lòng mong-mỏi... của mẹ...

Bà Cả không dám nói gì nữa ; bà nhận thấy giờ-khắc nghiêm-trọng, nên bà chỉ, nhất-nhất, vâng theo lời Cụ. Bà gói ghém các đồ mỹ-trang lại, rồi đem bỏ thọ-y ra. Cụ bảo :

— Trước hết, con đi lấy một ít nước lên cho mẹ...

Bà liền đi bấm chuông gọi người phục-dịch của y-viện để xin nước.

Cụ đòi ngồi lên. Bà Cả đỡ Cụ ngồi tựa vào thành đầu giường, bà lấy gối kê vào phía sau lưng cho Cụ. Cụ lại ho rũ, ho rọi, mất một lúc lâu. Cụ lại thấy dễ chịu hơn, hơi thở đỡ khó nhọc, Cụ mới đưa ra ngoài chần, một cái bao giấy và Cụ rế-rọt bảo bà Cả :

— Đây là ba ngàn đồng bạc ... mẹ đã dành dụm được... từ lâu... để lo việc hậu-sự cho mẹ... Con hãy giữ lấy một ngàn đồng, để cho Tiều-Bành, Đại-Bành, lấy tiền... đi học... Con ra hậu-

phương, cố đi tìm... cho được thằng em Tư mà đưa cho nó một ngàn để cho nó có tiền mà lấy vợ... Còn một ngàn ... con mua cho mẹ một cỗ quan-lài... Còn các phí-tồn khác, để cho vợ chồng nhà Hai nó lo liệu... À ! Còn những pho kinh của mẹ, sau khi mẹ chết rồi con đem đốt tất cả đi cho mẹ...

Người phục-dịch của y-viện đã đem một chậu nước nóng lên. Bà Cả mới đi rửa mặt, rửa chân tay và lau mình cho Cụ. Rồi, bà thay quần áo cho Cụ, đeo hoa tai, đeo nhẫn vào cho Cụ. Xong đâu đấy, xem chừng Cụ nhọc lắm, hơi thở cứ yếu dần. Bà Cả phải đỡ Cụ và đặt Cụ nằm xuống. Cụ nằm yên. Cụ không nói gì nữa. Có lẽ Cụ đã á-thanh rồi.

Lúc đó cũng đã khuya lắm. Gian phòng trở nên vô cùng vắng-lặng, Bà Cả thấy hơi giòn-giợn, nhưng bà mệt quá, bà vừa đặt mình, nằm ghé xuống giường, thì ngủ thiếp đi, lúc nào không biết.

Đến quãng ba giờ sáng, bà Cả kinh-linh, bà nghe thấy cụ khe-khe rên-rỉ, bà vội chạy lại, hỏi Cụ :

— Mẹ ! Mẹ có khát nước không, để con lấy...

Cụ bà lắc đầu, nét mặt cụ đầy vẻ đau-khò, thiếu-não. Bà Cả đứng nhìn Cụ, chờ người ra, không biết tính sao. Mãi sau, bà mới sức nghĩ, phải gọi thầy thuốc. Bà bấm chuông. Người khán-hộ lên, bà ngỏ ý lo ngại. Người khán hộ bảo bà :

— Chữa được bệnh, chứ không ai chữa được mệnh ! Quan thầy có phật là tiên, là thánh gì đâu ; quan thầy đã biết trước rằng, bệnh của nhà bà Cụ

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632-21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

khó lòng lắm... Quán thầy bảo tiệm thuốc, thì tôi đã tiệm thuốc rồi, bây giờ, bà chỉ nên đánh điện-thoại mà gọi người nhà lại, là hơn cả...

Tuy nói vậy, nhưng người khản-hộ cũng tiệm một mũi thuốc nữa cho Cụ. Đó cũng là cưỡng-tâm mà làm, chứ Cụ sống thêm giờ nào, càng khổ thêm giờ đó.

Bà Cả đánh ngay điện-thoại cho ông Hai, nhưng lúc đó còn trong vòng giới-nghiêm, nên mãi đến năm giờ sáng ông bà Hai mới tới được y-viện. Khi ông bà tới, thì bà Cả đã đương ôm lấy thi-thề của Cụ bà, mà khóc!

Như vậy, cả nhà đều khóc vang lên. Chẳng biết, người chết có nghe thấy những tiếng khóc ấy hay không, nhưng ít ra, tất cả người ở trong nhà thương đã nghe thấy.

Người ta đã đem thi-hài của Cụ xuống dưới nhà xác, và việc báo tang cũng được phát-xuất ngay. Cả nhà rộn-rịp sửa-soạn tang-lễ ở nơi nhà xác.

Ông Hai và bà Hai ý muốn làm đủ nghi-lễ để cho việc tống-táng Cụ được thiệt trọng-thề, vì các thân-bằng cố-hữu của ông Hai, bà Hai đều tập-nập đến phúng-viếng. Bởi vậy, người ta đã bày biện linh-vi ở chỗ lễ-đường của y-viện.

Ngày hôm sau, trong khi quan-khách đến điều-lễ, bà Cả, bà Hai đã khóc rất to và rất nhiều. Lũ cháu, trai có, gái có, đều bận tống-phục, sắp hàng hai bên linh-cữu. Ai cũng thì-thào bảo nhau: « Cụ Bà thiệt là có phúc, con cháu đầy đàn! »

Bà Cả đã khẽ nói với ông Hai rằng, Cụ dặn lại, phải mua một cỗ áo một ngàn đồng; bà Cả giao cho ông

năm trăm và ông Hai, không dám trái di-ngôn của mẹ, nên ông đã đi mua cho bằng được cái cỗ thọ tối-hảo một ngàn đồng, nhưng, đối với bà Hai, ông chỉ khai có mỗi ba trăm đồng. Nhờ sự biến-trá của ông mà người chết, cũng như người sống, ai cũng được vừa lòng!

Các việc tầm-liệm, việc rước đám, cùng sự bi ai đều kết-thúc vào buổi chiều hôm đó.

Ông bà Hai cũng đã bỏ ra một món tiền khá lớn, vì bà Hai đã muốn hãnh-diện, nhưng bà không khỏi không xót ruột, nên sau tang-lễ, bà tỏ một đáng-diệu vô cùng mệt-mỏi. Về tới nhà, bà nằm vật ra giường.

Bỗng, bà chợt nghĩ tới những di-vật của Cụ bà. ...uất lạ, sao lại chỉ có toàn những quần-áo và đồ dùng thường ngày thôi, kìa? Thề nào cũng còn có ít nhiều tiền nong, đồ lễ-nhuyễn, của riêng tây, chứ sao lại không còn một li, một tí gì, là nghĩa làm sao? Trước tang-lễ, bà vẫn đinh-ninh rằng, dù có bỏ ra ít tiền để mua lấy cái lá mặt với bà con, bà cũng sẽ kéo về được với những di-vật của Cụ Bà. Đến nay, chẳng có gì! Bà không thề nào không nghĩ cho Bà Cả đã tham-tâm giấu biến đi mà truất phần của bà. Bà thấy ghét cay, ghét đắng bà Cả.

Rồi ba ngày, rồi thất thất lại tuần. Ngày giờ cứ trôi đi băng-băng. Học-hiệu đã tới ngày khai-giảng, trước cái lễ một trăm ngày của Cụ Bà.

Bà Cả có một người anh buôn bán ở Côn-Minh, mà đây chính là nơi bà có thề nương tựa để nuôi con. Sau khi đưa Cụ Bà tới chỗ an-nghỉ ngàn năm, bà

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE
PHÁP - Á - NGÂN - HÀNG

(Hội năcdanh với số vốn 400.000.000 quan)

Chi-nhánh tại SAIGON
29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín: Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



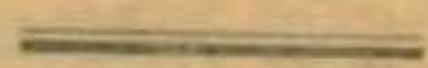
TẤT CẢ CÔNG - VIỆC NGÂN - HÀNG



**Đại - diện các Ngân - Hàng
trên thế-giới**



*Ngân-Hàng thừa-nhận do Viện
Hội - Đoài Quốc - Gia Việt - Nam*



Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

vội-vàng viết thư cho ông anh ; bà kè-lẻ hết sự biến-cổ đã xảy tới ở gia-đình nhà chồng bà. Nay bà bị lâm vào cảnh mẹ góa, con cô, không nơi y-thân ; vậy bà xin ông anh, vì tình máu mủ mà bao-dung ba mẹ con bà, để bà có chỗ ký-thân để thờ chồng nuôi con.

Lẽ dĩ-nhiên là ông anh bà Cả đã đủ lòng thương người em gái. Ông viết cho bà một bức thư đề giới-thiệu bà với một người bạn hàng, thường đi lại, từ Triết-Giang lên Vân-Nam ; ba mẹ con bà sẽ nhờ người đó dẫn-đạo để lên Côn-Minh. Nhân ở lién này, hiện có một đồ-thư-quản đương cần một viên-chức để trông coi, và bà có thể làm việc đó được, Bà Cả liền đi tìm người bạn hàng của ông anh để tiếp-xúc với người đó, cùng là ấn-định ngày giờ lên đường.

Bà Cả đợi một buổi sáng ngày chủ-nhật, nhân có cả ông Hai, bà Hai cùng ở nhà, để nói chuyện về việc bà xin từ chức.

Xưa nay, nếu không có công chuyện gì thì không mấy khi bà đến phòng của ông bà Hai, nên, khi hai người thấy bà Cả vào thì lặng-yên, đợi bà nói ; bà nói ngay :

— Chú thím ạ, gần đây, tôi thấy trong người không được khỏe-khoản cho lắm, mà công-việc nhà trường thì bề-bộn, tôi tự nhận thấy, lực bất khả kham, vậy, tôi muốn xin chú thím, tôi nghỉ việc và rồi tôi sẽ lên chỗ ông anh tôi để nghỉ-ngơi ít lâu...

Ông Hai vốn vẫn biết bà Cả có một ông anh ở Côn-Minh, nên ông liền hỏi :

— Có phải chị muốn đi Côn-Minh không, kia ạ ?

— Vâng.

Một ít lâu nay, ông Hai thường thấy bà Hai không được mãn-ý về bà Cả, nên ông cũng thừa theo ý của bà vợ mà bảo bà Cả :

— Ở trên ấy khí hậu tốt lắm, và cũng dễ làm ăn đấy, nếu chị có ý-định đi hậu-phương thì chị đi đi, đó cũng là một dịp tốt.

— Ông anh tôi có một người quen ở đây, đầu cuối tháng này, họ sẽ đi Côn-Minh, vậy có lẽ tôi sẽ cũng đi với họ, cho tiện.

— Cuối tháng này, ấy ư ?

Bà Hai nhìn lên tấm lịch treo ở trên vách, rồi bà nói liếp :

— Ô, thế chỉ còn mười hôm nữa sao ? À không, mười hai hôm, chứ...

— Phải, đúng mười hai hôm...

Ông Hai nói thế và liếp :

— Thế chị đem cả hai thằng cháu nhỏ đi chứ ?

Bà Hai tự-ý trả lời họ cho ba Cả :

— Lẽ tự-nhiên là chị phải mang chúng nó đi, chứ... Nếu để chúng lại đây thì chị yên tâm sao được.

Bà Cả cười, nói :

— Ể chúng nó lại đây, chúng sẽ làm phiền thím, vì chúng nó nghịch lắm, thím chịu sao nổi.

Ngừng lại một giây, bà lại nói thêm :

— Thừa chú, thím, một mình tôi đi thì ít phí-tồn, chứ, có thêm hai thằng nhỏ, tiền đi đường sẽ gấp bội, vậy, chú thím làm ơn giúp cho ít nhiều bàn-phí.

Ông Hai đáp :

— Lẽ tự-nhiên là chúng tôi phải giúp chị, nhưng chị cũng đã rõ cả đấy... giá sinh-hoạt quá mắc-mỏ, sự chị-liều trong

91010210

AIR LAOS

VIENTIANE — BANGKOK : Lundi, Jeudi, Samedi
BANGKOK — VIENTIANE : Mardi, Jeudi, Samedi
VIENTIANE — HONGKONG : Mardi
HONGKONG — VIENTIANE : Mercredi

VIENTIANE — SAIGON — VIENTIANE

par Quadrimoteur

STRATOLINER

Jeudi et Samedi

par Douglas DC 3

Mardi et Dimanche

VIENTIANE-XIENGKHOANG : Lundi, Mercredi, Vendredi

VIENTIANE — LUANGPRABANG — LUONG NAM THA —

MUONGSING : Lundi, Mercredi, Vendredi.

Renseignements et Réservations

65, rue Lê-Thanh-Tôn — SAIGON — Tél : 22.102



Hãy Mua Phân Thần-Nông

sẽ được kết quả tốt đẹp

với phân THẦN-NÔNG

Quý Ngài sẽ được nhiều lợi

Bán tại hãng

LOUIS OGGLIASTRO & C^{ie} S.A.R.L.

50, Bến Chương-Dương — SAIGON



Công-Ty Độc-Quyền ở Việt-Nam



nhà rất tốn, lại vừa rồi, tang sự của mẹ cũng tiêu mất vô số là tiền; tuy-nhiên, dầu túng thì túng, chúng tôi cũng cố tìm cách đỡ chi một món, thí dụ, độ ba trăm đồng, chẳng hạn, thì chúng tôi xin cố-gắng, chứ hơn nữa thì thiệt là không đủ điều-kiện.

— Tôi xin cảm ơn chú, thím.

Bà nói xong một tí thì bà đi ra. Bà Hai ở trong buồng nổi giận lên đùng đùng. Bà bảo :

— Cậu có nhiều tiền lắm, thế kia ! Ba trăm đồng, cậu lấy ở đâu ra ?

— Ô hay, thế không giúp chị ấy một đồng nào, hay sao ?

— Cậu chẳng còn biết gì hết, thế bao nhiêu đồ tư-trang của Cụ Bà biến đi đâu ? Nếu những thứ đó không ở trong tay chị ấy thì nó ở đâu ? Xanh không có lỗ, cá đi đâu ? Lại còn sợ chị ấy không có tiền đi đường ?

— Đã đành vậy, nhưng chị ấy mẹ góa, con cô, lên trên ấy cũng còn phải sinh nhai... một nách hai đứa con dại !

— Phải, cậu thì bao giờ cũng nhân-đức lắm ! Một ít lâu nay, làm không ra tiền, bây giờ có đồng nào, cậu đem cậu vét sạch, đưa cho chị ấy !

— Sao mẹ lại cứ nói quá ra như thế làm gì, mình chỉ giúp chị ấy có một lần này là lần cuối cùng... chẳng lẽ, chị ấy đem con đi nơi khác mà mình lại khiết-nhiên không giúp, thì coi sao cho tiện, rồi người ngoài họ nói, chứ lại... Với lại, nếu chị ấy đem con đi, thế là mình đành tay, từ nay không còn có họ hàng, có dây mơ, để má gì, phiền-nhiều nữa, kia mà ?

— Phải, nói thì dễ lắm. Với cái lối « của người, phúc ta » của cậu, ai mà

chẳng từ-thiện, nhân-đức được ! Một mình tôi, dầu tất, mặt tối, thiệt là kiếm đồ bồ-hôi cái bồ-hôi con ra, mới được đồng tiền, chứ có đi hốt ở đâu ra, rồi nào, người già chết người trẻ bỏ đi, nhứt nhứt một tí, một li nào, cũng là tôi đi lo tiền, đi chạy ngược, chạy xuôi để kiếm ra tiền cho các người xài phí, riêng vào cái thân tôi, tôi đã được tiêu, được hưởng một tí nào chưa ?

— Ở kia, thế mẹ quên mất cái lý-tưởng của vợ chồng mình rồi hử. Mình vẫn đã chẳng bảo nhau, không mong làm giàu, làm có, chỉ miễn làm sao cho có được một cái tiểu gia-đình yên vui, hòa thuận... Ta chẳng cần có nhiều tiền, ta sống toàn bằng tinh-thần kia mà... chỉ có mỗi ba trăm đồng bạc mà mẹ làm cái gì mà sồn-sồn lên thế, kia chứ !

Nghe ông Hai nói như vậy, bà hơi dịu-dịu nét mặt, bà bảo :

— Không phải tôi tiếc ba trăm đồng bạc, nhưng, tôi rất ghét cái thái-độ của nhà chị ấy, đã cuỗm ráo cả món tư trang của bà Cụ rồi, còn thon-thót cái mồm xin giúp, với xin đỡ... Với lại, cậu nữa, cậu chẳng hỏi qua ý-kiến của tôi cậu đã nghiệm - nhiên lên mặt nhân-đức, từ-thiện !

— Tôi tưởng tôi nghĩ thế nào, mẹ cũng nghĩ thế... Nếu tôi không nói thì mẹ cũng đến ưng-ý giúp chị ấy thì dĩ... xưa nay, tôi vẫn biết, mẹ rộng bụng kia mà...

— Rộng bụng với « chả » rộng lòng, đồng tiền của tôi kiếm ra, nó là tiền bồ hôi, nước mắt... mà cậu lên mặt ta đây rộng lượng, ta đây từ tâm, làm phúc, làm phúc cái của người, phúc ta đó, ai mà chẳng làm được.

TRANVANTHI

Số 7, đại-lộ Nguyễn-Huệ (lầu ba) — SAIGON

Hàng xuất nhập-cảng - Số vốn VN\$ 3.000.000

Xuất-cảng : Ngũ-cốc và nông-sản khác.

Nhập-cảng : Thực-phẩm, hàng vải, kim khí, đồ đồng, đồ sắt, đồ điện, các loại máy.

ĐẠI - LÝ ĐỘC - QUYỀN

- | | |
|------------------------------|------------------------------------|
| ZUNDAPP DELPHIN (Đức) | — Máy gắn ghe lườn và tam bản. |
| BAUSCHER (Đức) | — Máy kéo diesel, nằm và đứng. |
| FACIT (Thụy-điển) | — Máy tính, quay tay và chạy điện. |
| ROCKET (Nhật-bổn) | — Máy làm nước đá và cà-rem. |

Vapad

1957

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI PHI-MÃ

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

— Thôi được, từ rày dờ đi, lời sẽ hỏi ý-kiến trước... lần này đã chót thế, mợ cũng cố xếp cho chị ấy ba trăm, đề chị ấy đi, cho xong, chứ tôi, tôi cũng chẳng biết lấy ở đâu ra nổi ba trăm đồng bạc !

Sau lời thú-tội và thị-nhược của ông, bà mới ngó-ngó cơn tam-bành. Vài hôm sau, bà đếm ra đủ ba mươi lăm giấy bạc mười đồng, ví chi đi là ba trăm đồng. Bà đếm đi, đếm lại thấy xót ruột quá. Bà định bụng đưa gói bạc cho ông Hai, đề ông Hai giao cho bà Cả. Bà cầm tập bạc trong tay, xoay đi, xoay lại mãi. Sau bà tự nhủ, tại sao không tự tay trao cho bà Cả, đề nhân dịp, lên mặt đại-lượng, bao-dung. Phải, kẻ đưa cho, bao giờ chẳng hãnh-diện, mà người ngửa tay nhận lĩnh, bao giờ chẳng là kẻ kém vế, kém cạnh, kẻ chịu ơn. Bà nghĩ như vậy, liền gọi vú-già Trương, đề sai vú đi tìm bà Cả lên ! Bà lại cầm lấy xấp bạc, dờ ra ; bà rút một xấp ra, dùng ngón tay bật bật, rồi, không biết nghĩ - ngại thế nào, bà rút ra một tờ mười đồng. Bà lại mở ví lấy một tờ giấy một đồng cho vào chính giữa xấp. Bà ngẫm-ngẫm chép miệng một cái, lấy luôn một xấp nữa ra, và cũng thay thế vào bằng một tấm giấy một đồng. Như vậy, bà rút lại được mười tám đồng, vì trong hai xấp, chỉ còn có chín mươi một đồng thôi. Hằng biết, dờ đi được ngót hai hục đồng, trong số tiền ném đi không trông thấy tấm ! Trong khi trao đổi, đánh tráo, mắt bà lăm - lét, chốc chốc, lại nhìn ra cửa ; tay bà run-rẩy, luống-cuống, mặt bà men-mét tái. Nếu có một cặp mắt nào, ở trên tường, trên vách, soi-bói cái cử-chỉ gian-lận của bà, tất người chủ cặp mắt đó cũng

phải thương-hại cho bà, bà đã làm một việc tốt mà không thể làm được cho trọn- vẹn, cho trót-lọt. Ấy thế, rồi những người vào hạng có một tâm - địa nhỏ-nhen như bà, sẽ cứ quai mồm ra kêu ầm lên : « làm ân nên oán ». Khốn nạn, họ có hiểu đâu rằng, làm một việc tốt, một việc ân, việc nghĩa, thiệt không khác gì, người đi tu, đối với « chánh-quả ». Chỉ một lời « thất-trực » cũng đủ làm cho điều ân, điều nghĩa trong bao nhiêu lâu đồ ráo xuống sông, xuống biển. Chỉ vì tiếc mười lăm đồng bạc, mà mất mất cái nghĩa-cử ba trăm là vậy. Nhất-định cái số tiền ngót một phần mười kia, sẽ chuyển cái ân nọ thành cái oán đời đời !

Bà Cả lên. Bà Hai cầm xấp bạc, đưa cho bà Cả, nói :

— Chị này, đây là số ba trăm đồng mà cậu nó đã hứa giúp chị, Cậu nó cũng chẳng « bói » đâu ra lấy được số tiền to này, nên tôi phải tìm cách, vay khéo của nhà trường, đề đưa chị, chị lấy tiền đi đường...

— Thiệt làm phiền chú thím đủ điều ! Bà nói xong, dờ xấp giấy ra như có ý-muốn dờ ra đếm lại. Bà Hai luống-cuống lo-ngại, lăm-lét nhìn bà Cả. Bà Hai, đề gỡ biển, liền hỏi bà Cả :

— Thế hôm nào chị định đem hai cháu đi Côn-Minh ?

— Theo như họ nói thì chậm lắm là đầu tháng tới này...

Bà Cả nói xong, gấp xấp giấy bạc đút vào túi trong, rồi đi ra khỏi phòng. Bà Hai thở dài khoan - khoái. Nhất-định, cậy rằng, bà cũng không dám nói cho ông rõ cái việc hoạch-lợi trên đây. Bà chỉ mừng thầm cho sự thắng - lợi của bà. Đối với ông, việc nghĩa-cử trị-giá vẫn đứng là ba trăm đồng bạc, mà !

Nếu sau đây, bà Cả có thấy thiếu mất mười tám đồng, thì nhất - định bà

Cả sẽ cho là làm-lắm, chớ đời nào dám kêu. Từ hôm đó lối ngày lên đường, bà Cả hết sức bận rộn; nào mua sắm thức này, thức kia; nào gói-ghém đồ hành-lý.

Đến hôm khởi-hành, bà Hai mua cho hai thằng Tiều-Bành, Đại-Bành một hộp bánh và một gói kẹo. Từ trước đến nay, bà Hai không hề bông-bẽ hay vuốt-ve hai thằng nhỏ, cùng là cười, nói với chúng nó bao giờ. Hôm nay, bà mới đặc-biệt vỗ vào đầu chúng nó và nói với chúng nó một hai câu. Hai đứa lấy làm lạ và cứ ngơ-ngác đứng chờ ra nhìn bà, không chớp mắt.

Sau cùng, bà Hai đưa ba mẹ con bà Cả đến tận cửa ngoài đường. Còn ông Hai thì tiễn chân họ ra tới mối lén tàu.

Nhân hôm ấy lại là ngày chủ nhật, ông Hai không phải đi làm. Khi

ông trở về nhà, ông đã thấy bà Hai phần sắp tươì đẹp, với một bộ cánh lông-lẫy, đương đợi ông. Bà bảo:

— Ta đi xem chớp bóng, cậu ạ.

— Ừ, nhưng đi xem ở đâu?

— Ta đến Đại-quang-Minh, cậu ạ...

Bà nói xong, liền khoác tay ông đi ra khỏi phòng, ra khỏi học hiệu, trong lòng bà hớn-hở vui tươi; bà cảm thấy nhẹ mình thênh-thênh và trẻ hẳn lại. Bà không còn thấy có một thứ gì vướng-bận, bó-buộc nữa.

Phải! Bây giờ, họ chỉ còn có mỗi hai người và, một vợ, một chồng và bà đưa con gái nhỏ, có thể thôi. Đây mới là một cái tiểu gia - đình mười phần, toàn-mỹ vậy!

HẾT

Dịch tại Trà-hoa-trang.

16-7-55

16-8-55

Kể từ số tới, chúng tôi sẽ hiến quý độc giả cuốn truyện dài:

KHOÍ LỬA KINH THÀNH

của Lâm - ngữ - Đường, do Vi - huyền - Đặc dịch.

Nguyên trước của bộ tiểu thuyết này viết bằng Anh văn và đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Nay, dịch giả đã theo bản Hán văn dịch ra tiếng Việt.

Đối với các nhà phê bình ở Âu, Mỹ, bộ truyện này có một giá trị tương đương với cuốn «chiến tranh và hoà bình», một kiệt tác của văn hào Tolstoi.

Tuy trong truyện chỉ tả cuộc sinh hoạt của hai gia đình, nhưng nó có một đặc tính là nó đã phản ảnh được cả cái xã hội Trung hoa trong ngót bốn chục năm trường. Độc giả sẽ chứng kiến bao cuộc đổi thay, bao sự thăng trầm, từ lúc triều đình Mãn Thanh bắt đầu suy vi với cuộc loạn quyền phỉ, tới cuộc chinh biến năm Mậu tuất, từ cuộc cách mệnh năm Tân hợi, tới cuộc vận động Ngũ tứ, rồi tới cuộc quốc dân cách mệnh và việc biến cố ở Đông bắc cho đến khi xảy ra vụ Lư-câu-kiều cũng là sự kháng chiến toàn diện của nhân dân Trung hoa, chống sự xâm lăng của quân phiệt Nhật-bản.

Đem được cả một thời đại đầy thanh, đầy sắc của cái nước Trung-hoa cũ kỹ, đương mê ngủ, bỗng bừng tỉnh và đổi mới, vào trong khuôn khổ nhỏ hẹp của một cuốn tiểu thuyết, là một kỳ công. Nếu không có quyền uy trên lãnh vực tư tưởng, có thịnh nghiệp về bút mực, không thể nào thành công được. Với ngót một ngàn trang giấy in và dư bảy mươi vạn chữ, độc giả sẽ nhận thấy rõ cái linh cảm của một thiên tài và cái mỹ lực của cây bút họ Lâm.

Chúng tôi sẽ lần lần trích đăng, mỗi chương, một vài đoạn, thiên tiểu thuyết đó, để cống hiến độc giả thưởng lãm.

BACH - KHOA

HÀNG LA-VE B.G.

*Phung, Su' nên
Kính tế Việt-Nam
từ năm 1875*

LA-VE LARUE

LA-VE "33" EXPORT

**BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE**



Đừng Hộp Quẹt là BLUE BIRD
phụng-sự nên kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestiere
et des Allumettes

(SIFA)

346, Bến Vân-Đồn

Đ. Thoại 21.950

Đ. Tin Forestière

THE BANK OF EAST ASIA, LTD **(ĐÔNG - A NGÂN - HANG)**

Agence de Saigon : 6, Đường Võ-Di-Nguy

Téléphone : 20.565 — 20.566 — Ad. Télégr. : Bankeasia

Siège Social : No 10, Des Voeux Road Central, Hongkong

TOUTES OPERATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Agences et Correspondants dans toutes les grandes villes du Monde

COFFRES - FORTS A LOUER

(Avec Conditionneur d'air)

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE HÀNG RƯỢU BÌNH TÂY



Eau de Cologne et Lotion de PREMIÈRE QUALITÉ



Rượu luyện-tinh hảo-hạng làm bằng rượu nếp. Các thứ nước hoa đều
chế bằng rượu luyện-tinh, tốt bậc nhất hoàn-cầu, cùng các chất hoa ở bên
Pháp thuộc vùng Grasse (Alpes Maritimes).

Bán sỉ và lẻ tại : 135, Pasteur — SAIGON

Bán lẻ tại khắp các nhà buôn đứng-dồn.

Các nhà buôn muốn lãnh bán (dư trả lại), do nơi Văn Phòng Công-Ty
135, Pasteur — SAIGON

ĐÂY LÀ MỘT KIỂU

TRONG CÁC LOẠI XE

AUSTIN



MÀ QUÍ NGÀI CÓ THE ĐẶT MUA NGAY
T A I

HÃNG GARAGES CHARNER

131 - 133, ĐẠI - LỘ NGUYỄN - HUỆ — SAIGON

Đ. T. 20.423 và 22.531

An advertisement for Great King cigarettes. On the left, there is a detailed illustration of a cigarette pack. The pack is white with a crown logo at the top and the words "Great King" in a stylized font. Below the brand name, it says "CIGARETTES". To the right of the pack, the words "Thuốc thơm hảo hạng" are written in a cursive script. Below this, the brand name "Great King" is printed in large, bold, stylized letters. The entire advertisement is enclosed in a decorative border.

Thuốc thơm
hảo hạng

Great King

AIP. 56

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu,

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

BUTAGAZ, hơi đốt dùng nấu nướng
tốt nhất



**SẠCH - SẼ
TIỆN - LỢI
ÍT TỐN KÉM**



- B** - Đốt cháy liền
- U** - Khởi mắt ngay giờ
- T** - Không khói, không bụi
- A** - Dùng nấu nướng các thứ
- G** - Không làm nhút dầu hay cay mắt
- A** - Khởi phải coi chừng ngọn lửa
- Z** - Một bình hơi dùng:

TỔNG PHÁT HÀNH:
POINSARD & VEYRET

bằng 120 kí-lô than
hoặc 2 thước củi
hoặc 135 kí-lô-vát điện

CIGARETTES

MÉLIA



MITAC

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỶ

DIỄN - ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA - THIẾT ĐẾN CÁC VẤN - ĐỀ
**CHÍNH - TRỊ, KINH - TẾ, VĂN - HÓA,
XÃ - HỘI.**

Chủ-nhiệm : HUYNH - VAN - LANG

hợp - tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN

TĂNG-VĂN-CHI

ĐỖ-TRỌNG-CHU

LÊ-THÀNH-CƯỜNG

TRẦN-LƯU-DY

LÊ-PHÁT-ĐẠT

NGUYỄN-VĂN-ĐẠT

NGUYỄN-LÊ-GIANG

PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO

NGUYỄN-HỮU-HẠNH

LÊ-VĂN-HOÀNG

NGUYỄN-VĂN-KHẢI

PHẠM-DUY-LÂN

NGUYỄN-QUANG-LỆ

TRẦN-LONG

BÙI-BÁ-LƯ

DƯƠNG-CHÍ-SANH

NGUYỄN-HUY-THANH

BÙI-KIẾN-THÀNH

HOÀNG-KHẮC-THÀNH

PHẠM-NGỌC-THẢO

BÙI-VĂN-THỊNH

NGUYỄN-TẤN-THỊNH

VŨ-NGỌC-TIẾN

VŨ-THU-TỊNH

NGUYỄN-TẤN-TRUNG

PHẠM-KIM-TƯƠNG

HOÀNG-MINH-TUYNH

BÙI-CÔNG-VĂN